

慧覺文集

HUỆ KHẢI

QUAN THÁNH
XƯA VÀ NAY

HUỆ KHẢI

QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY

HUỆ KHẢI. Thê danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Bút danh: Dũ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHÊ DŨ LAN, LÊ KHANG THÌN... Chủ biên giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Nxb Tôn Giáo, 2012, 2013, ấn tổng mỗi quý).

ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:

NHỚ ĐẠT LINH (chủ biên, 2008) • **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI** (viết chung với Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRANG TIẾN BỐI CAO TRIỆU PHÁT** (viết chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012).

HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tổng)

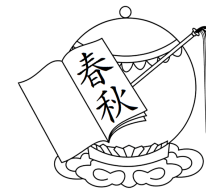
ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGÔ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • **MỘT DÒNG BÁT NHÃ** (2010, 2013) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHIP CẦU TƯƠNG TRI** (2011) • **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011, 2013) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012) • **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011) • **TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ** (2012, 2013) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950** (2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012, 2013) • **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN** (2012, 2013) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995, 2013)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2013



Hiền tỷ **NGUYỄN THỊ AN**
(81 tuổi, gởi đợt 69: 10.000.000 VNĐ)

và Quý môn sanh Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi
(Long Vân Đàn, Mỹ Tho, Tiền Giang):

Hiền tỷ **TRẦN THỊ LỆ DUNG**
(gởi đợt 68: 10.000.000 VNĐ)

Hiền tỷ **DIỆU THANH**
(gởi đợt 67: 10.000.000 VNĐ)

Hiền tỷ **NGỌC BỬU CHÂU**
(hồi hương cứu huyền thất tổ
gởi đợt 66: 10.000.000 VNĐ)

Hiền huynh **LÊ VĂN BÍCH**
(gởi đợt 62: 10.000.000 VNĐ)

chung tay ấn tổng lần thứ nhất năm ngàn (5.000) quyển.

Kính nguyện hồi hương cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

MỤC LỤC

* Giao Cầm	6
1 Thân Thế Quan Vũ	7
2 Tiền Thân Quan Vũ	15
3 Thanh Long Xích Thổ	23
4 Kỳ Tích Quan Vũ	25
5 Tôn Thánh Tôn Hiệu	43
6 Thờ Quan Thánh	55
7 Tranh Tượng Quan Thánh	69
8 Câu Đối Về Quan Thánh	77
9 Đền Thờ Quan Thánh Ở Việt Nam	89
10 Quan Thánh Với Tình Yêu Nước Của Người Việt	101
11 Hội Những Người Cùng Họ Quan	109
* Tu Học Theo Lời Dạy Của Đức Quan Thánh	111
1 Đức Hy Sinh	112
2 Xét Lại Chính Mình	123
3 Sống Lại Tinh Thần Đạo Đức Bất Biến	129
4 Chùa Thất Không Có Người Chơn Tu Hành Đạo Thì Như Hang Chứa Rắn Độc	137
5 Giáo Dân Vi Thiện	147
6 Đức Tính Của Người Tu	157
7 Minh Đức Để Quy Nguyên Thống Nhất Đại Đạo	163
8 Món Quà Cuối Năm Cho Người Hữu Tâm Tìm Đạo	171
* Sách Tham Khảo Chính	179

GIAO CẦM

Ngày 13-8-1982 (24-6 Nhâm Tuất), trong dịp kỷ niệm Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Thánh Đế Quân tổ chức tại thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà – thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, hiện nay tọa lạc ở phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TpHCM – tôi được hân hạnh góp phần công quả với câu chuyện về QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.

Năm 1995, tôi xuất bản *Quan Thánh Xưa Và Nay* (Hà Nội: Nxb Văn Hóa - Thông Tin). Sách hết từ lâu. Năm nay, nhân dịp ấn tống, tôi hiệu đính bản in cũ và bổ sung tám bài thánh giáo của Đức Quan Thánh trong đạo Cao Đài.

Bào đệ **LÊ ANH MINH** trợ giúp tôi rất nhiều trong việc tham khảo các tài liệu chữ Hán có dẫn trong sách cũng như cộng tác với tôi chú giải tám bài thánh giáo của Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế.

Tôi biết ơn quý vị Mạnh Thường Quân trong *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* đã trợ duyên, tạo phương tiện tài lực dồi dào để tôi đủ cơ duyên tái bản quyển sách nhỏ này cũng như nhiều sách khác.

Con kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Quan Thánh ban ơn lành đến toàn thể ân nhân của con và cửu huyền thất tổ của những vị con mãi mang ơn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Tháng 11-2012

HUỆ KHẢI

1. THÂN THỂ QUAN VŨ

1. Tổ tiên ba đời Quan Vũ

Theo *Quan Đế Minh Thánh Kinh*,⁽¹⁾ tổ tiên ba đời của Quan Vũ gồm có: ông tổ là Quan Long Phùng, ông nội là Quan Thẩm, tự là Văn Chi, cha là Quan Nghị, tự là Đạo Viễn.

2. Tên thật

Không kể đến các huyền thoại thêu dệt trong *Tam Quốc Ngoại Truyện*, phần lớn sách vở đều chép giống La Quán Trung, rằng Quan Vũ là họ tên thật.⁽²⁾

3. Tên tự

Theo La Quán Trung, Quan Vũ lúc đầu tên tự là Thợ Trường, sau đổi thành Vân Trường.⁽³⁾

Theo *Từ Hải*, Quan Vũ tự là Trường Sinh.⁽⁴⁾

Mayers chép tên tự là Vân Trường.⁽⁵⁾

* Khi chú thích nguồn tham khảo, các sách được viết tắt, kèm theo năm in và số trang, để trong dấu [...]. Xin xem đầy đủ chi tiết tác giả, nhan đề... ở *Sách Tham Khảo Chính*, tr. 179.

⁽¹⁾ [Minh Thánh 1930]. Kinh xuất hiện ở chùa Ngọc Tuyền, có sách cho là vào đời vua Quang Tự nhà Thanh. Khi trích dẫn phần kinh văn chữ Hán, từ đây trở đi gọi tắt là kinh Minh Thánh.

⁽²⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10]

⁽³⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10]

⁽⁴⁾ Bản tự Trường Sinh 本字長生 [Từ Hải 1948: 1412]

Werner lại chép tên tự là Trường Sinh, sau đổi ra Thợ Trường, rồi lại đổi thành Vân Trường.⁽⁶⁾

4. Quê quán

La Quán Trung chép Quan Vũ quê làng Giải Lương, tỉnh Hà Đông.⁽⁷⁾

Mayers bảo ông là người đất Giải Châu, tỉnh Sơn Tây.⁽⁸⁾

Werner viết ông là người đất Giải Lương, sau đổi tên là Giải Châu, rồi lại đổi là Giải Huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Tây.⁽⁹⁾

Từ Hải cho biết lúc đầu tên đất là Giải Lương, sau sáp nhập huyện, tỉnh thành châu nên đổi tên là Giải Châu.⁽¹⁰⁾

Theo *Tam Quốc Ngoại Truyện*, cũng như một vài câu đối ở miếu, đền thờ Quan Thánh, lại cho là Quan Vũ là người Bồ Châu. Thí dụ:

- *Sinh Bồ Châu, giúp Dự Châu, ngôi trấn Kinh Châu, tay đỡ dựng ngàn thu sự nghiệp;*

Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.⁽¹¹⁾

- *Sanh Bồ Châu, sự Dự Châu, thủ Từ Châu, chiến Kinh Châu, vạn cổ Thần Châu hữu hách;*

⁽⁵⁾ [Mayers 1971: 92, mục từ 297]

⁽⁶⁾ [Werner 1969: 227]

⁽⁷⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10]

⁽⁸⁾ [Mayers 1971: 92]

⁽⁹⁾ [Werner 1969: 227]

⁽¹⁰⁾ [Từ Hải 1948: 1234-1235]

⁽¹¹⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 268, 269]

Huỳnh Huyền Đức, đệ Dục Đức, thích Mạnh Đức, cảm Bàng Đức, thiên thu chí đức vô song.⁽¹²⁾

Kinh *Quan Đế Đào Viên Minh Thánh Tụng Bản*, lược thuật:

Sinh trưởng ở thành Giải Lương, trọng phu lập chí theo kinh Xuân Thu.⁽¹³⁾

5. Kết nghĩa vườn đào

Theo La Quán Trung, Quan Vũ đến huyện Trác thì tao ngộ Lưu Bị (hai mươi tám tuổi) và Trương Phi. Bàn bạc ở một quán rượu xong, ba người Lưu, Quan, Trương hẹn nhau hôm sau họp mặt trong vườn đào phía sau nhà Trương Phi, bày lễ phẩm cáo tế trời đất:

Chúng tôi là Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, tuy rằng không có họ hàng gì với nhau, nhưng đã kết làm anh em, thì phải đồng tâm hiệp lực, để cứu người khốn, giúp kẻ nguy; trên báo đền nợ nước, dưới giúp đỡ cho dân, ba chúng tôi không cần phải cùng năm, cùng tháng, cùng ngày để chỉ nguyện ước chết với nhau cùng năm, cùng tháng, cùng ngày. Xin trời cao đất dày chứng minh cho chúng tôi. Nhược bằng ai trái nghĩa quên ơn, xin trời tru đất diệt.⁽¹⁴⁾

Mayers chép rằng ba người Lưu, Quan, Trương kết nghĩa vườn đào năm 184.⁽¹⁵⁾

Werner bảo ba người kết nghĩa năm 191, ở Trác Châu,

⁽¹²⁾ Xem 8. *Câu Đối Về Quan Thánh*.

⁽¹³⁾ Xuân Thu trọng phu chí, sinh trưởng Giải Lương thành.

春秋丈夫志 / 生長解梁城.

⁽¹⁴⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10-11]

⁽¹⁵⁾ [Mayers 1971: 92]

sau này là Trục Lệ.⁽¹⁶⁾

Về lý do ly hương của Quan Vũ, cũng như việc kết nghĩa vườn đào, Tam Quốc Ngoại Truyện thêu dệt nhiều giai thoại với những chi tiết khác hơn, có lẽ không đáng tin...

6. Năm sinh của Quan Vũ

Từ những chi tiết về năm mất và tuổi của Quan Vũ như trình bày ở mục 7 dưới đây, có thể suy ra Quan Vũ sinh năm 162 và mất khoảng năm 219.

Phần lớn các đình ở miền Nam thường lấy ngày 13 tháng Giêng âm lịch kỷ niệm ngày sinh của Quan Vũ.

Tam Quốc Ngoại Truyện ghi ngày sinh là 19 tháng 7.⁽¹⁷⁾

Một số đình, miếu thờ Quan Thánh lại chọn ngày 29 tháng 3, hoặc 13 tháng 5, hoặc 20 tháng 6, hoặc 10 tháng 7 để kỷ niệm vía (ngày sinh) Đức Quan Thánh.⁽¹⁸⁾

7. Năm Quan Vũ lìa trần

Theo Mayers, Quan Vũ lìa trần năm 219,⁽¹⁹⁾ nhằm đời vua Hán Hiến Đế.

Theo Werner Quan Vũ bị Tôn Quyền giết năm 220.⁽²⁰⁾

Theo La Quán Trung, Hồi Thứ Bảy Mươi Ba, sau khi làm lễ tế cờ, chuẩn bị tiến quân đánh Phàn Thành, Quan Vũ nằm nghỉ trong trường, và mộng thấy một con heo đen

⁽¹⁶⁾ [Werner 1969: 228]

⁽¹⁷⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 14]

⁽¹⁸⁾ Xem 9. *Thờ Quan Thánh*.

⁽¹⁹⁾ [Mayers 1971: 92]

⁽²⁰⁾ [Werner 1969: 228]

tuyền, to bằng con trâu, chạy xộc vô trường cản ngay chân ông. Năm ấy Quan Vũ “*đã ngót sáu mươi tuổi*”.⁽²¹⁾

Sang Hồi Thứ Bảy Mười Bảy, La Quán Trung kể rằng khi Tôn Quyền đem Quan Vũ và con nuôi là Quan Bình ra chém, thì nhằm năm Kiến An thứ hai mươi bốn (219), tháng 10 âm lịch, đang mùa đông. Khi ấy Quan Vũ năm mươi tám tuổi.⁽²²⁾

Theo Werner, Quan Vũ sinh năm 162; và bị Tôn Quyền giết năm 220.⁽²³⁾ Như vậy là Quan Vũ mất hồi năm mươi tám tuổi tây, năm mươi chín tuổi ta.

Tiểu Sử Tam Trấn Oai Nghiêm cũng chép rằng ông mất lúc năm mươi tám tuổi, và còn ghi rõ ràng là mất ngày 18 tháng 10 âm lịch.⁽²⁴⁾

Theo *Kinh Bình Minh Đế Nhứt* (đạo Cao Đài), có hai câu liên hệ tới tuổi thọ của Quan Vũ, theo đó ông mất năm sáu mươi ba tuổi:

*Sáu mươi ba tuổi mòn hơi,
Quyết đem thân thể trải nơi chiến trường.*⁽²⁵⁾

Phần lớn các đình, miếu thờ Quan Thánh thường lấy ngày 24 tháng 6 âm lịch làm ngày mất của Quan Vũ.

Đạo Cao Đài hàng năm cũng tổ chức lễ kỷ niệm Đức Quan Thánh Đế Quân vào ngày này.

8. Con cái Quan Vũ

⁽²¹⁾ [La Quán Trung II, 1994: 521, 522]

⁽²²⁾ [La Quán Trung II, 1994: 567]

⁽²³⁾ [Werner 1969: 227-228]

⁽²⁴⁾ [Huệ Lương 1963: 22]

⁽²⁵⁾ [Bình Minh I, 1968: 25]

Quan Vũ có một con nuôi là Quan Bình. Nguyên khi đến Hà Bắc, Quan Vũ gặp một ông lão tên Quan Định. Ông lão có hai con trai: Quan Ninh học văn; em là Quan Bình (mười tám tuổi) học võ. Lưu Bị xin Quan Định cho cậu con thứ làm con nuôi Quan Vũ. Năm ấy Quan Vũ chưa có con, nên Quan Bình sau này là con trưởng.⁽²⁶⁾

Trong kinh Minh Thánh, cũng như ở các đình, miếu thờ Đức Quan Thánh, thường tôn Quan Bình là Thái Tử. Tôn hiệu có lẽ xuất hiện sau khi Quan Vũ đã được tôn là Đế.

Một số đình, miếu ở miền Nam lấy ngày 13 tháng 5 âm lịch làm lễ kỷ niệm Quan Bình.

Quan Vũ về sau sanh được một trai là Quan Hưng, được coi là con thứ hai.⁽²⁷⁾

Theo Tam Quốc Ngoại Truyện,⁽²⁸⁾ Quan Vũ còn một con gái thứ ba là Quan Ngân Bình (Quan Tam Tiểu Thụ). Khi Quan Vũ không chịu gả con gái cho con trai Tôn Quyền, Tôn đã đem quân tấn công Kinh Châu. Quan Vũ và Quan Bình bị quân Đông Ngô bắt, rồi bị Tôn Quyền đem chém. Trước khi xảy ra chiến tranh Quan Ngân Bình kịp chạy ra Tứ Xuyên tìm Khổng Minh cầu cứu nên thoát chết. Lưu Bị và Trương Phi sau đó nhận cháu gái làm con nuôi, mời Triệu Tử Long dạy cô võ nghệ. Thế rồi Khổng Minh lại tác hợp cho cô cưới Lý Úy (con trai Lý Khôi). Cô đã theo chồng về đất Du Nguyện, Nam Trung (tức Trùng Giang, Vân Nam sau này), cuối đời từ trần ở quê chồng.

Tam Quốc Ngoại Truyện còn cho rằng trước khi gặp

⁽²⁶⁾ [La Quán Trung I, 1994: 466-468]

⁽²⁷⁾ [La Quán Trung II, 1994: 538]

⁽²⁸⁾ [Ngoại Truyện II, 1993: 105-110]

Lưu Bị, Trương Phi kết nghĩa vườn đào ở huyện Trác, thì Quan Vũ đã có vợ. Lúc ông giết tên quan huyện tham tàn xong, phải bỏ trốn, thì vợ ông bụng mang dạ chửa phải lánh mình làm thuê ở nhà họ Sách. Khi bà sinh con trai, họ Sách nhận làm con nuôi, rồi lại cho học võ với họ Hoa, do đó con trai Quan Vũ có họ tên là Hoa Quan Sách. Vợ Hoa Quan Sách là Bào Tam Nương (con gái thứ ba của họ Bào) ở Quỳ Châu. Về sau hai vợ chồng theo giúp Quan Vũ, chồng giữ đất Ích Châu, vợ trấn đất Hà Manh.⁽²⁹⁾

Theo Mayers,⁽³⁰⁾ khi chiếm được Tứ Xuyên, Bàng Huệ (con của Bàng Đức) đã diệt sạch gia quyến của Quan Vũ để trả thù trước kia Quan Vũ chém chết cha mình.⁽³¹⁾

9. Học hành

Theo Mayers, trước khi gặp Lưu Bị, Trương Phi rồi tòng quân bước vào binh nghiệp, Quan Vũ thoát đầu xuất thân bằng nghề bán đậu phụ (*đậu hủ* 豆腐).⁽³²⁾ Tuy gia đình bần hàn, nhưng Quan Vũ vẫn được học hành cả văn lẫn võ và tu thân theo đạo Nho.

Kinh Minh Thánh chép:

Ta thường đọc kinh Xuân Thu, ấu thơ xem sách của Khổng Tử và Mạnh Tử, chỉ lấy hiếu để làm đầu, lấy sửa mình giúp nước làm gốc.⁽³³⁾

⁽²⁹⁾ [Ngoại Truyện II, 1993: 101-104]

⁽³⁰⁾ [Mayers 1971: 229]

⁽³¹⁾ [La Quán Trung II, 1994: 537]

⁽³²⁾ [Mayers 1971: 92]

⁽³³⁾ Ngô tổ lâm Xuân Thu, ấu quan Khổng, Mạnh, duy dĩ hiếu để vi tiên, tu thân trị quốc vi bản. 吾素覽春秋 / 幼觀孔孟 /

Tranh tượng Quan Thánh thường vẽ Quan Vũ ngồi giữa hồ trường, tay cầm quyền kinh Xuân Thu.

Kinh Bình Minh Đế Nhứt có nói đến việc Quan Vũ lập chí theo kinh Xuân Thu:

*Bộ Xuân Thu nằm lòng vẹn giữ
Sống phải lo cư xử cho tròn
Đối cùng với nước với non
Sao ra nghĩa khí lòng son một màu.*⁽³⁴⁾

Các câu đối ở đền thờ Đức Quan Thánh⁽³⁵⁾ hay nhắc đến kinh này:

- *Chí tại Xuân Thu, công tại Hán
Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên.*⁽³⁶⁾

- *Duy xã tắc, công cao Vũ Mục
Độc Xuân Thu, đức phối Văn Xương.*⁽³⁷⁾

- *Khổng Phu Tử, Quan Phu Tử, vạn thế lưỡng Phu Tử
Tu Xuân Thu, độc Xuân Thu, thiên cổ nhất Xuân Thu.*⁽³⁸⁾

- *Thanh dạ độc Xuân Thu, nhất điểm đăng quang xán
kim cổ*

*Cô chu phạt Ngô Ngụy, thiên thu hạo khí quán càn
khôn.*⁽³⁹⁾

惟以孝悌爲先 / 修身治國爲本。

⁽³⁴⁾ [Bình Minh I, 1968: 25-26]

⁽³⁵⁾ Xem 8. *Câu Đối Về Quan Thánh*.

⁽³⁶⁾ 志在春秋功在漢 / 忠同日月義同天。

⁽³⁷⁾ 維社稷功高武穆 / 讀春秋德配文昌。

⁽³⁸⁾ 孔夫子關夫子萬世兩夫子 / 修春秋讀春秋千古一春秋。

⁽³⁹⁾ 清夜讀春秋一點燈光燦今古 / 孤舟伐吳魏千秋浩氣貫乾坤。

2. TIỀN THÂN QUAN VŨ

Theo kinh Minh Thánh, trước khi lâm phạm vào đời nhà Hán, tiền thân Quan Vũ như sau:

Ta ở cung Tử Vi, là vị thần mặc áo đỏ, cai quản luôn cả sao Văn Xương và Vũ Khúc.

(...) Ta nguyên là:

Ở cung Tử Vi, chính khí là lửa. Lửa ấy tượng trưng sự sáng, nên ta làm chủ sao Văn Xương. Lửa cũng là tính cương dũng, nên ta làm chủ sao Vũ Khúc. Văn chủ về nhân, nhân làm đầu là trung hiếu. Vũ chủ về nghĩa, nghĩa làm đầu là liêm tiết. Cứ lấy đó mà dẫn dắt người thế muôn đời, thấy thấy đều thành Thánh Hiền Tiên Phật.⁽¹⁾

Văn Xương là tên một chòm sao gồm sáu ngôi, thuộc về chòm Đại Hùng (*Ursa Major*) được tin tưởng là nơi ngự của Đức Văn Xương Đế Quân (trông coi việc học hành).⁽²⁾

⁽¹⁾ Ngô nữ Tử Vi cung, lý châu y thần, hiệp quản Văn Xương, Vũ Khúc tinh.

(...) Ngô hệ: Tử Vi Viên trung, hỏa chi chính khí. Hỏa, lý mình tượng dã, cố chủ Văn Xương. Hỏa hựu liệt tính dã, cố chủ Vũ Khúc. Văn chủ nhân, nhân thủ trung hiếu. Vũ chủ nghĩa, nghĩa thủ liêm tiết. Duy thị cử thiên hạ vạn thế, giai vì Thánh Hiền Tiên Phật. 吾乃紫微宮裏朱衣神 / 協管文昌武曲星 / (...) 吾係 / 紫微垣 中火之正氣 / 火離明象也故主文昌 / 火又烈性也故主武曲 / 文主仁仁首忠孝 / 武主義義首廉節 / 惟是舉天下萬世 / 皆為聖賢仙佛.

⁽²⁾ [Mayers 1971: 235, mục từ 849]



Kinh Minh Thánh chép:

*Sao Văn Xương coi về chế tác văn chương chữ nghĩa.
Sao Vũ Khúc coi về việc bày binh bố trận.*⁽³⁾

Do có mối liên hệ giữa Quan Thánh và Văn Xương như nói trên, nên nhiều câu đối ở đền thờ Đức Quan Thánh – ngoài tôn hiệu Vũ Mục (tức Nhạc Phi, thường được thờ chung với Quan Thánh) – vẫn hay dẫn đến tôn hiệu Văn Xương:

- *Duy xã tắc công cao Vũ Mục / Độc Xuân Thu đức phối Văn Xương.*⁽⁴⁾

- *Tiên Vũ Mục nhi Thần, Đại Hán thiên cổ, Đại Tống thiên cổ / Hậu Văn Xương nhi Thánh, Sơn Đông nhất nhân, Sơn Tây nhất nhân.*⁽⁵⁾

Ngài cũng chính là vì sao thứ sáu. Kinh Minh Thánh chép:

*Ngã bốn thiên xu đệ lục tinh
Lâm phạm dục sử vạn phương ninh
Hình dung tuy khứ thần do tại
Lưu đặc tinh anh chấn bá linh.*⁽⁶⁾

(Ta vốn là vì sao thứ sáu trên trời
Lâm phạm vì muốn làm cho mọi nơi an ninh

⁽³⁾ *Tác văn chế tự, Văn Xương tinh. Hưng binh bố trận, Vũ Khúc tinh.* 作文制字文昌星 / 興兵布陣武曲星.

⁽⁴⁾ 維社稷功高武穆 / 讀春秋德配文昌.

⁽⁵⁾ 先武穆而神大漢千古大宋千古 / 後文昌而聖山東一人山西一人. Xem 8. *Câu Đối Về Quan Thánh.*

⁽⁶⁾ 我本天樞第六星 / 臨凡欲使萬方寧 / 形容雖去神猶在 / 留得精英震百靈.

Hình thể tuy mất rồi mà thần còn mãi
Lưu lại tinh anh chấn động mọi người.)

Theo kinh Minh Thánh, đời Xuân Thu Chiến Quốc⁽⁷⁾ loạn lạc, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền lệnh cho Ngài lâm phạm cứu thế, lúc ấy Ngài chính là Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư tên thật Ngũ Viên, cha là Xá,⁽⁸⁾ anh là Thượng, người nước Sở. Năm 522 trước Công Nguyên, vì Sở Bình Vương giết cha và anh, Tử Tư chạy qua Ngô tìm cách báo thù. Tử Tư thuyết phục Ngô Hạp Lư đánh Sở (năm 506 TCN). Sở Bình Vương đã chết rồi, Tử Tư cho quật mồ, đánh vào xác.

Hạp Lư đánh Việt, chết. Con là Ngô Phù Sai đánh bại Việt Vương Câu Tiễn. Việt xin hòa, Tử Tư cản. Bá Hỷ làm quan Thái Tể của Ngô ăn hối lộ của Việt, thuyết Phù Sai cho giảng hòa.

Phù Sai ghét Tử Tư hay can gián, trao cho thanh gươm chạm trổ rất đẹp, bắt phải tự sát.⁽⁹⁾ Năm đó là 484 hay 483 trước Công Nguyên.

Tử Tư chết rồi, còn sợ hồn Tử Tư báo oán, Phù Sai ra lệnh đem xác Tử Tư bỏ vào túi da, đốt tan thành tro, rồi thả cho trôi theo dòng nước (có sách bảo là ở một con sông gần

⁽⁷⁾ Thời Xuân Thu (770-403 trước Công Nguyên) từ đời Chu Bình Vương tới cuối đời Chu Uy Liệt Vương. Thời Chiến Quốc (403-221 TCN) từ đời Chu Ân Vương đến khi Tần diệt Tề và thống nhất Trung Quốc. Nguyễn Hiến Lê. *Khổng Tử*, Hà Nội: Nxb Văn Hóa, 1992, tr. 25.

⁽⁸⁾ *Từ Hải* chép là Chử.

⁽⁹⁾ *Từ Hải* chép lời Phù Sai bảo Tử Tư: “*Tử dĩ thử tử.*” (Người lấy kiếm này tự sát đi.)

Tô Châu, Giang Tô). Về sau, dân chúng lập đền, thờ Tử Tư như một vị thủy thần.⁽¹⁰⁾

Kể từ đó, Ngài đã năm lần chuyển kiếp làm trung thần dũng tướng giúp dân giúp nước. Đức Thượng Đế thương Ngài trải thân xông pha hòn tên mũi đạn qua nhiều kiếp trung liệt nên sau đó sắc phong cho Ngài làm thần sông cai quản sông Tiền Đường.

Kinh Minh Thánh chép:

Xem thấy thời Chiến Quốc xâm lăng gây loạn, sai ta lâm trần cứu muôn dân, Đức Ngọc Hoàng ban cho ta tên cùng họ: Tử Tư năm đời làm trung thần.

(...) Bao đời làm trung thần. Sắc lệnh cho ta coi việc sông Tiền Đường, đêm ngày đốc thúc thủy triều lên xuống.⁽¹¹⁾

Qua đời nhà Hán, Ngài chuyển kiếp làm Quan Vũ. Khi Ngài lìa trần, Đức Thượng Đế xét lòng trung nghĩa tiết tháo, ban ơn cho Ngài hiển thánh tại chùa Ngọc Tuyền. Cũng tại chùa này Ngài được linh Đức Thượng Đế báo mộng ban kinh Minh Thánh cho vị sư núi.⁽¹²⁾

⁽¹⁰⁾ [Werner 1969: 577]

⁽¹¹⁾ *Giám tri Chiến Quốc xâm lăng loạn, mệnh ngã lâm phàm cứu vạn dân, Ngọc Hoàng tứ ngã danh hòa tính: Tử Tư ngũ chuyển tổ trung thần.*

(...) Sở thế tổ trung thần. Sắc lệnh ngã quản Tiền Đường sự, trú dạ lĩnh triều hành. 鑒知戰國侵凌亂 / 命我臨凡救萬民 / 玉皇賜我名和姓 / 子胥五轉做忠臣 / (...) 數世做忠臣 / 敕令我管錢塘事 / 晝夜領潮行.

⁽¹²⁾ Ngọc Đế sắc lệnh thị mộng dữ Ngọc Tuyền tự tăng. Tăng tinh nhi truyền thuật. Thư ư Ngọc Tuyền tự. Dạ mộng dữ tăng

Ngài được Đức Thượng Đế sắc phong làm đại nguyên soái trông coi ba cửa trời phía Đông, Tây, và Nam. Đền đây cũng là kiếp chót của Ngài. Kinh Minh Thánh chép:

Ta giữ quyền coi ba cửa trời. Khi muôn thần tấu trình ta đều nghe trước.⁽¹³⁾

Theo kinh *Tam Nguơn Giác Thế* của đạo Cao Đài, Đức Quan Thánh dạy:

“Ta chẳng chịu ủy tử tham sanh, ham điều vinh hiển mà lỗi đạo quân thần, thất lời thệ ước, cho nên khi Ta quy vị, Thiên Đình ban ơn khỏi luân hồi tái thế.”⁽¹⁴⁾

Ngoài những tiền kiếp của Quan Vũ được ghi trong kinh Minh Thánh, theo truyện thơ *Trọng Tương Vãn Hôn*,⁽¹⁵⁾ Quan Vũ còn một tiền căn khác.

Trong câu chuyện hư cấu này, tác giả đã tưởng tượng rằng dưới triều nhà Hán ở quận Ích Châu có Tư Mã Trọng Tương, sinh vào đời vua Linh Đế, Quang Hòa nguyên niên (178). Trọng Tương thi rớt, về quê, cha mẹ lìa trần, gia tài hết sạch, không kế mưu sinh, ngồi buồn trách trời đất chẳng công bình.

Thiên Đình sắc chỉ cho Diêm Vương bắt Trọng Tương xuống tra hỏi. Diêm Vương giao cho Trọng Tương phân xử

nhân. 玉帝敕令示夢 / 與玉泉寺僧 / 僧醒而傳述 / 書於玉泉寺 / 夜夢與僧人.

⁽¹³⁾ Ngô thụ tam thiên môn chương ắc. Vạn thần khai tấu ngã tiên văn. 吾受三千門掌握 / 萬神啓奏我先聞.

⁽¹⁴⁾ [Tam Nguơn 1953: 37]

⁽¹⁵⁾ Tác giả Trung Quốc khuyết danh. Ba ông Võ Tề Mỹ, Đặng Ngọc Có, Nguyễn Quới Mai dịch ra thơ lục bát, xuất bản lần thứ nhứt tại Sài Gòn, năm 1906.

những án tồn đọng, định hạn trong sáu giờ, nếu chu toàn sẽ được Đức Thượng Đế xá tội.

Rốt cuộc, Trọng Tương xét án phân xử minh bạch, Đức Thượng Đế sắc chỉ cho chuyển kiếp làm Tư Mã Ý, gồm thâu ba nước Thục Hán, Ngụy, và Ngô, chấm dứt thời Tam Quốc phân tranh, sáng lập triều nhà Tấn.

Khi xử án các nhân vật đời Hán Sở tranh hùng, Trọng Tương đã cho Hạng Vũ (Võ) chuyển kiếp làm Quan Vũ thời Tam Quốc (đổi họ Hạng thành Quan, giữ lại tên Vũ). Sáu tướng đã vây giết Hạng Vũ trận cuối, thì qua kiếp sau đều phải chết dưới đao Thanh Long của Quan Vũ (tích *Quá ngũ quan trăm lục tướng*: Qua năm ải chém chết sáu tướng).

Bản dịch *Trọng Tương Văn Hón* chép đoạn xử án này như sau:

*Luận cho Hạng Võ sanh lên
Khiến người cải tộc đặt tên kẻ trù
Bắt đầy sáu tướng kích công
Một tay Hạng Võ đều thì giết tươi
Răn loài phản nghịch một đời
Hỗ mình cho biết đạo Trời chẳng dung.*



Quan Vũ cầm đao Thanh Long cỡi ngựa Xích Thố

3. THANH LONG XÍCH THỔ

Vũ khí nổi tiếng của Quan Vũ là đao Thanh Long. Theo La Quán Trung, sau khi kết nghĩa ở vườn đào, được một láis buôn tặg sắt, ba anh em Lưu, Quan, Trương bèn gọi thợ đến rèn khí giới. Quan Vũ đánh một thanh đao gọi là Thanh Long Yên Nguyệt, rồi sau lại có tên khác là Lãnh Diễm Cự, nặng tám mươi hai cân. Gọi *yến nguyệt* vì lưỡi đao cong cong như vàng trăng khuyết.

Con ngựa nổi tiếng của Quan Vũ tên là Xích Thổ, mỗi ngày đi được nghìn dặm. Lúc đầu, Xích Thổ thuộc về Đổng Trác. Lý Túc và Lý Nho lập mưu bảo Trác đem vàng bạc, châu báu và ngựa Xích Thổ tặg cho Lã Bố để mua chuộc Bố phản cha nuôi là Đinh Nguyên mà về đầu quân bên Trác. Khi Lã Bố thua chạy về thành Hạ Bì, bị quân Tào Tháo vây khốn. Thuộc tướng của Bố là Hầu Thành đang đêm đi trộm ngựa Xích Thổ đem dâng cho Tháo. Hôm sau Bố đang ngủ thì hai thuộc tướng khác là Tống Hiên và Ngụy Tục ăn trộm cây phượng thiên họa kích rồi trói gô Bố lại nộp cho Tháo. Tháo sai quân thắt cổ Bố xong rồi lại đem xác đi chém. Từ đó ngựa Xích Thổ thuộc về Tháo.⁽¹⁾

Sau khi Quan Vũ thất thủ Hạ Bì, phải ẩn nhẫn phò hai chị dâu tá túc bên Tào Tháo trong lúc chờ tin tức Lưu Bị, Trương Phi. Tháo hết lòng trọng đãi Quan để dụ hàng. La Quán Trung kể rằng:

“Một hôm, Tháo lại mời Quan Công ăn yến. Lúc tiệc

tan, tiễn Quan ra đến cửa tướng phủ, thấy ngựa Quan Công gầy quá, mới hỏi: ‘Ngựa ông sao gầy thế?’ Quan đáp: ‘Tiện khu⁽²⁾ hơi nặng, ngựa mang không nổi, bởi thế cho nên nó gầy.’ Tháo sai tả hữu dắt một con ngựa đến, sắc như màu lửa, trông dáng hùng dũng. Tháo trở vào ngựa mà hỏi Quan Công: ‘Ông biết ngựa này không?’ Quan nói: ‘Bẩm có phải là ngựa Xích Thổ của Lã Bố khi xưa đó không?’ Tháo nói: ‘Chính phải.’ Rồi truyền thẳng đủ yên cương vào đưa tặg Quan công.”⁽³⁾

Sau khi Tôn Quyền chém Quan Vũ và Quan Bình rồi, xét thấy thuộc tướng của mình là Mã Trung có công bắt được ngựa Xích Thổ đem dâng, nên Quyền thưởng ngựa ấy cho Trung. Nhưng Xích Thổ nhịn ăn mấy hôm rồi chết.⁽⁴⁾

Sau này một số đình miếu thờ Đức Quan Thánh cũng đắp tượng ngựa Xích Thổ.⁽⁵⁾

⁽²⁾ *Tiện khu* 賤軀: Thân hèn (cách nói khiêm nhượng).

⁽³⁾ [La Quán Trung I, 1994: 416]

⁽⁴⁾ [La Quán Trung II, 1994: 568]

⁽⁵⁾ Chẳng hạn như chùa Ông (chùa Thuận Thiên) ở số 18, đường Hùng Vương, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Xưa kia đây là đàn Minh Thiện (cầu cơ thỉnh Tiên). Tiên bói Ngô Văn Chiêu (1878-1932) đến hầu đàn cầu thọ cho mẹ (1902) và xin thuốc tiên chữa bệnh cho mẹ (1919). Thừa kế chùa khoảng năm 1915, ông Trần Hiên Vinh (1884-1962) cho đắp tượng ngựa Xích Thổ bằng xi măng đặt trước sân; vì vậy dân gian gọi là chùa Ông Ngựa. Sau khi ông Trần Hiên Vinh tạ thế, khoảng năm 1963-1964 tiên bói Trương Kế An (1899-1983) trông coi chùa, bắt đầu thờ Thiên Nhân, tụng kinh Cao Đài, đặt tên là Thanh An Tự. Được vài năm, Trương tiên bói bệnh nhiều nên giao chùa cho dân địa phương trông coi. Từ đấy chùa lại thờ Đức Quan Thánh như trước.

⁽¹⁾ [La Quán Trung I, 1994: 12, 50, 324-328]

4. KỲ TÍCH QUAN VŨ

1. Mười sáu chiến tích

Kinh Minh Thánh chép:

Thơ ấu xa quê, lớn lên làm quan, đại trượng phu lấy bốn biển làm nhà.⁽¹⁾

Theo La Quán Trung, Quan Vũ phải bỏ xứ ly hương vì có lần bắt bình trước kẻ ý thế hiếp bức dân lành, đứng ra can thiệp, lỡ tay ngộ sát, bị truy nã nên phải bỏ xứ năm sáu năm. Quan Vũ tự thuật:

Nhân xứ tôi có một đứa ỷ thế khinh người, tôi ngựa mất trót giết hấn, nên phải đem thân đi tha phương trốn tránh, đã năm sáu năm nay.⁽²⁾

Thoạt mới lập thân vào đường võ nghiệp, sau khi đánh thắng giặc Khăn Vàng (Hoàng Cân), Lưu Bị được triều đình cho một chức quan nhỏ là huyện lệnh Bình Nguyên, Quan Vũ làm tay mã cung, Trương Phi làm bộ cung.⁽³⁾

Trong Tam Quốc Chí, La Quán Trung đã chép lại mười sáu chiến tích của Quan Vũ, theo thứ tự như sau:

[1] Chém Trình Viễn Chí, tướng giặc Khăn Vàng, ở huyện Trác.

Tính từ khi đúc xong khí giới, đó là trận đánh đầu tiên

⁽¹⁾ *Ấu nhi ly hương, tráng nhi xuất sĩ, đại trượng phu dĩ tứ hải vi gia.* 幼而離鄉壯而出仕 / 大丈夫以四海爲家.

⁽²⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10]

⁽³⁾ [La Quán Trung I, 1994: 74]

để Quan Vũ thử đao (còn Trương Phi thử xà mâu cũng giết được phó tướng của Viễn Chí là Đặng Mâu).

Đời sau có thơ khen tặng Quan, Trương rằng:

*Anh hùng phát đỉnh tại kim triều
Nhất thí mâu hề nhất thí đao
Sơ xuất tiện tương uy lực triển
Tam phân hảo bả tính danh tiêu.*⁽⁴⁾

(Sáng nay anh hùng để lộ tài năng xuất chúng
Người thì thử mâu, người lại thử đao
Vừa xuất đầu lộ diện đã thi triển uy lực
Được nổi danh trong thời Tam Quốc phân tranh.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa.)

*Anh hùng xuất hiện buổi sơ đầu,
Người thử siêu đao, kẻ thử mâu.
Mới bước chân ra uy đã dữ,
Tiếng tăm lừng lẫy cuộc ganh nhau.*⁽⁵⁾

[2] Chém Hoa Hùng, tướng của Đổng Trác.

Trước khi Quan Vũ lên ngựa, Tào Tháo hâm nóng rượu rót mời. Quan bảo hãy để đấy; đến chừng Quan xách thủ cấp Hùng đem về, chén rượu Tào rót hãy còn nóng.

Có thơ khen tặng rằng:

*Uy trấn càn khôn đệ nhất công
Viên môn họa cổ hưởng đông đông
Vân Trường đình trản thi anh dũng*

⁽⁴⁾ 英雄發穎在今朝 / 一試矛兮一試刀 / 初出便將威力展 / 三分好把姓名標.

⁽⁵⁾ [La Quán Trung I, 1994: 12]

Tửu thượng ôn thời trảm Hoa Hùng.⁽⁶⁾

(Oai trấn trời đất và công lao bậc nhất
Trước cửa quan trống đánh thùng thùng vang dội
Vân Trường ngưng chén rượu để ra tài anh dũng
Chém Hoa Hùng rồi mà rượu hây còn nóng.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa)

Cửa quan trống trận nổi thùng thùng,

Văng vẳng tai nghe nhạc ngựa rung.

Chén rượu rót ra còn nóng đấy,

Trước màn đã thấy sỏ Hoa Hùng.⁽⁷⁾

[3] Chém Quán Hối, dư đảng giặc Khăn Vàng, ở Bắc Hải.⁽⁸⁾

[4] Chém Tuân Chính, tướng của Viên Thuật, ở Vu Thai.⁽⁹⁾

[5] Chém Xa Trục, tướng của Tào Tháo, ở Từ Châu.⁽¹⁰⁾

[6] Chém Nhan Lương, tướng của Viên Thiệu, ở Bạch Mã.⁽¹¹⁾

[7] Chém Văn Xú, tướng của Viên Thiệu, ở Diên Tân.⁽¹²⁾

Khi phò hai chị dâu rời Tào Tháo trở về với Lưu Bị,
Quan Vũ cỡi ngựa Xích Thố vượt qua năm cửa ải, vùng

⁽⁶⁾ 威鎮乾坤第一功 / 轅門畫鼓響鏐鏐 / 雲長停盞施英勇 / 酒
尚溫時斬華雄.

⁽⁷⁾ [La Quán Trung I, 1994: 81]

⁽⁸⁾ [La Quán Trung I, 1994: 173]

⁽⁹⁾ [La Quán Trung I, 1994: 232]

⁽¹⁰⁾ [La Quán Trung I, 1994: 360]

⁽¹¹⁾ [La Quán Trung I, 1994: 421]

⁽¹²⁾ [La Quán Trung I, 1994: 428].

đao Thanh Long chém luôn sáu tướng của Tào Tháo:

[8] Chém Khổng Tú, ở ải Đông Lĩnh.⁽¹³⁾

[9] Chém Mạnh Thản, ở Lạc Dương.⁽¹⁴⁾

[10] Chém Hàn Phúc, cũng ở Lạc Dương.⁽¹⁵⁾

[11] Chém Biện Hỉ, ở Nghi Thủy.⁽¹⁶⁾

[12] Chém Vương Thực, ở Huỳnh Dương.⁽¹⁷⁾

[13] Chém Tần Kỳ, ở Hoạt Châu.⁽¹⁸⁾

Có thơ khen Quan Vũ qua năm ải chém sáu tướng⁽¹⁹⁾
như sau:

Quải ấn phong kim từ Hán tướng

Tầm huynh điều vọng viễn đồ hoàn

Mã kỵ Xích Thố hành thiên lý

Đao Yển Thanh Long xuất ngũ quan

Trung nghĩa khái nhiên xung vũ trụ

Anh hùng tòng thử chấn giang san

Độc hành trảm tướng ung vô địch

Kim cổ lưu đề hàn mặc gian.⁽²⁰⁾

⁽¹³⁾ [La Quán Trung I, 1994: 443]

⁽¹⁴⁾ [La Quán Trung I, 1994: 443]

⁽¹⁵⁾ [La Quán Trung I, 1994: 445]

⁽¹⁶⁾ [La Quán Trung I, 1994: 447]

⁽¹⁷⁾ [La Quán Trung I, 1994: 449]

⁽¹⁸⁾ [La Quán Trung I, 1994: 450]

⁽¹⁹⁾ Quá ngũ quan trảm lục tướng 過五關斬六將.

⁽²⁰⁾ 挂印封金辭漢相 / 尋兄遙望遠途還 / 馬騎赤兔行千里 / 刀
偃青龍出五關 / 忠義慨然沖宇宙 / 英雄從此震江山 / 獨行斬
將應無敵 / 今古留題翰墨間 .

(Treo ần, gói vàng, từ giã thừa tướng nhà Hán
 Đường xa mong tìm được anh
 Cỡi ngựa Xích Thổ đi ngàn dặm
 Cầm đao Thanh Long qua năm cửa ải
 Lòng trung nghĩa, quảng đại xung lên vũ trụ
 Anh hùng gây chấn động núi sông từ ấy
 Một mình ra đi, chém tướng, còn ai địch nổi
 Xưa nay tích này vẫn là đề tài chôn vùi chương.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa)

*Treo ần phong vàng trả tướng Tào
 Dặm đường lững thững dạ xông xao
 Nghìn đường Xích Thổ bon chân ngựa
 Năm ải Thanh Long ngả lưỡi đao
 Bờ cõi chứa chan lòng tiết nghĩa
 Núi non lừng lẫy tiếng anh hào
 Một mình chém tướng ai đương nổi
 Đề vịnh xưa nay để biết bao.⁽²¹⁾*

Việc Quan Vũ vượt năm ải chém sáu tướng bằng đao Thanh Long có thể ví với việc tu thiền, hàng phục tâm phàm. Đao Thanh Long ví với huệ đao; ngũ quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác; sáu tướng là lục tặc. Theo cách ẩn dụ đó, người tu thiền (hành giả) phải biết dùng sức mạnh của trí huệ làm vũ khí sắc bén chặt đứt những chướng ngại do thân xác huyết nhục (ngũ quan) gây ra để đoạn trừ lục dục của mình.

Kinh Minh Thánh cũng nhắc tích này như sau:

⁽²¹⁾ [La Quán Trung I, 1994: 450].

*Phong kim, khước ần tam từ Tháo
 Khiết quyển tâm huynh nhất điểm trung
 Thiên lý tâm huynh thêm nghĩa khí
 Ngũ quan trăm tướng hữu uy phong
 Ly hiệp anh hùng cần khôn nội
 Tương phùng huynh đệ cổ thành trung
 Trí thượng tuy cao vô quyết thắng
 Vận trù cổ thức thiếu kinh luân.⁽²²⁾*

(Niêm vàng, treo ần, ba lần từ biệt Tào Tháo,
 Một lòng trung diu dặt gia đình đi tìm anh.
 Tìm anh ngàn dặm thêm nghĩa khí,
 Chém tướng năm ải tỏ uy phong.
 Anh hùng tan hợp trong trời đất,
 Anh em gặp lại giữa thành xưa.
 Trí thượng tuy cao không quyết thắng,
 Kế mưu vốn biết ít kinh luân.)

Về sau, Quan Vũ còn chém thêm ba tướng khác của Tào Tháo tại chiến trường như sau:

[14] Chém Sái Dương, ở Cổ Thành.⁽²³⁾

[15] Chém Hạ Hầu Tồn, ở Tương Dương.⁽²⁴⁾

[16] Chém Dương Linh, tướng của Thái Thú Hàn Huyền, ở Trường Sa,⁽²⁵⁾ v.v... (Danh sách này có thể còn thiếu.)

⁽²²⁾ 封金卻印三辭操 / 挈眷尋兄一點忠 / 千里尋兄添義氣 / 五關斬將有威風 / 離合英雄乾坤內 / 相逢兄弟古城中 / 智尚雖高無決勝 / 運籌固識少經綸。

⁽²³⁾ [La Quán Trung I, 1994: 463]

⁽²⁴⁾ [La Quán Trung II, 1994: 523]

⁽²⁵⁾ [La Quán Trung II, 1994: 242]

Một tướng nữa của Tháo là Bàng Đức không bị Quan Vũ chém tại chiến trường, nhưng khi thua trận ở Khoái Khẩu, bị tùy tướng của Quan là Châu Thương bắt sống giải về. Đức không chịu hàng, Quan sai đem chém, mà lại thương Đức có nghĩa khí nên sai quân an táng tử tế.⁽²⁶⁾ Theo Werner,⁽²⁷⁾ con Bàng Đức là Bàng Huệ khi chiếm được Tứ Xuyên đã giết sạch gia quyến của Quan Vũ để trả thù cha.

2. Minh chúc đạt đán

Quan Vũ thất thủ thành Hạ Bì, vì còn phải bảo vệ hai chị dâu và chưa biết tin tức Lưu Bị, Trương Phi thế nào nên đành ẩn nhẫn dung thân trong quân Tào Tháo. Khi kéo quân về Hứa Xương, dọc đường phải nghỉ qua đêm ở quán dịch, Tào muốn cho Quan lỗi đạo với Lưu, sẽ then không dám trở về với anh mà ở lại quy hàng Tháo, bèn lập mưu sắp đặt cho Quan và hai chị dâu ở cùng phòng trọ. Quan Vũ đã cầm đuốc đứng hầu ngoài cửa, từ tối đến sáng.⁽²⁸⁾ Do sự tích này sử sách còn truyền lại câu: Quan Vân Trường đốt đuốc cho tới sáng.⁽²⁹⁾

Đời sau có câu đối nhắc lại kỳ tích này như sau:

*Ngo dạ hà nhân năng bình chúc?
Cửu Châu vô địa bất phản hương.*⁽³⁰⁾

Kinh Minh Thánh cũng nhắc:

⁽²⁶⁾ [La Quán Trung II, 1994: 537]

⁽²⁷⁾ [Werner 1969: 229]

⁽²⁸⁾ [La Quán Trung I, 1994: 413]

⁽²⁹⁾ *Minh chúc đạt đán chi Quan Vân Trường. 明燭達旦之關雲長.* [Mayers 1971: 93]

⁽³⁰⁾ 午夜何人能秉燭 / 九州無地不焚香

Kết nghĩa vườn đào, ngàn xưa danh còn trọng. Một đao một đuốc, ngày nay sử vẫn nêu. Thân tạm gởi đất Tào, khi đến lúc đi đều rõ ràng. Nuốt Ngô vì Hán vong thân.⁽³¹⁾

Cũng theo kinh Minh Thánh, lập kế để ba chị em ở chung phòng trọ là do Trương Liêu bày mưu cho Tào Tháo. Khi gần sáng, đuốc tàn lửa tắt, sẵn đao Thanh Long cầm tay, Quan Vũ khoét vách nhà trọ cho trống trơn để mọi người khỏi phải ngờ có chuyện khuất lấp:

*Mưu Trương Liêu rắp khi đuốc tắt
Phá vách tường rặng nghĩa Vân Trường.*⁽³²⁾
*Anh hùng khí trùm đời
Đuốc tàn đao phá vách.*⁽³³⁾

3. Đơn đao phó hội

Lưu Bị phái Quan Vũ trấn giữ Kinh Châu, nguyên là đất của Tôn Quyền. Tôn Quyền đòi lại mấy phen không được. Lỗ Túc bày mưu cho Tôn Quyền như sau: Lỗ Túc đóng quân ở bờ sông Lục Khẩu, mời Quan Vũ đến dự tiệc rồi xin trả đất, nếu không nghe thì sai năm mươi quân đao phủ đã mai phục sẵn cứ xông ra chém Quan Vũ giữa tiệc.

Quan Vũ đội khăn xanh, mặc áo bào màu lục, ngồi thuyền đi đến. Trên thuyền ngoài Châu Thương cầm đao

⁽³¹⁾ *Đào viên danh trọng thiên cổ. Đơn đao bình chúc ư kim. Ký Tào minh lai minh khứ. Thốn Ngô vị Hán vong thân. 桃園名重千古 / 單刀秉燭於今 / 寄曹明來明去 / 吞吳為漢亡身*

⁽³²⁾ *Giảm chúc Trương Liêu mưu / Phá vách Vân Trường nghĩa. 減燭張遼謀 / 破壁雲長義.*

⁽³³⁾ *Anh hùng khí cái thế / Chúc tàn đao phá vách. 英雄氣蓋世 / 燭殘刀破壁.*

Thanh Long đứng hầu chỉ có thêm tám, chín người lực lưỡng giắt mã tấu hộ vệ.

Uy vũ của Quan làm Lỗ Túc khiếp vía. Quan Vũ không chịu trả đất, một tay cầm đao, một tay nắm chặt Lỗ Túc kéo ra thuyền rồi trở về thành an toàn. Quân Đông Ngô trước đã ém sẵn bên sông đành phải thúc thủ. Đời sau quá hâm mộ khí phách Quan Vũ, ví việc ấy còn hơn cả Lận Tương Như nước Triệu thời Chiến Quốc, một mình vào dự hội Hàm Trì, coi vua tôi nhà Tần chẳng vào đâu. Nên có thơ khen tặng rằng:

*Mạo thị Ngô thần nhược tiểu nhi
Đơn đao phó hội cảm bình khi
Đương niên nhất đoạn anh hùng khí
Vưu thắng Tương Như tại Hàm Trì.⁽³⁴⁾*

(Coi thường quân thần nước Ngô như trẻ nhỏ
Một đao đi dự hội, dám xem là bình thường
Khí phách anh hùng buổi ấy
Còn hơn cả Lận Tương Như ở Hàm Trì.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa.)

*Một đao phó hội uống thờ ơ
Coi nhỏ Đông Ngô tựa trẻ thơ
Khí khái anh hùng trong cuộc rượu
Hàm Trì gấp mấy Lận Tương Như.⁽³⁵⁾*

Đời sau có câu đối vừa nhắc tích chém Nhan Lương (nói ở trên), vừa nhắc tích đơn đao phó hội như sau:

⁽³⁴⁾ 藐視吳臣若小兒 / 單刀赴會敢平欺 / 當年一段英雄氣 / 尤勝相如在澠池。

⁽³⁵⁾ [La Quán Trung II, 1994: 426]



Hoa Đà cạo xương trị vết thương trong lúc Quan Vũ đánh cò với thuộc tướng Mã Lương

Thất mã trăm Nhan Lương, Hà Bắc anh hùng giai táng đờm;

Đơn đao hội Lỗ Túc, Giang Nam danh sĩ tận đề đầu.⁽³⁶⁾

4. Cạo xương trị thương

Khi Quan Vũ đánh quân Tào ở Phàn Thành, bị quân Tào Nhân bắn cho mũi tên tẩm độc vào cánh tay phải. Thuốc độc ô đầu ngấm vào tận xương, cánh tay sưng to, không nhấc lên được.

Hoa Đà đến xin trị thương. Thời xưa chưa có thuốc mê hay thuốc giảm đau, nên Hoa Đà đề nghị cách chữa như sau: Phải tìm một chỗ kín đáo, chôn một cái cột, trên cột đóng một cái vòng sắt, Quan Vũ thò cánh tay vào vòng đó, buộc dây lại cho chặt, trùm khăn phủ kín đầu Quan Vũ cho khỏi nhìn thấy cảnh kinh hãi, rồi Hoa Đà lấy dao khoét thịt cho tới khi lòi xương, cạo sạch miếng xương nhiễm độc đi, rịt thuốc vào, cuối cùng lấy chỉ khâu lại.

Quan Vũ cười, bảo không cần phải mất công rườm rà đến thế. Quan Vũ sai dọn rượu, ung dung ngồi uống rượu đánh cờ với thuộc tướng Mã Lương, cười cười nói nói như không, trong lúc tay đau thì chìa ra cho Hoa Đà khoét thịt, cạo xương ròn rột.

Khen tài Hoa Đà và dũng khí của Quan Vũ, đời sau có thơ rằng:

*Trị bệnh tu phân nội ngoại khoa
Thế gian diệu nghệ khổ vô đa
Thần uy hãn cấp duy Quan tướng
Thánh thủ năng y thuyết Hoa Đà.*⁽³⁷⁾

⁽³⁶⁾ 匹馬斬顏良河北英雄皆喪膽 / 單刀會魯肅江南名士盡低頭。

(Trị bệnh nên phân biệt khoa nội và khoa ngoại,
Tài trị bệnh thần diệu giúp người đời bớt khổ.
Uy thần hiếm ai sánh kịp, chỉ có tướng họ Quan,
Tay thánh có thể trị bệnh, chỉ có Hoa Đà thôi.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa)

Khoa trong cũng phải có khoa ngoài

Nghề thuốc trên đời mấy kẻ tài

Quan tướng người trần duy có một

Hoa Đà thuốc thánh cũng không hai.⁽³⁸⁾

5. Tha Tào Tháo ở Hoa Dung

Khi bày kế dùng hỏa công đánh trận Xích Bích, Khổng Minh tiên liệu Tào Tháo thua chạy sẽ qua ngõ Hoa Dung. Khổng Minh muốn Quan Vũ phục binh chặn ngõ ấy, nhưng còn ngại một lẽ, nên đã trình bày với Quan như sau:

- Khi xưa Tào Tháo đãi tướng quân hậu lắm, thế nào tướng quân chả còn nhớ ơn. Nay Tào Tháo thua trận, tất chạy qua đường Hoa Dung. Nếu để tướng quân ra chặn ở đó, tất nhiên tha mất Tào Tháo...

Quan Vũ đáp:

- Khi xưa tuy tôi có đội ơn Tào Tháo, nhưng tôi đã chém Nhan Lương, Văn Xú để báo ơn rồi. Nay phỏng có gặp nhau, có đâu tôi dám tha được.

Cuối cùng, trước khi dẫn năm trăm quân đi chặn Tào Tháo, Quan Vũ phải làm tờ cam kết, nếu tha mạng Tào

⁽³⁷⁾ 治病須分內外科 / 世間妙藝苦無多 / 神威罕及惟關將 / 聖手能醫說華陀。

⁽³⁸⁾ [La Quán Trung II, 1994: 541]

Tháo thì Quan Vũ sẽ chịu tội chết.⁽³⁹⁾

Quả nhiên, Tào Tháo thua trận Xích Bích, chạy qua ngõ Hoa Dung chỉ còn hơn một trăm quân mã xơ xác, kiệt sức tàn hơi. Khi Quan Vũ ra chặn đường, tướng Trình Dục khuyên Tào Tháo:

- Tôi vẫn biết Vân Trường là người nghĩa khí; ngạo người trên mà không thềm khinh người dưới; trêu người khỏe mà không nỡ hiếp người nguy; ân oán phân minh, tín nghĩa rõ ràng. Thừa tướng khi xưa có ân tình với ông ấy, nay ngài phải xuất thân ra mà kêu cầu với y, thì họa may mới thoát khỏi nạn này.⁽⁴⁰⁾

Tào Tháo hạ mình xin tha chết, quả nhiên Quan Vũ không thể làm ngơ.

Kinh Minh Thánh chép lời Đức Quan Thánh tự thuật:

Lúc tạm ở nhờ bên Tào Tháo, lui tới đi về đều phân minh, rõ ràng.⁽⁴¹⁾

Quan Vũ tuy nói rằng đã tìm cách trả ơn Tào Tháo xong rồi, nhưng nghĩa tình thì biết sao trả cho hết! Cho nên Khổng Minh đẩy Quan Vũ vào ngõ Hoa Dung là đẩy Quan Vũ vào khúc éo le nan giải của Quan Vũ.

Đoạn này La Quán Trung tả kỹ lắm:

Vân Trường xưa nay vẫn là người trọng nghĩa, nhớ đến tình nghĩa khi xưa Tào Tháo đãi mình rất hậu, cùng là tặng áo tặng vàng lúc ra khỏi năm cửa ải, nghe thấy Tháo nói, cũng động lòng. Và lại trông thấy quân Tào Tháo đưa nào

⁽³⁹⁾ [La Quán Trung II, 1994: 203]

⁽⁴⁰⁾ [La Quán Trung II, 1994: 213]

⁽⁴¹⁾ Ký Tào minh lai minh khứ. 寄曹明來明去.

cũng rom róm nước mắt, đứng run lập cập, lại càng thương không nỡ giết. Bởi thế quay đầu ngựa về, rõ ràng có ý tha cho Tào Tháo. Vân Trường quay ngựa lại, thì Tào Tháo đã chạy xa mất rồi. Mới quát to lên một tiếng, các quân sĩ xuống cả ngựa, lạy thụp xuống đất, sụt sùi khóc lóc. Vân Trường lại càng thương xót lắm. Giữa lúc ấy Trương Liêu ở mặt sau té ngựa đến, Vân Trường lại động tình bạn cũ, không biết nói ra làm sao, chỉ thở dài một tiếng, rồi tha tuốt cho cả quân sĩ đi.



Quan Vũ đón đường Tào Tháo ở ngõ Hoa Dung

Đời sau có thơ rằng:

*Tào man binh bại tẩu Hoa Dung
Chính dữ Quan Công hiệp lộ phùng
Chỉ vì đương sơ ân nghĩa trọng
Phóng khai kim tỏa tẩu giao long.*⁽⁴²⁾

(Binh Tào Tháo thua chạy tới Hoa Dung,
Ngay lúc ấy gặp Quan Công nơi đường hẹp.
Chỉ vì buổi ban đầu ân sâu nghĩa nặng,
Mở xiềng vàng cho giao long chạy thoát.

Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa)

*Tào Tháo thua to chạy tứ tung
Khéo đâu đường hẻm gặp Quan Công
Chỉ vì tình nghĩa còn ghi tạc
Nên để rông tù thoát xuống sông.*⁽⁴³⁾

Dẫu thừa biết rằng hễ tha Tào Tháo thì bản thân sẽ chịu chết vì khi ra quân đã cam kết trước rồi, mà Quan Vũ vẫn cứ tha. Cái tâm lý ấy của Quan Vũ chắc ít có ai đặt mình vào đúng vị trí của Quan Vũ để cảm nhận cho thật đúng.

Phải chăng, là người thẩm nhuần tư tưởng Khổng Mạnh, Quan Vũ đã đem chính sinh mệnh của mình ra để chứng nghiệm lời của Đức Khổng Tử: *Hy sinh thân mình để tròn đức nhân ái.*⁽⁴⁴⁾ Và lời của Đức Mạnh Tử: *Hy sinh mạng*

sống mà giữ lấy nghĩa.⁽⁴⁵⁾ Vì đã bỏ cái sống tìm cái chết để giữ tròn lấy hai chữ nhân nghĩa, cho nên Quan Vũ còn mãi thiên thu là Quan Thánh Đế Quân.

6. Tinh thần nhân nghĩa

Chỉ nói Quan Vũ là trung nghĩa như sách sử lưu truyền là chưa đủ. Ở Quan Vũ còn là đức nhân nghĩa. Do nhân nghĩa mà có lượng dung người.

Khi đánh Trường Sa, Quan Vũ giao chiến cùng lão tướng Hoàng Trung. Ngày đầu, quân thảo hơn trăm hiệp không phân thắng bại. Ngày kế, đánh năm sáu mươi hiệp vẫn nghiêng ngửa đồng cân. Quan Vũ bèn tính chuyện sử dụng ngón đả đao tuyệt chiêu. Thế là:

Vân Trường quay ngựa chạy về. Hoàng Trung đuổi theo, Vân Trường sắp sửa quay đao chém ngược lại, bỗng nghe sau lưng huých một tiếng cực to, ngoảnh lại xem, thì thấy Hoàng Trung phải [bị] con ngựa chiến khụy chân trước, ngã lăn xuống đất. Vân Trường liền quay ngựa lại, hai tay giơ Thanh Long đao lên kê vào Hoàng Trung mà quát rằng: “Tao hãy tha tính mạng cho mày, mau mau về đổi ngựa khác ra đánh nhau.”⁽⁴⁶⁾

Giết được mà không giết, đức đó lớn thay. Cho nên nếu không phải là Quan Vũ ở ngõ Hoa Dung thì con người kiêu khí như Tào Tháo chưa chắc đã thêm xuống ngựa xin được tha chết.

Trong đời chinh chiến thành bại thất thắng của Quan Vũ,

⁽⁴⁵⁾ *Xả sinh nhi thủ nghĩa. 舍生而取義* [Mạnh Tử, Cáo Tử Thượng, X]

⁽⁴⁶⁾ [La Quán Trung II, 1994: 243]

⁽⁴²⁾ 曹瞞兵敗走華容 / 正與關公狹路逢 / 只爲當初恩義重 / 放開金鎖走蛟龍

⁽⁴³⁾ [La Quán Trung II, 1994: 214]

⁽⁴⁴⁾ *Sát thân dĩ thành nhân. 殺身以成仁* [Luận Ngữ, Vệ Linh Công, 9]

Quan Vũ cam chết vì hai chữ nhân nghĩa, mà Quan Vũ ắt hẳn không chết cũng vì hai chữ nhân nghĩa.

Cam chết vì nhân nghĩa cho nên khi bỏ chạy khỏi Mạch Thành, sa vào tay Tôn Quyền, mới nghe Tôn Quyền lấy lợi riêng mà chiêu hàng, Quan Vũ liền mắng Tôn Quyền xối xả để được mau chết.

Trước kia cũng vậy, khi Quan Vũ thua Tào Tháo ở trận Hạ Bì, lòng đã đành quyết tử, nên lúc Trương Liêu dụ hàng, Quan Vũ khảng khái nói:

- Quan Vũ này tuy thế đã cùng, nhưng cái chết ta coi như không vậy.

Trương Liêu nói:

- Không sợ thiên hạ cười à?

Quan hỏi:

- Ta vì trung nghĩa mà chết, sao lại cười?

Trương Liêu nói rằng nếu Quan Vũ chết lúc này thì có ba điều đáng cười: ① Phụ lời thề kết nghĩa vườn đào; ② Phụ lời Lưu Bị phó thác gởi gắm hai chị dâu; ③ Phụ lòng tin cậy của Lưu Bị trong thế chia ba chân vạc.

Trương Liêu đem nhân nghĩa ra thuyết, nên rốt cuộc Quan Vũ bỏ ý định liều chết, chấp nhận tạm về với Tào Tháo. Đó là cam sống nhẫn vì nhân nghĩa.

Tào Tháo cũng vì lòng trung, nhân, nghĩa của Quan Vũ nên cam lòng chấp nhận nguyên tắc hàng Hán bất hàng Tào của Quan Vũ.⁽⁴⁷⁾ Hiểu Quan Vũ nhiều có lẽ là Tào Tháo, do đó Tào Tháo mới dung được Quan Vũ, và sau này

⁽⁴⁷⁾ [La Quán Trung I, 1994: 409, 411]

mới khuất mình xuống ngựa xin Quan Vũ tha mạng.

Quan Vũ không chết vì tay Tào Tháo, Tào Tháo được sống nhờ tay Quan Vũ. Nghĩa tình giữa Quan Vũ với Tào Tháo là thế, cho nên kết thúc đời Quan Vũ có Tào Tháo đứng ra lo liệu an táng, khói hương. Kết thúc mối quan hệ Quan Vũ, Tào Tháo như vậy là tròn trịa.

Về lòng trung nghĩa của Quan Vũ, kinh Minh Thánh chép:

Như ta đây: Lòng trung nghĩa sáng như nhật nguyệt tinh, tiết tháo lớn sánh cùng trời đất. Trời sập, ta mới sập. Đất lở, ta mới lở. (...) Lòng trung xông thẳng trời, nghĩa khí trùm vũ trụ. Mặt đỏ lòng càng đỏ. Râu dài nghĩa thêm dài.⁽⁴⁸⁾

⁽⁴⁸⁾ Ngô nãi: Nhật nguyệt tinh trung, càn khôn đại tiết. Thiên băng, ngã băng. Địa liệt, ngã liệt. (...) Tinh trung xung nhật nguyệt, nghĩa khí quán càn khôn. Diện xích tâm vuơ xích. Tu trường nghĩa cánh trường. 吾乃 / 日月星忠 / 乾坤大節 / 天崩我崩 / 地裂我裂 (...) 精忠沖日月 / 義氣貫乾坤 / 面赤心尤赤 / 鬚長義更長.

5. TÔN THÁNH TÔN HIỆU

Ngoài tên tự là Trường Sinh, Thọ Trường, và Vân Trường, qua nhiều triều đại và thời đại, Quan Vũ đã được tôn thánh, phụng thờ và do đó còn được biết tới qua nhiều tôn hiệu khác nhau.

1. Quan Vũ có các hiệu là:

Quan Đế, Quan Công, Quan Thánh, Quan Lão Gia, Quan Phu Tử, hay *Sơn Tây Quan Phu Tử*,⁽¹⁾ vì quê quán ở tỉnh Sơn Tây.⁽²⁾

2. Mỹ Nhiệm Công

Vì Ngài có bộ râu năm chòm dài quá rón, trông rất đẹp, nên còn được gọi là *Mỹ Nhiệm Công*⁽³⁾ tức là ông râu đẹp. La Quán Trung kể:

[Tào] Tháo thấy râu Quan Công đẹp, hỏi:

- Râu Vân Trường ước được bao nhiêu gốc?

Quan thưa:

- Được độ vài trăm gốc, cứ mỗi năm đến mùa thu lại rụng mất vài ba cái; đến mùa đông thì phải lấy cái túi the thâm mà bọc lấy để cho nó đỡ rụng.

⁽¹⁾ 關帝, 關公, 關聖, 關老爺, 關夫子, 山西關夫子.

⁽²⁾ Mathews' Chinese-English Dictionary, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 1971, tr. 528, mục từ 3571(f).

⁽³⁾ 美髯公

Tháo sai lấy gấm may ngay một cái túi hiên Quan Công để phủ râu.

Sáng sớm hôm sau, Quan Vũ vào chầu vua. Vua [Hán Hiến Đế] thấy trước ngực đeo một túi gấm, phán hỏi để làm gì. Quan Công thưa:

- Râu tôi hơi dài, nên thừa tướng [Tào Tháo] cho túi để bọc lại.

Vua sai đứng trước điện mở ra vuốt xem, thì dài quá bụng. Vua phán:

- Thực là ông tốt râu!

Từ đấy ai cũng gọi Quan Công là “ông tốt râu”.⁽⁴⁾

3. Hán Thọ Đình Hầu

Sau khi thất thủ trận Hạ Bì, Quan Vũ tạm thời khuất thân tá túc bên Tào Tháo đợi tin Lưu Bị, Trương Phi. Trong một lần đánh quân Viên Thiệu, Quan chém được Nhan Lương, Tào Tháo làm biểu tâu lên, triều đình phong Ngài là *Hán Thọ Đình Hầu*,⁽⁵⁾ đúc ấn giao cho. Khi bỏ Tào đưa hai chị về tìm Lưu Bị thì “*phàm những đồ kim ngân, châu báu gói hết cả lại bỏ vào trong kho, ấn Hán Thọ Đình Hầu thì đem treo ở trên thêm.*”⁽⁶⁾

Một số bản kinh Minh Thánh thường in là Hán Hân Thọ Đình Hầu,⁽⁷⁾ và giải thích rằng khi đúc ấn, Quan Vũ yêu cầu phải có hai chữ Hán đó, ngụ ý là ông chỉ quy Hán, chứ

⁽⁴⁾ [La Quán Trung II, 1994: 415-416]

⁽⁵⁾ 漢壽亭侯 [La Quán Trung I, 1994: 126]

⁽⁶⁾ [La Quán Trung I, 1994: 435]

⁽⁷⁾ 漢漢壽亭侯

chẳng chịu hàng Tào.

Các tranh tượng thờ Quan Thánh ngày nay vẫn vẽ Quan Bình đứng sau lưng Đức Quan Thánh, tay giữ ấn này (phò ấn).

Có câu đối nhắc tích hàng Hán bắt hàng Tào như sau:

Thân tại Tháo doanh, tâm tại Hán;

Trung vì vũ thánh, nghĩa vì thần.⁽⁸⁾

4. Nhân Đức Thánh Quân

Khi dựng miếu thờ Quan Vũ ở quận Tiêu (quê nhà Tào Tháo), thì Tào Tháo đích thân viết bốn chữ Nhân Đức Thánh Quân làm hoành phi treo ở chính điện.⁽⁹⁾

5. Tráng Mậu Hưu

Thời Tam Quốc, năm 260, Hậu Chúa nhà Hán tôn Ngài là *Tráng Mậu Hưu*.⁽¹⁰⁾

6. Trung Huệ Công

Vua Tống Huy Tông (trị vì 1101-1126) tôn Ngài là *Trung Huệ Công*,⁽¹¹⁾ có lẽ để đề cao lòng trung nghĩa và nhân hậu của Ngài.

[Mayers 1971: 93], mục từ 297, cho là tôn hiệu này có vào đầu thế kỷ XII.

[Werner 1969: 228] nói tôn hiệu này có từ năm 1120.

⁽⁸⁾ 身在操營心在漢 / 忠爲武聖義爲神

⁽⁹⁾ 仁德聖君 [Ngoại Truyện II, 1993: 209]

⁽¹⁰⁾ 壯繆侯 [Werner 1969: 229]

⁽¹¹⁾ 忠惠公

Trương Chí Triết cho là có từ năm 1102.⁽¹²⁾

7. Tráng Mậu Vũ An Vương

Vua Tống Cao Tông (trị vì 1127-1163) tôn Ngài là *Tráng Mậu Vũ An Vương*,⁽¹³⁾ có lẽ để đề cao võ công hiển hách.

[Mayers 1971] và [Werner 1969] đều ghi là năm 1128.

Nhưng Trương Chí Triết cho là năm 1123 vua Tống Huy Tông truy phong Ngài là *Nghĩa Dũng Vũ An Vương*.⁽¹⁴⁾

8. Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Hiển Linh Anh Tế Vương

Đời Nguyên Văn Tông, Thiên Lịch nguyên niên (1328) gia phong Quan Vũ là *Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Hiển Linh Anh Tế Vương*.⁽¹⁵⁾

9. Vũ Đế

Năm 1594 (niên hiệu Vạn Lịch), triều Minh Thần Tông (trị vì 1573-1620), Quan Vũ được tôn là *Đế*. Từ đó trở đi, nhất là vào đời nhà Thanh, việc thờ Quan Vũ là *Vũ Đế* được xác lập. [Mayers 1971] dịch Vũ Đế là *God of War*.

Có lẽ cũng từ đây trở đi mà Quan Bình, con nuôi Quan Vũ, được dân gian tôn là Thái Tử. Werner nói rõ tôn hiệu là *Đại Đế*, và cho rằng vua Minh coi Ngài là vị thần hộ quốc.⁽¹⁶⁾

⁽¹²⁾ [Trương Chí Triết 1994: 332]

⁽¹³⁾ 壯繆武安王

⁽¹⁴⁾ 義勇武安王 [Trương Chí Triết 1994: 332]

⁽¹⁵⁾ 壯繆義勇武安顯靈英濟王

⁽¹⁶⁾ [Werner 1969: 228] viết: "... the title of Faithful and Loyal Great Ti, Supporter of Heaven and Protector of the Kingdom."

10. Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân

Năm 1605 (Vạn Lịch thứ ba mươi ba), vua Minh Thần Tông gia phong Ngài là *Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân*.⁽¹⁷⁾

11. Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đế Quân

Thanh Thế Tổ năm Thuận Trị thứ chín (1652) tại Bắc Kinh sắc phong Quan Vũ là *Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đế Quân*.⁽¹⁸⁾

12. Trung Nghĩa Vũ Thần Đại Đế

Đời nhà Thanh, vua Càn Long (trị vì 1736-1796) tôn Ngài là *Trung Nghĩa Vũ Thần Đại Đế*,⁽¹⁹⁾ có lẽ đề đề cao lòng trung nghĩa lẫn võ công của Ngài.

13. Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đế Quân

Năm Càn Long thứ ba mươi ba (1768) gia phong Ngài là *Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đế Quân*.⁽²⁰⁾

14. Quan Phu Tử

Đời nhà Thanh, theo Werner, nhân vì sự kiện năm 1856, Ngài hiển hiện trên trời phù trợ quân binh Mãn Thanh đẩy lui một cuộc tấn công của quân giặc, vua Hàm Phong (trị vì

⁽¹⁷⁾ 三界伏魔大帝神威遠震天尊關聖帝君 [Trương Chí Triết 1994: 332]

⁽¹⁸⁾ 忠義神武關聖帝君

⁽¹⁹⁾ 忠義武神大帝

⁽²⁰⁾ 忠義神武靈佑關聖大帝

1851-1862) đã tôn Ngài lên ngang tầm Đức Khổng Tử. Một người thứ ba là Nhạc Phi, được tôn là Nhạc Đại Phu Tử. Có lẽ ở đây Werner muốn nói tới tôn hiệu *Quan Phu Tử*, vì Đức Khổng Tử được tôn là Khổng Phu Tử; và dường như sau Khổng Tử thì Quan Vũ là nhân vật thứ hai được tôn xưng là Phu Tử.⁽²¹⁾

Các câu đối về Quan Vũ hay nhắc đến tôn hiệu Phu Tử:

- Anh hùng kỷ kiến xưng Phu Tử;
Hào kiệt như tư nữ Thánh Nhân.⁽²²⁾

- Hán nhi hậu do xưng Phu Tử;
Sơn dĩ Tây tái xuất Thánh Nhân.⁽²³⁾

- Khổng Phu Tử, Quan Phu Tử, vạn thế lưỡng Phu Tử;
Tu Xuân Thu, độc Xuân Thu, thiên cổ nhất Xuân Thu.⁽²⁴⁾

15. Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Hiển Hựu Hộ Quốc Bảo Dân Tinh Thành Tuy Tĩnh Dực Tán Tuyên Đức Quan Thánh Đế Quân

Năm Quang Tự thứ năm (1879) ngài được gia phong tôn hiệu dài hai mươi sáu chữ: *Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Hiển Hựu Hộ Quốc Bảo Dân Tinh Thành Tuy*

⁽²¹⁾ [Werner 1969: 228] viết: “In 1856 he is said to have appeared in the heavens and successfully turned the tide of battle in favour of the Imperialists, for which service the Emperor Hsien Fêng (A.D. 1851-62) raised him to the same rank as that accorded to Confucius.”

⁽²²⁾ 英雄幾見稱夫子 / 豪傑如斯乃聖人

⁽²³⁾ 漢而後猶稱夫子 / 山以西再出聖人

⁽²⁴⁾ 孔夫子關夫子萬世兩夫子 / 修春秋讀春秋千古一春秋

Tĩnh Dực Tán Tuyên Đức Quan Thánh Đế Quân.⁽²⁵⁾

16. Phong Đô Đại Đế

Sau khi Ngài lìa trần, theo kinh Minh Thánh, vì là bậc anh hùng trung liệt nên Ngài được Thượng Đế sắc phong là *Phong Đô Đại Đế*,⁽²⁶⁾ có nhiệm vụ giáo hóa các âm hồn cõi U Minh. Kinh Minh Thánh chép:

Thượng Đế thương ta lòng trung tỏ rạng, đọc sắc chỉ cho đi giáo hóa cõi U Minh. Lệnh cho ta ban ngày tuần du các chốn, xem xét phân biệt người trung kẻ nịnh.⁽²⁷⁾

17. Phục Ma Đại Đế, Đại Thánh Phục Ma Đãng Khẩu Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Thiên Tôn

Lúc sinh thời, Ngài dày công chiến trận. Kinh Minh Thánh chép:

Mười năm dư, áo giáp chẳng rời mình, thanh đao không sạch máu. Đêm ngủ ba canh không trọn, ngày ăn một bữa chẳng no. Đánh đông dẹp tây, trải trăm trận giang sơn mới định. Tóc râu đều bạc trắng như sương. Sức mòn, ngựa mỏi, đao cùn lứt.⁽²⁸⁾

⁽²⁵⁾ 忠義神武靈佑仁勇顯佑護國保民精誠綏靖翊贊宣德關聖帝君

⁽²⁶⁾ 封都大帝

⁽²⁷⁾ *Thượng Đế lân ngã trung cảnh, đọc sắc tuyên hóa U Minh.*

Lệnh ngã nhật du thiên hạ, giám biệt trung nịnh phân phân. 上帝憐我忠耿 / 獨敕宣化幽明 / 令我日遊天下 / 鑒別忠佞紛紛

⁽²⁸⁾ *Thập dư niên, giáp bất ly thân, đao vô khiết tịnh. Dạ vô ổn thụ tam canh, nhật bất bão xan nhất đồn. Đông chiến tây chinh, bách chiến nhi giang san tài định. Bạch liễu tu mấn tinh*

Sau khi hiển thánh rồi, Ngài lại tiếp tục dụng thần oai trừ tà khử quái, tiêu diệt yêu ma. Do đó, theo kinh Minh Thánh, Ngài được tôn là *Phục Ma Đại Đế*,⁽²⁹⁾ hay là *Đại Thánh Phục Ma Đãng Khẩu Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Thiên Tôn*.⁽³⁰⁾

Kinh Minh Thánh chép:

Trừ ma dẹp cướp, đời đời rành rạnh công nghiệp lớn, Tĩnh thể giáo dân, xức xức khắc ghi lời dạy sáng.⁽³¹⁾

18. Thần Oai Viễn Trấn

Vì khi sinh thời cũng như khi về trời, uy linh Ngài trị an mọi nơi, nên Ngài được tôn là *Thần Oai Viễn Trấn*.⁽³²⁾

Trong thánh giáo Cao Đài có truyền lại bài thơ như sau:

*Linh hiển bốn mùa độ chúng dân
Tà ma khiếp vía ẩn tàng thân
Muôn trùng lộ thượng dài thăm thẳm
Dạy dỗ dân Trời biết nghĩa nhân
Mười ải Diêm Phù xem thiện ác
Một thiên Minh Thánh gọi nhuần ân*

tinh. Lực quỳên, mã luy, đao độ. 十餘年 / 甲不離身 / 刀無潔淨 / 夜無穩睡三更 / 日不飽餐一頓 / 東戰西征 / 百戰而江山纔定 / 白了鬚鬢星星 / 力倦馬羸刀鈍

⁽²⁹⁾ 伏魔大帝

⁽³⁰⁾ 大聖伏魔盪寇救苦救難大天尊

⁽³¹⁾ *Phục ma đãng khẩu, lữ đại trưng kỳ kỳ huân / Giác thế dữ dân, hoàn vũ bị kỳ minh huấn. 伏魔盪寇婁代徵其奇勳 / 覺世牖民寰宇被其明訓*

⁽³²⁾ 神威遠鎮

*Chín trùng bố đức an lê thứ
Bốn biển thi nhơn viễn cận thân.*

Bài thơ trên được Đức Quan Thánh phân tách thành tôn hiệu *Thần Oai Viễn Trấn Quan Thánh Đế Quân*:

- Bốn mùa linh hiển là chữ *Thần* 神
- Tà ma khiếp vía là chữ *Oai* 威 [uy: oai]
- Muôn trùng lộ thượng là chữ *Viễn* 遠
- Dạy dỗ dân Trời là chữ *Trấn* 鎮
- Mười ải Diêm Phù là chữ *Quan* 關 [ải: quan]
- Một thiên Minh Thánh là chữ *Thánh* 聖
- Chín trùng bố đức là chữ *Đế* 帝
- Bốn biển thi nhơn là chữ *Quân* 君⁽³³⁾

19. Tam Thiên Môn Đại Nguyên Soái

Ngày mùng 9 tháng 9 âm lịch, theo kinh Minh Thánh, Ngài được ngọc sắc của Thượng Đế phong làm đại nguyên soái cai quản ba cửa trời phía Đông, Nam, và Tây (còn phía Bắc là chỗ ngự của Thượng Đế). Do đó Ngài được phong là *Tam Thiên Môn Đại Nguyên Soái*.⁽³⁴⁾

20. Chân Nguyên Hiển Ứng Chiêu Minh Dực Hán Thiên Tôn

Vì Ngài một lòng trung nghĩa phò giúp nhà Hán, nên theo kinh Minh Thánh, còn có tôn hiệu là *Chân Nguyên Hiển Ứng Chiêu Minh Dực Hán Thiên Tôn*.⁽³⁵⁾

⁽³³⁾ [Tam Nguơn 1953: 35]

⁽³⁴⁾ 三天門大元帥

⁽³⁵⁾ 真元顯應昭明翊漢天尊

21. Già Lam Phật, Cái Thiên Cổ Phật

Ngài cũng được tôn là *Phật Già Lam*.⁽³⁶⁾ Vì uy linh trùm cả trời đất nên còn có tôn hiệu *Cái Thiên Cổ Phật*.⁽³⁷⁾

Trong kinh Minh Thánh tôn hiệu Ngài là *Cái Thiên Cổ Phật Chiêu Minh Dực Hán*.⁽³⁸⁾

22. Quan Tráng Mậu Hầu

Ở huyện Thái Hưng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, những năm sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Ngài được thờ trong miếu với tôn hiệu *Quan Tráng Mậu Hầu*.⁽³⁹⁾

23. Thiên Cổ Vĩ Nhân

Đền thờ Quan Công tại huyện Thọ Xương, Hà Nội (xây dựng vào thời Việt Nam bị nhà Đường xâm chiếm, trùng tu thời Chúa Trịnh), có tấm biển đề bốn chữ *Thiên Cổ Vĩ Nhân* để xưng tán Ngài.⁽⁴⁰⁾

24. Đức Sùng Diễn Chính

Tại Vĩnh Nguyên Tự (thánh sở Cao Đài) ở xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam, không thờ Ngài bằng chân dung. Thay vì dùng ảnh tượng, thánh giáo Cao Đài dạy lập linh vị viết bốn chữ *Đức Sùng Diễn Chính*,⁽⁴¹⁾ nghĩa là đức lớn theo đường chính. Tôn hiệu này

⁽³⁶⁾ 伽藍佛

⁽³⁷⁾ 蓋天古佛

⁽³⁸⁾ 蓋天古佛昭明翊漢

⁽³⁹⁾ 關壯繆侯 [Werner 1969: 229]

⁽⁴⁰⁾ 千古偉人 [Ngô Đức Thọ 1993: 549]

⁽⁴¹⁾ 德崇演正

mượn trong kinh Minh Thánh:

*Thần uy tốt bậc. Văn đẹp vũ dũng. Trung nghĩa lớn
ròng. Tiết cả lòng trong. Vận số thuận mệnh trời. Đức lớn
theo đường chính.*⁽⁴²⁾

25. Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế

Trong đạo Cao Đài ngày nay, Ngài được tôn là *Hiệp
Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân*,⁽⁴³⁾ đứng vào hàng
Tam Trấn Oai Nghiêm,⁽⁴⁴⁾ đại diện cho đạo Nho, đồng đẳng
với Nhứt Trấn Oai Nghiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam
Kỳ Phổ Độ Lý Thái Bạch, đại diện cho đạo Tiên, và Nhị
Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,
đại diện cho đạo Phật.

Theo đạo Cao Đài, ba vị Tam Trấn Oai Nghiêm thay mặt
cho Tam Giáo Tổ Sư (Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử).

⁽⁴²⁾ *Thái thượng thần uy. Anh văn hùng vũ. Tinh trung đại nghĩa.
Cao tiết thanh liêm. Vận hiệp hoàng đồ. Đức sùng diễn chính.*
太上神威 / 英文雄武 / 精忠大義 / 高節清廉 / 運協皇圖 / 德
崇演正

⁽⁴³⁾ 協天大帝關聖帝君

⁽⁴⁴⁾ 三鎮威嚴



6. THỜ QUAN THÁNH

La Quán Trung chép rằng sau khi bị Tôn Quyền chém, anh hồn Quan Vũ không tan, cứ đi là là trên không, đến tận núi Ngọc Tuyền, huyện Đương Dương, thuộc Kinh Châu. Trên núi có thảo am của thiền sư Phổ Tịnh, từng cứu mạng Quan Vũ ở chùa Trần Quốc, ải Dĩ Thủy.

Khuya đêm ấy, trăng thanh, trời quang, tiếng gọi của Quan Vũ vọng trên không, nhất quyết đòi Lã Mông (tướng của Tôn Quyền) trả lại đầu. Sư bước ra sân, ngẩng lên nhìn, thấy hồn Quan Vũ cười ngửa Xích Thố, cầm đao Thanh Long, bên trái là Quan Bình, bên phải là Châu Thương.

Sư bèn nói: “Nay Tướng Công vừa bị Lã Mông hại, liền đòi trả lại đầu. Vậy xưa kia Nhan Lương, Văn Xú, sáu tướng trên năm cửa ải, chưa kể biết bao tướng sĩ khác đã bị Tướng Công sát hại thì họ đòi ai? Ngài có trả được đầu họ không?”

Nghe được một câu liên giác ngộ, Quan Vũ tạ ơn thiền sư Phổ Tịnh rồi biến mất.⁽¹⁾

Đề cao uy linh dũng khí của Quan Vũ, La Quán Trung còn chép thêm ba sự kiện nữa:

- Khi Tôn Quyền đang ban thưởng cho Lã Mông, vì đã có công lập mưu chém được Quan Vũ, thì hồn Quan Vũ nhập ngay vào Lã Mông, mắng Tôn Quyền, rồi vật Lã

⁽¹⁾ [La Quán Trung II, 1994: 569]

Mông chết liền trong dinh Tôn Quyền.⁽²⁾

- Khi Đông Ngô đem đầu Quan Vũ qua dinh Tào Tháo. Tào Tháo nói đùa: “Vân Trường mạnh khoẻ chứ?” Thế là đầu Quan Vũ mở miệng, trợn mắt, tóc râu dựng ngược. Tào Tháo hãi quá, ngắt xiú.⁽³⁾

- Đêm Lưu Bị đang ngủ, Quan Vũ hiện hồn về khóc, nhờ Lưu Bị báo thù.⁽⁴⁾

Những truyền thuyết đã thành huyền thoại về sự linh hiển của Quan Vũ góp phần tạo nên một tâm lý sùng bái Quan Thánh để rồi trải qua nhiều đời trở thành hình thức tín ngưỡng dân gian ở Trung Quốc và theo chân người Hoa, lan truyền qua các lân bang, trong đó có Việt Nam.

Sau khi Quan Vũ hiển thánh ở chùa Ngọc Tuyền vào đời Hậu Hán, trong nhiều thế kỷ, trải qua nhiều triều đại, Ngài đã được thờ phụng khắp nơi; nơi thờ gọi là *Vũ Thánh Miếu*.⁽⁵⁾ Werner chép rằng ở Trung Quốc có 1.600 ngôi đền (?) do triều đình lập để thờ Quan Thánh, ngoài ra còn có hàng ngàn ngôi miếu nhỏ khác cũng được dựng khắp nơi trong nước.⁽⁶⁾

Người lập miếu thờ Quan Vũ đầu tiên có lẽ chính là Ngụy Vương Tào Tháo. Sự việc như sau:

Tôn Quyền (Đông Ngô) chém Quan Vũ xong, cho người mang đầu Quan Vũ tới Lạc Dương dâng cho Tào Tháo. Ngụy Vương hiểu thâm ý của Tôn Quyền là muốn Lưu Bị

⁽²⁾ [La Quán Trung II, 1994: 570, 571]

⁽³⁾ [La Quán Trung II, 1994: 572]

⁽⁴⁾ [La Quán Trung II, 1994: 574]

⁽⁵⁾ 武聖廟

⁽⁶⁾ [Werner 1969: 228]

(Tây Thục) oán luôn cả Tào Tháo mà dấy binh đánh Bắc Ngụy. Tào Tháo vì thế cho người lấy gỗ trầm tạc thành thân hình (nhưng thiếu đầu) Quan Vũ, rồi ráp đầu thật vào, làm lễ an táng trọng thể theo nghi thức vương hầu. Tào Tháo còn cho dựng am Thổ Linh để thờ phụng Quan Vũ.⁽⁷⁾

Theo La Quán Trung, người vạch cho Tào Tháo thấy thâm ý của Tôn Quyền là Tư Mã Ý, và cũng chính Tư Mã Ý bày cho Tào Tháo cách làm lễ an táng Quan Vũ ở Lạc Dương.⁽⁸⁾

Theo Quan Thị Công Hội Đồng Nhân, nơi an táng Quan Vũ gọi là Quan Lâm, ở Lạc Dương, Hà Nam; và miếu đầu tiên thờ Quan Thánh là Thánh Miếu ở quê nhà Quan Vũ, tức Vận Thành (xưa là Giải Huyện), tỉnh Sơn Tây.

Cũng có thuyết cho rằng vì Quan Vũ là tướng của Thục Hán (cũng gọi Tây Thục), đối nghịch với Bắc Ngụy, nên Tào Tháo muốn tránh tiếng các quan dị nghị, đã cho dựng miếu thờ Quan Vũ ở quê nhà Tào Tháo là quận Tiều, ngụ ý là việc lo hương khói cho Quan chỉ do giao tình riêng giữa cá nhân Tào Tháo với Quan Vũ, không can dự gì đến hai nước Ngụy, Thục.

Miếu dựng xong, trong thờ tượng Quan Vũ, hầu hai bên là Châu Thương và Quan Bình. Tào Tháo đích thân viết bốn chữ *Nhân Đức Thánh Quân* làm hoành phi treo ở chính điện. Các địa phương khác thấy Ngụy Vương dựng miếu thờ Quan Vũ sau đó cũng đua nhau bắt chước.⁽⁹⁾

Theo *Từ Hải*, kể từ đời nhà Tống sang đến đời Minh và

Thanh, Quan Vũ đều được phong thụy.⁽¹⁰⁾ *Thụy 謚* là tên do triều đình ban cho người quá cố.

1. Thờ chung Quan Thánh và Nhạc Phi

Nhạc Phi (1103-1142), tự là Bằng Cử, quê ở huyện Thang Âm,⁽¹¹⁾ Tương Châu, tỉnh Hà Nam. Sinh vào đời vua Tống Huy Tông (niên hiệu Sùng Trinh thứ 2); mất vào đời vua Tống Cao Tông (niên hiệu Thiệu Hưng thứ 41). Theo Mayers, Nhạc Phi mất năm 1141.

Theo Werner, khi Nhạc Phi chào đời, có một con chim lớn, trông tựa tựa thiên nga, bay qua nhà ông, réo lên inh ỏi; thế nên ông được đặt tên là *Phi* (nghĩa là bay).

Nhạc Phi sớm mồ côi cha, rất có hiếu với mẹ. Nhà nghèo, chăm học, rất thích các sách *Tả Thị Xuân Thu*, *Tôn Ngô Bình Pháp*. Ông học bắn cung với Chu Đồng, sau theo Tông Trạch đánh quân Kim.

Tông Trạch có lần bày trận đồ thử tài Nhạc Phi. Nhạc Phi nói: “Bày sẵn trận đồ để phá là pháp độ bình thường của binh gia. Chỗ diệu dụng của binh pháp chính là khi lâm trận phải biết biến thông.” Tông Trạch phục lắm.

Cuối đời Bắc Tống, ba nước Liêu, Kim, Hạ xâm chiếm ba phía Tây, Bắc, và Đông Trung Quốc. Đến khi Liêu và Hạ cùng suy yếu, thì Kim càng thêm hùng mạnh. Đời Khâm Tông, niên hiệu Tĩnh Khang thứ 2 (năm 1127), Nhạc Phi hai mươi bốn tuổi; Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim đánh bại, cầm tù.

⁽¹⁰⁾ *Tống cập Minh, Thanh giai hữu phong thụy*. 宋及明清皆有封謚 [Từ Hải 1948: 1421]

⁽¹¹⁾ 岳飛, 鵬舉, 湯陰

⁽⁷⁾ [Ngoại Truyện II, 1993: 206]

⁽⁸⁾ [La Quán Trung II, 1994: 572, 573]

⁽⁹⁾ [Ngoại Truyện II, 1993: 209, 210]

Đời Nam Tống, nhiều quan Tống bị quân Kim mua chuộc như Lưu Dự, Lý Thành, Trương Dung... Vì thế, Nhạc Phi quyết tâm trừ nội loạn, bèn bán nước kinh sợ, gọi ông là Nhạc Gia Gia.

Quân Kim lại nhiều lần xâm nhập đất Tống, nhưng Nhạc Phi luôn luôn đánh thắng. Quân Kim kinh hãi, thấy bóng Nhạc Phi ở mặt trận thì bỏ chạy hơn phân nửa. Năm Cao Tông thứ 10 (1136), hai đợt quân Kim lần mười vạn, lần mười lăm vạn đều bị Nhạc Phi đánh bại.

Gian thần Tần Cối cấu kết quân Kim, thấy Nhạc Phi sắp thắng, xúi hèn quân Cao Tông nghị hòa; trong một ngày vua ra mười hai đạo kim bài bắt Nhạc Phi phải lui binh. Mười năm công lao của Nhạc Phi bị thủ tiêu chỉ trong một lúc.

Hai năm sau, quân Kim khởi binh, Nhạc Phi lại chiến thắng. Tần Cối sàm tấu vu cáo Nhạc Phi làm phản. Khi Nhạc Phi về triều chịu án, lúc cởi áo, trên lưng bày ra bốn chữ *Tận Trung Báo Quốc* do chính mẹ ông xăm vào.

Quan án công minh giải oan cho Nhạc Phi, nhưng Tần Cối vẫn tìm được cách ám hại được Nhạc Phi và con trai là Nhạc Vân, cũng dày công theo cha đẹp giặc.

Theo Werner, vua Tống Hiếu Tông (1163-1190) phục hồi danh dự cho Nhạc Phi, dựng đền thờ, tôn hiệu là Trung Liệt; các tôn hiệu khác là Nhạc Ngạc Vương (1179) và Vũ Mục Vương (1211).⁽¹²⁾

Theo Mayers, các tôn hiệu là Vũ Mục (1179); Ngạc Vương (1204); còn Trung Liệt có từ sau năm 1204.

⁽¹²⁾ 忠烈, 岳鄂王, 武穆王

Nhạc Phi được tôn là Nhạc Đại Phu Tử.⁽¹³⁾

Trong thánh giáo Cao Đài có bài thơ của Nhạc Đại Phu Tử xưng danh bằng cách chiết tự như sau:

*Tỳ khuru du ngoạn ngộ sơn đầu
Thiên đạo hoằng khai nhứt mạch thâm
Nhứt điểm chơn nguơn thiên thượng tiếp
Tử thừa phụ nghiệp thọ phong hầu.*⁽¹⁴⁾

- Chữ *Khuru* 丘 trên, chữ *Son* 山 dưới là chữ *Nhạc* 岳.
- Chữ *Thiên* 天 bớt một ngang là chữ *Đại* 大.
- Chữ *Thiên* 天 chấm đầu là chữ *Phu* 夫.
- *Tử* thừa phụ nghiệp là chữ *Tử* 子.⁽¹⁵⁾

Mộ Nhạc Phi còn ở Tây Hà, Hàng Châu. Tượng sắt Tần Cối và vợ (họ Vương) đúc đặt trước mộ. Khi nào dâng lễ ở mộ Nhạc Phi thì lại cảm roi quất Tần Cối và vợ y. Do đó mà có câu đối rằng:

*Thanh sơn hữu hạnh mai trung cốt;
Bạch thiết vô cô chú nịnh thần.*⁽¹⁶⁾

(Núi xanh hữu phúc chôn xương người trung liệt;
Sắt trắng vô tội đúc tượng đả nịnh thần.)

Theo kinh Minh Thánh, Nhạc Phi là hậu kiếp của

⁽¹³⁾ 岳大夫子

⁽¹⁴⁾ 比丘遊玩遇山頭 / 天道宏開一脈收 / 一點真元天上接 / 子承父業受封侯

⁽¹⁵⁾ [Tam Nguơn 1953: 47]

⁽¹⁶⁾ 青山有幸埋忠骨 / 白鐵無辜鑄佞臣

Tiểu sử Nhạc Phi do Lê Anh Minh soạn. Tham khảo thêm [Werner 1969: 595] và [Mayers 1971: 279-280], mục từ 928.

Trương Phi:

Em thứ ba [Trương Phi] làm thần coi đất đai lúa má ở Tứ Xuyên, có lòng trung lương giữ gìn đất nước. Đời Tống đổi họ làm tướng Vũ Mục [Nhạc Phi]. Đời Đường đổi tên là Trương Tuần. Chuyển kiếp ba lần thấy đều trung liệt. Thượng Đế phong cho làm thần hộ quốc.⁽¹⁷⁾

Việc thờ chung hai vị Quan, Nhạc diễn tiến như sau:

- 1911: Quan Thánh được thờ chung với Nhạc Phi.⁽¹⁸⁾
- 1914: Chính phủ ra lệnh cho thờ chung Quan Vũ và Nhạc Phi ở Võ Miếu.⁽¹⁹⁾
- 1916: Viên Thế Khải ra lệnh cho thờ Quan Thánh và Nhạc Phi chung trong miếu.⁽²⁰⁾

Vì hai vị Quan Thánh và Nhạc Phi (tức Vũ Mục) được thờ chung nên có nhiều câu đối nhắc đến cả hai:

- *Duy xã tắc, công cao Vũ Mục;*

⁽¹⁷⁾ *Tam đệ Tứ Xuyên vi thổ cốc, mỗi khởi trung lương hộ quốc tâm. Tại Tống dịch tính Vũ Mục tướng. Tại Đường cải huy viết Trương Tuần. Luân hồi tam chuyển giai trung liệt. Thượng Đế phong vi hộ quốc thần. 三弟四川爲土穀 / 每起忠良護國心 / 在宋易姓武穆將 / 在唐改諱曰張巡 / 輪迴三轉皆忠烈 / 上帝封爲護國神*

⁽¹⁸⁾ *Dân Quốc sơ dĩ Nhạc Phi hiệp tự. 民國初與岳飛合祀 [Tư Hải 1948: 1421]*

⁽¹⁹⁾ *Dân Quốc tam niên, chính phủ hạ lệnh hiệp tự Quan, Nhạc ư Võ Miếu. 民國三年政府下令合祀關岳於武廟 [Tư Hải 1948: 1412]*

⁽²⁰⁾ [Werner 1969: 229]

Độc Xuân Thu, đức phối Văn Xương.⁽²¹⁾

- *Tiên Vũ Mục nhi thần, Đại Hán thiên cổ, Đại Tống thiên cổ;*

Hậu Văn Xương nhi Thánh, Sơn Đông nhất nhân, Sơn Tây nhất nhân.⁽²²⁾

2. Thờ chung Quan Thánh, Nhạc Phi, và Văn Thiên Tường

Đời Thanh, nhiều tổ chức hội kín phản Thanh phục Minh đều thờ phụng Quan Thánh. Thiên Địa Hội thờ chung cả ba vị Quan Thánh, Nhạc Phi, và Văn Thiên Tường.

Văn Thiên Tường (1236-1283), tự là Tống Đao và Lý Thiện, hiệu Văn Sơn, quê ở Cát Thủy, Cát Châu.⁽²³⁾ Ông sinh vào đời vua Tống Lý Tông (năm Đao Bình thứ 3); mất vào đời Nguyên Thế Tổ (năm Chí Nguyên thứ 19). Hai mươi tuổi ông đậu tiến sĩ, làm đề hình ở Hồ Nam.

Năm 1275, quân Nguyên xâm chiếm đất Tống. Văn Thiên Tường hưởng ứng chiêu Cần Vương. Thế rồi ông bị tướng Nguyên là Trương Hoảng Phạm bắt, giam ở Yên Kinh ba năm. Trong tù, Văn Thiên Tường sáng tác bài *Chính Khí Ca*,⁽²⁴⁾ rất nổi tiếng. Nguyên Thế Tổ biết Văn Thiên Tường khí tiết, không thể dụ hàng, sai chém. Văn Thiên Tường quay mặt về phương Nam (như già biệt vua Tống), nói: “Việc ta thế đã xong.”⁽²⁵⁾ Nguyên Thế Tổ nghe

⁽²¹⁾ 維社稷功高武穆 / 讀春秋德配文昌

⁽²²⁾ 先武穆而神大漢千古大宋千古 / 後文昌而聖山東一人山西一人

⁽²³⁾ 文天祥, 宋端, 履善, 文山, 吉水, 吉州

⁽²⁴⁾ 正氣歌

⁽²⁵⁾ *Ngô sự tất hĩ. 吾事畢矣*

thuật lại, chất lưỡi: “Một đấng nam nhi đúng nghĩa.”⁽²⁶⁾
Tác phẩm của ông có: *Văn Sơn Tùy Bút* (mười quyển); *Văn Sơn Tập* (hai mươi một quyển); *Văn Sơn Thi Sử* (bốn quyển).⁽²⁷⁾

Một nghi thức được Bộ Giáo Dục vào những năm Dân Quốc, sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), chỉ đạo cho thực hiện tại Vũ Thánh Miếu ở huyện Thái Hưng, tỉnh Giang Tô như sau:

- Bàn thờ chánh bày ảnh hay tượng Quan Thánh. Phía trước ảnh (tượng) là tấm thẻ viết sáu chữ *Quan Tráng Mậu Hầu Thần Vị*.

- Bên cạnh Quan Thánh bày ảnh hay tượng Nhạc Phi. Nếu không có ảnh (tượng) thì bày tấm thẻ viết sáu chữ *Nhạc Trung Vũ Vương Thần Vị*.

- Bàn thờ bên trong cũng thờ Quan Thánh và Nhạc Phi. Hai bên gian thờ bày hai hàng thần vị của hai mươi bốn người như sau:

Bên phía Đông (mười hai vị): 1. Thích Kế Quang; 2. Từ Đạt; 3. Hàn Thê Tông; 4. Quách Tử Nghi; 5. Lý Tịnh; 6. Vương Tuấn; 7. Trương Phi; 8. Hàn Cẩm Hồ; 9. Tô Định Phương; 10. Tào Bân; 11. Húc Liệt Ngột; 12. Phùng Thắng.⁽²⁸⁾

⁽²⁶⁾ *Chân nam tử*. 眞男子

⁽²⁷⁾ 文山隨筆; 文山集; 文山詩史. Theo Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, mục từ 3076. Lê Anh Minh dịch.

⁽²⁸⁾ 1 戚繼光; 2 徐達; 3 韓世宗; 4 郭子儀; 5 李靖; 6 王濬; 7 張飛; 8 韓擒虎; 9 蘇定方; 10 曹彬; 11 旭烈兀; 12 馮勝. [Werner 1969: 229, 230]

Bên phía Tây (mười hai vị): 1. Lam Ngọc; 2. Quách Khản; 3. Địch Thanh; 4. Lý Quang Bật; 5. Hạ Nhược Bật; 6. Triệu Vân; 7. Tạ Huyền; 8. Uất Trì Kính Đức; 9. Vương Ngạn Chương; 10. Lưu Kỳ; 11. Thường Ngộ Xuân; 12. Chu Ngộ Cát.⁽²⁹⁾

3. Quan Thánh trong tín ngưỡng dân gian

Khi việc thờ Quan Thánh gây được ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian thì đã có rất nhiều người thờ Ngài như một vị thần độ mạng, có lẽ cũng tương tự như một *patron-saint* ở châu Âu. Ngày nay còn thấy trong nhiều gia đình, người vợ thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, cũng gọi là bà Mẹ Sanh; người chồng thờ Quan Thánh, cũng gọi là ông Độ Mạng.

Ở Trung Quốc, giới buôn bán đã thờ Quan Thánh như một thần tài, nhơ sĩ coi Ngài như thần văn học (tượng vẽ Quan Thánh cho thấy trong tay thường cầm kinh Xuân Thu), còn giới quân sự coi Ngài như vị Thần bảo hộ bốn mạng của họ.⁽³⁰⁾

Ảnh hưởng của Quan Vũ đối với thương nhân có lẽ do khi còn cơ hàn, Ngài đã từng mưu sinh bằng nghề bán đậu phụ (*đậu hủ* 豆腐). *Tam Quốc Ngoại Truyện* cho biết:

Ngày xưa, quán rượu ở các nơi thuộc Hồ Bắc đều thích phụng thờ Quan Vân Trường, quán rượu nhỏ phần lớn treo ở giữa nhà bức họa Quan Công, quán rượu lớn bày thờ tượng Quan Công nặn bằng sứ trắng.⁽³¹⁾

⁽²⁹⁾ 1 藍玉; 2 郭侃; 3 狄青; 4 李光弼; 5 賀若弼; 6 趙雲; 7 謝玄; 8 尉遲敬德; 9 王彥章; 10 劉錡; 11 常遇春; 12 周遇吉. [Werner 1969: 229, 230]

⁽³⁰⁾ [Werner 1969: 229]

⁽³¹⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 254]



Đời vua Càn Long nhà Thanh, những nhà buôn quê tỉnh Sơn Tây (đồng hương với Quan Vũ), làm ăn phát tài ở châu Bắc, quyên góp nhau dựng ở châu Bắc miếu thờ Quan Thánh. Ngôi miếu này có vườn rộng mười mấy mẫu, hai tầng đại điện, tượng Quan Thánh đúc bằng sắt, cao hơn một trượng.⁽³²⁾

Người Trung Quốc khi tha hương tìm sinh kế ở các lân bang vẫn mang theo tập tục thờ Quan Thánh. Đầu thế kỷ 20, được ghi nhận ở Việt Nam như sau:

Phía Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu, người Hoa đa số từ bên Trung Hoa đến, chân ướt chân ráo, sống rải rác tận thôn xóm chớ không tập trung ở chợ tỉnh, chợ quận. Vì mới đến, họ chưa thích nghi được với địa phương nên giữ gần đúng những phong tục ở quê xứ, tiền bạc không nhiều, nhưng ở chợ làng họ vẫn quyên tiền cất chùa Ông (Quan Công), chùa Bà (Mã Hậu) với quy mô khiêm tốn.⁽³³⁾

Nhận định về hiện tượng đua nhau lập đền dựng miếu thờ Quan Thánh, *Tam Quốc Ngoại Truyện* viết:

Cho nên nói, từ Tam Quốc đến Dân Quốc, từ quan gia đến thân hào thương nhân, phàm là dựng miếu Quan Vũ, trên danh nghĩa là sùng bái tôn kính Quan Vũ, nhưng thực chất đều có tính toán kiếm lợi cho mình.⁽³⁴⁾

Ở Trung Quốc, ảnh hưởng của Quan Thánh đối với quân đội ngoài những truyền thuyết về các kỳ tích chiến công đã ghi lại trong *Tam Quốc Chí*, hay *Tam Quốc Ngoại Truyện*, có thể còn một nguyên do khác; người ta tin rằng dưới đời

⁽³²⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: .210]

⁽³³⁾ [Sơn Nam 1993: 175]

⁽³⁴⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 210]

vua Hàm Phong (1851-1862) nhà Thanh, vào năm 1856, Quan Thánh đã hiện hình trên không trung để phò trợ cho binh sĩ triều đình trong một trận giao phong với quân giặc. Từ đó các lều của binh lính nhà Mãn Thanh thường treo ảnh Quan Thánh và bản thân binh lính cũng đeo tượng của Ngài, coi như bùa hộ mạng.⁽³⁵⁾

Tại Trung Quốc, từng có lúc mà miếu Quan Thánh là nơi cất giữ các gươm đao của đao phủ. Mỗi khi hành hình tội nhân xong, đao phủ lại vào làm lễ trước bàn thờ Quan Thánh. Họ tin rằng uy linh của Ngài sẽ ngăn trở không cho oan hồn các tử tội tìm đến nhà họ báo oán.⁽³⁶⁾

Những người thờ Quan Thánh đều phải kiêng cử không được ăn thịt trâu và thịt chó. Tương truyền, ai vi phạm giới cấm này đều bị hành xác, họ tự đánh đập mình như người mất trí.

Trong kinh Minh Thánh cũng có lời căn dặn phải kiêng cử hai món ấy. Kinh Minh Thánh chép:

Không ăn thịt trâu, thịt chó, có thể thoát khỏi tù ngục.⁽³⁷⁾

Ở nhiều đình miền Nam Việt Nam, còn kiêng như sau:

Cúng Quan Công tuyệt đối không dùng gà và cũng không cúng hoa mồng gà, hoa đuôi gà, vì gà là ân nhân của Ngài.⁽³⁸⁾

⁽³⁵⁾ [Werner 1969: 228]

⁽³⁶⁾ [Werner 1969: 229]

⁽³⁷⁾ *Bất thực ngư khuyến đẳng nhục, khả miễn lao ngục tù hình.*

不食牛犬等肉 / 可免牢獄囚刑

⁽³⁸⁾ [Huỳnh Ngọc Trảng 1993: 115]

Không hiểu đích xác sự tích con gà là ân nhân của Quan Vũ ra sao. Tuy nhiên, theo truyền thuyết dân gian, được ghi lại trong *Tam Quốc Ngoại Truyện*, khi còn trẻ, Quan Vũ một lần bị quan binh truy đuổi, chạy trốn vào một nhà dân, được cô chủ nhà che chở cứu giúp bằng cách giết ngay một con gà, lấy máu gà thoa lên mặt và cầm, rồi cô gái cắt mớ tóc dài của nàng gắn vào, giả làm râu. Nhờ hóa trang như vậy mà Quan Vũ thoát nạn.⁽³⁹⁾

Các hội kín ở Trung Quốc cũng như những dư ba của nó khi truyền sang các nước lân cận vẫn tôn thờ Quan Thánh, coi đây là một nghi thức của hội. Tiêu biểu như Thiên Địa Hội:

Thiên Địa Hội cũng chịu ảnh hưởng tinh thần thượng võ và trọng nghĩa anh em của Quan Vân Trùng. Khi vào Hội có hai tuần lạy, trước lạy bốn, sau lạy tám. Trong bốn lạy đầu, lạy thứ ba mang ý nghĩa: lạy đào viên kết nghĩa làm anh em. Trong bốn lạy sau, lạy thứ ba mang ý nghĩa: lạy noi theo ông Quan Công.⁽⁴⁰⁾

Tại miền Nam thời xưa, trong giới “hảo hớn” với nhau, Quan Thánh được coi là một giá trị đạo đức của họ:

Trong hội kín, tinh thần của Quan Công là khuôn vàng thước ngọc để đánh giá cách đối xử giữa các anh em kết nghĩa. Từ trước trong nhiều gia đình đã thờ Quan Công, nhưng trong giai đoạn này, Quan Công được nhắc nhở nhiều hơn, trang thờ đặt trên cao, uy nghiêm, huyền bí hơn bàn thờ tổ tiên và bàn thờ Phật.⁽⁴¹⁾

⁽³⁹⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 18]

⁽⁴⁰⁾ [Sơn Nam 1992a: 109]

⁽⁴¹⁾ [Sơn Nam 1993: 100]

7. TRANH TƯỢNG QUAN THÁNH

Về dung mạo Quan Vũ, La Quán Trung miêu tả như sau:

... to lớn trượng phu, (...) mình dài chín thước, râu dài hai thước,⁽¹⁾ mặt đỏ như gấc; môi thắm như son; mắt phượng, mày ngài; tướng mạo đường đường; uy phong lẫm lẫm.⁽²⁾

Kinh Minh Thánh tả:

Mày tằm nằm hình chữ bát 八. Mắt phượng sáng như sao. Râu rồng rõ năm chòm. Trán hùm thân lẫm liệt.⁽³⁾

Các tranh tượng thờ Quan Thánh trong dân gian xưa nay vẫn vẽ, tạc chân dung Quan Vũ mô phỏng theo những miêu tả đó. Thông dụng hơn cả có lẽ là hai kiểu như sau:

1. Tượng ba ông

Thường vẽ Quan Thánh mặc giáp phục ngồi giữa hổ trưởng, một tay vuốt râu (đôi khi vẽ thêm tay kia cầm kinh Xuân Thu). Sau lưng có hai người đứng hầu: Quan Bình ở bên trái Quan Vũ giữ ấn (phò ấn); Châu Thương ở bên phải cầm đao Thanh Long. Tranh tượng này có lẽ mô phỏng theo sự tích chép trong Tam Quốc Chí, lúc Quan Vũ chưa hiển thánh.

⁽¹⁾ Một thước tào (xích 尺) khoảng 0,3581 mét.

⁽²⁾ [La Quán Trung I, 1994: 10]

⁽³⁾ *Ngọa tằm mi bát tự. Đan phụng mục song tinh. Ngũ long tu bãi vĩ. Nhứt hổ ngạch dao thân. 臥蠶眉八字 / 丹鳳目雙睛 / 五龍鬚擺尾 / 一虎額搖身*



Quan Công, Quan Bình, Châu Thương (cầm đao)

Châu Thương

Vì sao Châu Thương theo hầu Quan Vũ? Theo La Quán Trung, sau khi rời Tào Tháo, đưa hai chị dâu (vợ Lưu Bị, là bà Cam và bà Mi) về với Lưu Bị, khi tới cách núi Ngọa Ngưu hai mươi dặm thì Quan Vũ gặp Châu Thương.

Châu người đất Quan Tây, mặt đen, râu xồm, gân guốc, cao lớn, hình dung dữ tợn, hai cánh tay nhấc nổi nghìn cân. Châu trước kia theo giặc Khăn Vàng (Hoàng Cân) làm bộ tướng của Trương Bão. Khi Trương Bão chết, Châu tụ lâu la trong núi, chùng gặp Quan Vũ liền ra yết kiến, bỏ hết quân mã và sơn trại, một lòng theo hầu Quan Vũ.⁽⁴⁾

Tôn hiệu của Châu Thương là *Cương Trực Trung Dũng Đại Thiên Tôn*.⁽⁵⁾ Kinh Minh Thánh tả diện mạo Châu Thương (Châu Đại Tướng Quân) như sau:

Tướng khỏe phụ giúp trời, Thần khỏe trông coi đất. Râu sắt răng bạc. Mặt đen môi đỏ.⁽⁶⁾

Quan Bình

Sau khi gặp Châu, trên đường tiếp tục tìm Lưu Bị và Trương Phi, đến Hà Bắc, Quan Vũ gặp một ông lão tên Quan Định có hai con trai: Quan Ninh học văn; em Ninh là Quan Bình học võ.

Quan Định cho con thứ (năm ấy Quan Bình đúng mười

⁽⁴⁾ [La Quán Trung I, 1994: 459, 460]

⁽⁵⁾ 周倉，剛直忠勇大天尊

⁽⁶⁾ *Phù thiên dũng tướng, sát địa mãnh Thần. Thiết tu ngân xỉ. Hắc diện châu thần. 扶天勇將 / 察地猛神 / 鐵鬚銀齒 / 黑面朱唇*

tám tuổi) làm con nuôi Quan Vũ. Vì lúc đó Quan Vũ chưa có con, nên Quan Bình được coi là con trưởng.⁽⁷⁾ Kinh Minh Thánh và các đình, miếu thờ Quan Thánh thường tôn Quan Bình là Thái Tử, có lẽ sau khi Quan Vũ được tôn là Đế.

Khi Quan Vũ và Quan Bình bị Tôn Quyền chém, Châu Thương và Vương Phủ đang cố thủ Mạch Thành. Được tin dữ, Vương Phủ từ trên mặt thành lao đầu xuống đất mạng vong, còn Châu Thương đâm cổ tự vẫn.⁽⁸⁾

Có đình ở miền Nam Việt Nam⁽⁹⁾ tổ chức lễ kỷ niệm Châu Thương, tùy tướng của Quan Vũ, vào ngày 30 tháng 10 âm lịch. Một số đình khác lấy ngày 13 tháng 5 âm lịch làm lễ kỷ niệm Quan Bình.

Kinh Minh Thánh xưng tán Quan Bình (Quan Thánh Thái Tử) như sau:

Công lớn sớm lập nơi Tây Thục. Mưu lạ lừng danh chốn Bắc Ngụy.⁽¹⁰⁾

Tây Thục là đất cát cứ của ba anh em Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi. Bắc Ngụy là đất hùng cứ của Tào Tháo. Tôn hiệu của Quan Thái Tử là *Cửu Thiên Uy Linh Hiển Hóa Đại Thiên Tôn*.⁽¹¹⁾

⁽⁷⁾ [La Quán Trung I, 1994: 446-468]

⁽⁸⁾ [La Quán Trung II, 1994: 568]

⁽⁹⁾ Như đình Nghĩa Nhuận (chùa Nghĩa Nhuận, chùa Quan Thánh), số 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5.

⁽¹⁰⁾ *Kỳ huân tạo kiến ư Tây Thục. Dị lược tổ trí ư Bắc Ngụy. 奇勳早建於西蜀 / 異略素著於北魏*

⁽¹¹⁾ 關平，九天威靈顯化大天尊



Quan Công, Quan Bình giữ ấn, Châu Thương cầm đao

2. Tượng năm ông

Giống tượng ba ông, vẽ Quan Thánh ngồi chính giữa, một tay vuốt râu, tay kia có thể cầm kinh Xuân Thu. Châu Thương cầm đao Thanh Long và Quan Bình tay trái cầm cờ lệnh, tay phải cầm ấn (hoặc không có cờ lệnh, hai tay cầm ấn) cùng đứng hầu. Lại vẽ thêm Trương Tiên cầm cung và Vương Thiên Quân cầm giản đứng hầu. (Có khi vẽ Trương Tiên và Vương Thiên Quân đứng hầu phía trước, Châu Thương và Quan Bình đứng hầu sau lưng, hoặc ngược lại.)

Vương Thiên Quân

Vương Thiên Quân tức là Thiên Lôi, Lôi Công, theo kinh Minh Thánh cũng là Linh Quan, hay là Thái Ất Lôi Thịnh Ứng Hóa Thiên Tôn.⁽¹²⁾

Kinh Minh Thánh tả dung mạo và nhiệm vụ của Vương Thiên Quân như sau:

Mắt vàng tóc đỏ, hiệu là Lôi Công [quản] ba mươi lăm xe lửa. Miệng [nhọn như mỏ chim] phượng răng bạc, chỉ huy một trăm vạn thần tướng dũng mãnh. Lướt mây cười mù, lệnh ban sấm sét, tuôn mưa làm nắng, đuổi tà trị bệnh.⁽¹³⁾

⁽¹²⁾ 王天君, 太乙雷聲應化天尊

⁽¹³⁾ Kim tinh châu phát, hiệu tam ngũ hỏa xa Lôi Công. Phụng chủ ngân nha, thống bách vạn tỳ hưu thần tướng. Phi đằng vân vụ, hiệu lệnh lôi đình, giáng vũ khai tình, khu tà trị bệnh. 金睛朱髮 / 號三五火車雷公 / 鳳嘴銀牙 / 統百萬貔貅神將 / 飛騰雲霧號令雷霆 / 降雨開晴驅邪治病



NGŨ CÔNG VƯƠNG PHẬT (tượng năm ông)
Quan Công, Châu Thương cầm đao, Quan Bình giữ ấn
Vương Thiên Quân, Trương Tiên cầm cung

Trương Tiên

Trương Tiên theo kinh Minh Thánh có nhiệm vụ phù trợ sản phụ, trẻ sơ sinh, v.v... Tôn hiệu là *Linh Ứng Trương Tôn Đại Đế Thất Khúc Dục Thánh Thiên Tôn*,⁽¹⁴⁾ vũ khí đeo bên mình là đạn vàng và cung trúc,⁽¹⁵⁾ nhưng tranh thờ trong dân gian có khi vẽ nhầm lẫn là cầm cung và... một mũi tên!

Tranh thờ vẽ trên kiếng bày bán trong Chợ Lớn thường viết thêm ở phía trên bốn chữ Hán *Ngũ Công Vương Phật*.⁽¹⁶⁾ Tranh này cũng được gọi là tượng năm ông (*ngũ công*), tượng truyền xuất hiện ở Trung Quốc lần đầu tiên từ sau đêm Rằm tháng 9 năm Bính Tuất (1781), đời nhà Thanh (niên hiệu Càn Long thứ 46).

Loại tượng này còn được thờ trong Thiên Địa Hội.⁽¹⁷⁾

⁽¹⁴⁾ 張仙, 靈應張尊大帝七曲欲聖天尊

⁽¹⁵⁾ *Kim đạn trúc cung tùy thân đới* 金彈竹弓隨身帶

⁽¹⁶⁾ 五公王佛

⁽¹⁷⁾ [Sơn Nam 1971: 55]

8. CÂU ĐỐI VỀ QUAN THÁNH

1. Theo La Quán Trung, ở miếu Quan Thánh trên núi Ngọc Tuyền có câu đối:

Xích diện bình xích tâm, kỳ Xích Thổ truy phong, trì khu thời, vô vong Xích Đế;

Thanh đăng quan thanh sử, trượng Thanh Long Yển Nguyệt, ẩn vi xử, bất quý thanh thiên.⁽¹⁾

(Mặt đỏ mang lòng son, cõi Xích Thổ như gió, khi rong ruổi, không quên vua Đỏ;

Đèn xanh xem sử xanh, nường Thanh Long Yển Nguyệt, chốn ẩn vi, chẳng thẹn trời xanh.)

- *Xích diện*: mặt Quan Vũ đỏ.

- *Bình*: mang, cầm giữ

- *Xích tâm*: lòng đỏ (cũng như lòng son: *đan tâm* 丹心), Quan Vũ lòng luôn luôn vẹn tròn trung nghĩa.

- *Xích Thổ*: ngựa Xích Thổ của Quan Vũ, lông đỏ như màu lửa.

- *Truy phong*: theo gió; ngụ ý phi ngựa nhanh như gió.

- *T trì khu*: cõi ngựa phi nhanh.

- *Xích Đế*: liên hệ đến sự tích trong kinh Minh Thánh, cho rằng Quan Vũ là Xích Đế giáng trần, tiền kiếp là Thần áo đỏ (*châu y*) ở cung Tử Vi trên thượng giới.

⁽¹⁾ 赤面秉赤心騎赤兔追風馳驅時無忘赤帝 / 青燈觀青史仗青龍偃月隱微處不愧青天 [La Quán Trung II, 1994: 572, 573]

- *Vô vong Xích Đế*: ý nói sau khi lâm phạm, hoàn thành nhiệm vụ ở thế gian, Ngài đã trở lại được cõi trời, không bị mất ngôi vị thiêng liêng ở thượng giới. (Theo đạo Lão xưa và Cao Đài ngày nay, cho rằng nhiều người tiền kiếp vốn là Tiên, nhưng khi xuống trần gian rồi thì mê đắm cõi trần, bị sa đọa luôn, không thể trở lại cõi Tiên được nữa.)

- *Thanh đăng quan thanh sử*: đọc sử xanh (ám chỉ kinh Xuân Thu) bên ngọn đèn xanh.

- *Ẩn vi xử*: ở nơi khuất lấp không ai nhìn thấy mình.

- *Bất quý thanh thiên*: không phải hổ thẹn với trời xanh.

- *Ẩn vi xử bất quý thanh thiên*: cũng giống như câu *Quân tử thận kỳ độc*,⁽²⁾ nghĩa là người quân tử lúc ở một mình, dù không có tai mắt ai khác nghe được hay nhìn thấy mình, thì vẫn phải cẩn thận giữ trọn lòng chính đại quang minh, để khỏi thẹn với thần minh khuất mặt nhưng vẫn biết mọi hành vi của mình. (Về sau câu đối ám chỉ lúc Quan Vũ đốt đuốc phò nhị tẩu ở trạm dịch.)

2. Theo *Tam Quốc Ngoại Truyện*, trong một miếu thờ Quan Thánh có câu đối, dịch như sau:

Ba người, ba họ, ba kết nghĩa;

Một rồng, một hổ, một thánh hiền.⁽³⁾

Rồng ám chỉ Lưu Bị (làm vua); hổ ám chỉ Trương Phi, có tiếng là tướng khỏe và dữ; thánh hiền ám chỉ Quan Vũ.

3. Cũng theo *Tam Quốc Ngoại Truyện*, sau khi Quan Vũ lìa

⁽²⁾ 君子慎其獨

⁽³⁾ [Ngoại Truyện II, 1993: 208]

trần, tại cửa ải Thiên Nhạc ở núi Hoàng Long, huyện Thông Thành, có dựng miếu thờ, gọi là miếu Quan Vương. Nơi đây có câu đối rất hay: về trên gồm ba địa danh giống nhau ở chữ Châu; về dưới gồm ba nhân danh giống nhau ở chữ Đức; và cả hai về đều liên hệ đến cuộc đời chinh chiến của Quan Vũ như được ghi chép trong Tam Quốc Chí.

Sinh Bồ Châu, giúp Dục Châu, ngồi trấn Kinh Châu, tay đỡ dựng ngàn thu sự nghiệp;

Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.⁽⁴⁾

- *Huyền Đức* là Lưu Bị, *Dục Đức* là Trương Phi, *Mạnh Đức* là Tào Tháo.

- *Chẳng hàng Mạnh Đức*: nhằm nhắc sự kiện sau khi thất thủ Hạ Bì, Quan Vũ đã không chịu cho Tào Tháo dụ hàng.

(Câu đối này cho Quan Vũ sinh ở Bồ Châu, trong khi các sách thường chép Quan Vũ sinh tại Giải Châu.)

4. Một câu đối khác tương tự như vậy, nhưng tài tình hơn, dài hơn, điệp ngữ ở về trên năm chữ Châu, ở về dưới năm chữ Đức:

Sinh Bồ Châu, sự Dục Châu, thủ Từ Châu, chiến Kinh Châu, vạn cổ Thần Châu hữu hách;

Huỳnh Huyền Đức, đệ Dục Đức, thích Mạnh Đức, cầm Bàn Đức, thiên thu chí đức vô song.⁽⁵⁾

⁽⁴⁾ [Ngoại Truyện I, 1993: 268, 269]

⁽⁵⁾ 生蒲州事豫州守徐州戰荊州萬古神州有赫 / 兄玄德弟翼德 釋孟德擒龐德千秋至德無雙

(Sinh tại Bồ Châu, làm việc Dục Châu, trấn thủ Từ Châu, đánh ở Kinh Châu, muôn đời hiển hách Thần Châu;

Anh là Huyền Đức, em là Dục Đức, phóng thích Mạnh Đức, bắt giữ Bàn Đức, ngàn năm đức lớn vô song.)

- *Thần Châu*: thời Chiến Quốc (403-221 trước Công Nguyên), Sô Diễn từng gọi Trung Quốc là Xích Huyện Thần Châu, nên đời sau theo đó cũng gọi Trung Quốc là Thần Châu.

- *Thích Mạnh Đức*: nhắc việc Tào Tháo thua trận Xích Bích, chạy qua ngũ Hoa Dung, được Quan Vũ nhớ ân nghĩa khi xưa nên thả cho Tào Tháo và quân lính chạy thoát.

- *Cầm Bàn Đức*: nhắc lại trận Khoái Khẩu, Châu Thương bắt được tướng Tào là Bàn Đức đem giải về cho Quan Vũ.

Theo Vương Hồng Sển, ở Nghĩa Nhuận Hội Quán, đường Gò Công, thành lập năm 1872, có câu đối cũng gần tương tự như vậy:

Sanh Bồ Châu, sự Dục Châu, chiến Từ Châu, thủ Kinh Châu, vạn cổ Thần Châu hữu hức;

Huỳnh Huyền Đức, đệ Dục Đức, xá Bàn Đức, thích Mạnh Đức, thiên thu thánh đức vô song.⁽⁶⁾

Tại sao lại xá (tha chết) Bàn Đức? Thực ra Quan Vũ đã cho chém Bàn Đức ở trận Khoái Khẩu.⁽⁷⁾ Phải chăng câu đối này là dị bản câu đối dẫn trên, bị tam sao thất bản?

⁽⁶⁾ 生蒲州事豫州戰徐州守荊州萬古神州有一 / 兄玄德弟翼德 舍龐德釋孟德千秋聖德無雙 [Vương Hồng Sển 1992: 209]

⁽⁷⁾ [La Quán Trung II, 1994: 537]



5. Tại chùa Ông (thờ Quan Thánh) ở tỉnh Cần Thơ có câu đối sau:

Vạn cổ đào viên sanh tú sắc;

Thiên thu nghĩa vũ kiến anh phong.⁽⁸⁾

Tạm hiểu:

Tích vườn đào kết nghĩa vạn năm mãi còn truyền lưu sắc thái tươi đẹp;

Bạc vũ dũng nghĩa hiệp ngàn xưa vẫn còn cho thấy phong độ anh hùng.

6. Câu đối nhắc tích Quan Vũ đọc kinh Xuân Thu:

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán,

Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên.⁽⁹⁾

(Chí hướng noi theo kinh Xuân Thu, lập công lao với nhà Hán;

Lòng trung sáng như mặt trời mặt trăng, đức nghĩa lớn ngang cùng trời đất.)

7. Câu đối nhắc đến tôn hiệu Phu Tử của Quan Vũ:

Anh hùng kỷ kiến xưng Phu Tử;

Hào kiệt như tư nãi Thánh Nhân.⁽¹⁰⁾

⁽⁸⁾ 萬古桃園生秀色 / 千秋義武見英風 Lại Duy Nguyên, “Chùa Ông, Một Công Trình Điều Khắc Lịch Sử”, báo *Sài Gòn Giải Phóng*, ngày 20-3-1995, tr. 4.

⁽⁹⁾ 志在春秋功在漢 / 忠同日月義同天

⁽¹⁰⁾ 英雄幾見稱夫子 / 豪傑如斯乃聖人

(Anh hùng mấy ai được thấy gọi là Phu Tử;
Hào kiệt như Ngài quả thực là bậc Thánh Nhân.)

8. Câu đối khéo chơi chữ, ngụ ý nói tới tôn hiệu Sơn Tây Quan Phu Tử:

*Hán nhi hậu do xưng Phu Tử,
Sơn dĩ Tây tái xuất Thánh Nhân.*⁽¹¹⁾

(Sau đời Hán còn xưng là Phu Tử;
Núi phía Tây lại xuất hiện Thánh Nhân.)

9. Câu đối sánh Quan Vũ với Đức Khổng Tử:

*Khổng Phu Tử, Quan Phu Tử, vạn thế lưỡng Phu Tử;
Tu Xuân Thu, đọc Xuân Thu, thiên cổ nhất Xuân Thu.*⁽¹²⁾

(Khổng Phu Tử, Quan Phu Tử, muôn đời có hai vị Phu Tử;

Sửa Xuân Thu, đọc Xuân Thu, ngàn thu chỉ một bộ Xuân Thu.)

Câu này khéo, nhấn mạnh rằng Trung Quốc xưa nay có hai vị là Khổng, Quan được hậu thế tôn là Phu Tử. Khổng Tử có công soạn kinh Xuân Thu để dạy đời thuật chính trị cứu đời theo vương đạo. Quan Vũ lập chí cứu đời theo kinh Xuân Thu. Nhạc Phi cũng được tôn là Nhạc Đại Phu Tử (xem 6. *Thờ Quan Thánh*).

Phu Tử là một tôn hiệu cao quý, ý nghĩa như sau:

⁽¹¹⁾ 漢而後猶稱夫子 / 山以西再出聖人

⁽¹²⁾ 孔夫子關夫子萬世兩夫子 / 修春秋讀春秋千古一春秋

- *Phu* là người nam nhi lỗi lạc, xuất chúng (*a distinguished man*), cũng là bậc hiền nhân (*sage*).

- *Phu Tử* là đáng anh hùng (*a hero*), là bậc làm thầy thiên hạ (*a master*), là hiền nhân (*sage*), cũng là tôn hiệu dành cho các đại tôn sư của thời xưa (*title of respect for the great teachers of old*).⁽¹³⁾

10. Câu đối về sự tích đuốc sáng đêm phò nhị tẩu (xem 4. *Kỳ Tích Quan Vũ*):

*Ngọ dạ hà nhân năng bình chúc?
Cửu Châu vô địa bất phần hương.*⁽¹⁴⁾

(Nửa đêm ai là người có thể cầm đuốc được?

Cửu Châu chẳng nơi nào là chẳng thấp hương.)

- *Ngọ dạ*: hiểu như bán dạ (nửa đêm).

- *Cửu Châu*: chín châu. Người Trung Quốc cho rằng sau khi vua Vũ trị thủy (làm công tác thủy lợi chống nạn lụt Hoàng Hà) thành công, đã chia Trung Quốc ra làm chín châu. Ít ra có ba cách giải thích:

① Theo Vũ Công, chín châu gồm có: *Ký* (nay thuộc Hà Nam); *Duyệt* (nay thuộc Sơn Đông); *Thanh* (nay thuộc Sơn Đông, Liêu Dương); *Từ* (nay thuộc phía nam Sơn Đông); *Dương* (?); *Kinh* (nay thuộc Hồ Nam, Hồ Bắc, Quý Châu, Quảng Tây); *Dự* (nay thuộc Hà Nam); *Lương*; *Ung* (nay thuộc Thiểm Tây, Cam Túc, Thanh Hải).

⁽¹³⁾ Mathews' *Chinese-English Dictionary*, Massachusetts: Harvard University Press, 1971: mục từ 1908-1, tr. 280; và mục từ 1908-15, tr. 281.

⁽¹⁴⁾ 午夜何人能秉燭 / 九州無地不焚香

② Theo Nhĩ Nhã, chín châu gồm có: *Ký; U; Duyện; Dinh; Tì; Dương; Kinh; Dư; Ung.*

③ Theo Chu Lễ, chín châu gồm có: *Ký; U* (nay thuộc Trục Lệ, Phụng Thiên); *Tình; Duyện; Thanh; Dương; Kinh; Dư; Ung.*

Quan niệm về chín châu không thống nhất; ngày nay khi nói Cửu Châu hiểu tổng quát là ám chỉ Trung Quốc. Kinh Minh Thánh, khi xưng tán Đức Quan Thánh cũng nhắc tới Cửu Châu:

Khí cả cao lừng mây bạc. Lòng son sáng tựa mặt trời. Giúp nhà Hán [chính thống] rạng ngời tín nghĩa, uy chấn khắp Cửu Châu. Trọn khí tiết vẹn vẻ trung trinh, oai linh soi thiên cổ.⁽¹⁵⁾

11. Câu đối về tích thất thủ Hạ Bì, hàng Hán chẳng hàng Tào:

*Thân tại Tháo doanh, tâm tại Hán:
Trung vi vũ Thánh, nghĩa vi Thân.*⁽¹⁶⁾
(Thân trong trại Tháo, lòng nơi Hán;
Trung làm Thánh võ, nghĩa làm Thân.)

12. Câu đối nhắc tích chém Nhan Lương, và tích đơn đao qua gặp Lỗ Túc (xem 4. *Kỳ Tích Quan Vũ*):

⁽¹⁵⁾ *Hạo khí lăng tiêu. Đan tâm quán nhật. Phù chính thống dĩ chương tín nghĩa, uy chấn Cửu Châu. Hoàn đại tiết nhi đốc trung trinh, linh chiếu thiên cổ. 浩氣凌霄 / 丹心貫日 / 扶正統以彰信義威震九州 / 完大節而篤忠貞靈照千古*

⁽¹⁶⁾ *身在操營心在漢 / 忠爲武聖義爲神*

Thất mã trăm Nhan Lương, Hà Bắc anh hùng giai táng đờm;

Đơn đao hội Lỗ Túc, Giang Nam danh sĩ tận đề đầu.⁽¹⁷⁾

(Một thớt ngựa chém Nhan Lương, anh hùng Hà Bắc đều vỡ mặt;

Một thanh đao hội Lỗ Túc, danh sĩ Giang Nam thấy cúi đầu.)

- Hà Bắc là đất của Viên Thiệu, chủ của Nhan Lương.

- Giang Nam là đất của Tôn Quyền, chủ của Lỗ Túc.

13. Câu đối nhắc tích Quan Vũ thường đọc kinh Xuân Thu:

Thanh dạ đọc Xuân Thu, nhất điểm đăng quang xán kim cổ;

Cô chu phạt Ngô Ngụy, thiên thu hạo khí quán càn khôn.⁽¹⁸⁾

(Đêm vắng đọc Xuân Thu, một ánh đèn sáng soi kim cổ;

Một thuyền đánh Ngô Ngụy, ngàn thu hạo khí khắp đất trời.)

14. Câu đối nhắc đến Vũ Mục (tức Nhạc Phi), trung thần đời Tống, được thờ chung với Quan Thánh:

Duy xã tắc, công cao Vũ Mục;

Độc Xuân Thu, đức phối Văn Xương.⁽¹⁹⁾

⁽¹⁷⁾ 匹馬斬顏良河北英雄皆喪膽 / 單刀會魯肅江南名士盡低頭

⁽¹⁸⁾ 清夜讀春秋一點燈光燦今古 / 孤舟伐吳魏千秋義氣貫乾坤

⁽¹⁹⁾ 維社稷功高武穆 / 讀春秋德配文昌

(Giữ đất nước, công to như Vũ Mục;
Độc Xuân Thu, đức thánh hiệp Văn Xương.)

Về trên khen công Nhạc Phi; về dưới không nói thẳng ra là Quan Vũ, mà hàm ý khen Quan Vũ khi nhắc tới:

- Tích Quan Vũ thường đọc kinh Xuân Thu;
- Truyền thuyết cho rằng tiền kiếp Quan Vũ là chủ quản sao Văn Xương (theo kinh Minh Thánh).

15. Câu đối này cũng mang nội dung tương tự như trên:

Tiên Vũ Mục nhi Thần, Đại Hán thiên cổ, Đại Tổng thiên cổ;

Hậu Văn xương nhi Thánh, Sơn Đông nhất nhân, Sơn Tây nhất nhân.⁽²⁰⁾

- *Đại Hán thiên cổ* (ngàn thu nhà Hán): liên hệ tới Quan Vũ.
- *Đại Tổng thiên cổ* (ngàn thu nhà Tống): liên hệ tới Nhạc Phi.
- *Sơn Đông nhất nhân* (tỉnh Sơn Đông một người): ám chỉ Khổng Tử.
- *Sơn Tây nhất nhân* (tỉnh Sơn Tây một người): ám chỉ Quan Vũ.

Về sau của câu đối muốn sánh Quan Vũ với Đức Khổng Tử, cả hai đều được người Trung Quốc tôn là Phu Tử.

16. Một câu đối khác, in theo chân dung Quan Thánh, trên

⁽²⁰⁾ 先武穆而神大漢千古大宋千古 / 後文昌而聖山東一人山西一人

tờ lịch các tháng 10, 11, 12, năm 1994, nhan đề *Tiên Phật Thánh Tượng Cách Ngôn Nguyệt Lịch*,⁽²¹⁾ nội dung như sau:

*Quan đao phi khởi, nghĩa quán lãng vân chí xung thiên;
Ân ái trăm đoan, chính khí lâm nhiên tái vũ gian.*⁽²²⁾

(Quan Công vung đao, nghĩa ngút mây chí tận trời;
Ái ân chặt đứt, chính khí uy nghi ngợp vũ trụ.)

Nói thêm:

Câu đối số 4, và chín câu từ số 7 đến 15 do lão sư Quan Tồn Chí,⁽²³⁾ dạy thư pháp và hội họa ở Nam Tú Nghệ Uyển (quận 5) sưu tập và tặng cho. Lê Anh Minh phiên âm, dịch nghĩa, và chú.

⁽²¹⁾ 仙佛聖像格言月曆

⁽²²⁾ 關刀飛起義貫凌雲志冲天 / 恩愛斬斷正氣凜然塞宇間

⁽²³⁾ Thư họa gia Quan Cường 關強 (tức Quan Tồn Chí 關存志) sinh năm 1932 tại huyện Nam Hải 南海, tỉnh Quảng Đông, và sinh sống tại Việt Nam từ thuở thơ ấu. Ông sống độc thân, tạ thế năm 2012 tại Chợ Lớn (quận 5).

9. ĐỀN THỜ QUAN THÁNH Ở VIỆT NAM

Ở Việt Nam, việc thờ Quan Thánh đã có từ lâu đời, khắp từ Nam chí Bắc. Nơi thờ Ngài gọi là chùa Ông. Dân Việt cũng thờ Ngài chung với các vị Phật trong nhiều chùa Phật.

Trong chùa Phật, Quan Công là ông Già Lam, sắc mặt bớt đỏ, râu cắt ngắn (...); khách thập phương có thể vào chùa xin xăm với ông Già Lam này. Nhiều đình, chùa, miếu ở Sài Gòn, Chợ Lớn và rải rác chợ quận, chợ làng, khi xem lại thì lúc ban đầu nhằm thờ Quan Công, về sau thêm chi tiết, không ai thắc mắc cho lắm.⁽¹⁾

Một hệ phái của Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương ở trong Nam là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cũng thờ Quan Thánh Đế Quân.⁽²⁾

1. Một số đền thờ Quan Thánh ở miền Bắc

① Đền Ngọc Sơn ở hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội, ngày xưa từng là nơi thờ Quan Thánh.⁽³⁾

⁽¹⁾ [Sơn Nam 1993: 100-101]

⁽²⁾ [Sơn Nam 1971: 72]

⁽³⁾ [Văn Bia II, 1978: 68] Đền làm với đền Quán Thánh, nằm ở góc đường Quán Thánh và đường Thanh Niên, khu phố Ba Đình. Quán tức là đạo quán, nơi tu hành của đạo sĩ đạo Lão. Quán Thánh nguyên xưa là đạo quán, xây năm 1010 lúc vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long. Trong quán thờ Đức Chân Vũ, cũng gọi Huyền Thiên Trấn Vũ, để hộ trì phía Bắc thành

② Đền Quan Công ở huyện Thọ Xương, nay thuộc Hà Nội, ở bên Tây Lương, cách cửa chính đông kinh thành hai dặm. Tương truyền do quan Giao Châu Đô Hộ Phủ xây vào đời Đường. Sau này Chúa Trịnh cho trùng tu rộng lớn. Trước cửa đền có biển đề bốn chữ *Thiên Cổ Vĩ Nhân*.⁽⁴⁾

③ Miếu Quan Đế do Bình Trưng Công thời Lê quyền tiền xây dựng, ở phường Hà Khẩu, nay là phố Nguyễn Trung Trực, Hà Nội. Lúc đầu đền và nội điện gồm ba gian liền nhau, cổng và tường bao quanh xây gạch. Năm Giáp Tuất (?) các kỳ lão trong phường đứng ra trùng tu, dời tiền điện ra ngoài để có khoảnh sân vuông ở giữa, rồi tô thêm tượng và dựng bia.⁽⁵⁾

④ Miếu Quan Thánh ở xã Năng Tĩnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nay thuộc thành phố Nam Định, do các thân hào của tỉnh dựng năm Thiệu Trị thứ ba (1843). Năm Thành Thái thứ ba (1891), miếu được trùng tu.⁽⁶⁾

⑤ Đền Quan Thánh Đế Quân ở xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa, dựng năm Thiệu Trị thứ hai (1842).⁽⁷⁾

⑥ Đền Quan Thánh do thương nhân đời nhà Thanh dựng ở phố Bắc Hà, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, nay là tỉnh Hải Hưng. Năm Tự Đức thứ ba mươi hai (1879), đền đổ nát, Tuần phủ Trần Văn Chuẩn hợp cùng các quan

Thăng Long. Đời vua Lê Hy Tông (1676-1704) tượng Đức Trấn Vũ được đúc bằng đồng đen, cao 3,96 mét, nặng bốn tấn. Năm 1893 tượng được đặt trên bệ đá cao 1,20 mét. Nay vẫn còn. [Văn Bia I, 1978: 53]

⁽⁴⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 549]

⁽⁵⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 550]

⁽⁶⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 551]

⁽⁷⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 551]

viên trong tỉnh đứng ra trùng tu.⁽⁸⁾

⑦ Miếu Quan Công do Hoa kiều dựng ở phố Minh Hương, châu Thủy Vĩ, tỉnh Hưng Hóa, sau này là huyện Phong Thổ, tỉnh Hoàng Liên Sơn.⁽⁹⁾

⑧ Miếu Quan Đế ở thành Mục Mã, nay là xã Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Được dựng vào đời vua Lê Hy Tôn Chương, năm Vĩnh Trị thứ ba (1678).⁽¹⁰⁾

2. Một số đền thờ Quan Thánh ở miền Trung

① Đền Quan Công ở cạnh chùa Thiên Mụ. Năm Minh Mạng thứ mười hai (1831) được trùng tu, vua ban cho biển ngạch bằng đồng. Năm Thiệu Trị thứ năm (1845) dời đền về xã Địa Linh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, nay thuộc thành phố Huế. Năm Tự Đức thứ ba (1850), vua ban cho biển ngạch gỗ thếp vàng. Hàng năm các quan đến tế lễ vào tháng 2, tháng 8 âm lịch.⁽¹¹⁾

② Đền Quan Công do người Minh Hương dựng ở phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Năm 1825, vua Minh Mạng tuần du qua đó, ban cho ba trăm lượng bạc để trùng tu.⁽¹²⁾

③ Đền Quan Công ở huyện Tuy Lý, tỉnh Bình Thuận.⁽¹³⁾

3. Một số đền thờ Quan Thánh ở miền Nam

1. Chùa Quan Đế, tục gọi chùa Ông, cất năm 1873 (Quý

⁽⁸⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 551]

⁽⁹⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 548]

⁽¹⁰⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 550]

⁽¹¹⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 549]

⁽¹²⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 548, 549]

⁽¹³⁾ [Ngô Đức Thọ 1993: 550]

Dậu), ở số 1, đường Chùa, sau đổi là số 242 đường Lê Quang Liêm, hiện nay là đình Bình An, số 242 đường Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6. Ông Ngô Văn Chiêu (1878-1932) chào đời trong một mái tranh chung quanh đầy sinh lầy, nằm phía sau chùa này. Trước khi gặp đạo Cao Đài, ông Ngô Văn Chiêu đã ăn chay kỳ, tụng kinh Minh Thánh, lập trang thờ Quan Thánh từ năm 1884 đến 1920.⁽¹⁴⁾

Có tác giả cho biết: “Nhiều đình ở Nam Bộ cũng thờ Quan Thánh Đế Quân, hoặc ở ngay bàn thờ hội đồng ngoại đặt trong chánh điện, hoặc trong ngôi miếu con trên sân đình.”⁽¹⁵⁾

“Hương án thờ Quan Thánh Đế Quân ở đình Nam Bộ luôn có bốn chữ Nho Quan Thánh Đế Quân cùng các đồ tự khí hết sức trang nghiêm. Cũng có nhiều đình thờ cốt tượng của ông bằng thạch cao, đất xộp hay sành sứ, hoặc bằng tranh vẽ lộng kiếng.”⁽¹⁶⁾

Chân dung Quan Công là hình ảnh một người mặt đỏ, năm chòm râu dài, mặc triều phục. Phía sau hai người đứng hầu: con nuôi là Quan Bình cầm ấn Hán Thọ Đình Hầu của Quan Công; tùy tướng Châu Thương cầm đao Thanh Long, vũ khí lừng danh của Quan Công.

Vào đầu thế kỷ 20, ở miền Nam, có lẽ đã xảy ra hiện tượng thờ cúng Quan Thánh quá chú trọng hình thức, gây tốn kém và lãng phí, cho nên trong tháng 10-1907 trên báo *Lục Tỉnh Tân Văn* có bài báo vận động đồng bào chế cải tập tục thờ cúng Quan Thánh. Tác giả là Nguyễn Viên Kiều

⁽¹⁴⁾ [Huệ Khải 2012b: 8, 17]

⁽¹⁵⁾ [Huỳnh Ngọc Trảng 1993: 74]

⁽¹⁶⁾ [Huỳnh Ngọc Trảng 1993: 75]

(1872-1944), bút danh Lão Ngạc (con sấu già) và Nguơn Tiên, là người An Trường (Càng Long, Trà Vinh).

Ông Kiều hoạt động đắc lực cho Nam Kỳ Minh Tân Công Nghệ Xã. Ông còn được gọi là Quan Kiều vì giữ chức hương quan, coi về nghi thức quan hôn tang tế trong làng. Ông Kiều dù viết bài báo đó, nhưng vẫn là người rất ngưỡng mộ tiết tháo của Quan Công, từng có bài thơ ca tụng như sau:

*Từ ta treo ấn kiếm chàng Trương
Phò chị tìm anh thắng một đường
Dậy tiếng năm thành quân táng đờm
Day đao sáu tướng mạng sa trường
On riêng com Ngụy lòng mong trả
Tình nặng nhà Lưu dạ tạc xương
Mài đẽo dễ sòn gan sắt đá
Trời cao đất rộng rõ cang thường.⁽¹⁷⁾*

4. Lễ Quan Thánh tại một số đình ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định

Những chi tiết về ngày lễ ở các đình, tên và địa chỉ các đình trình bày lại trong phần này, đều mượn trong [Huỳnh Ngọc Trảng 1993: 217-253]. Tuy nhiên, sự phân nhóm các đình tùy theo tập quán tổ chức ngày lễ kỷ niệm Quan Thánh, cũng như các nhận định về sự thiếu nhất quán giữa các đình ấy, là ý kiến riêng của chúng tôi.

Ngày lễ Quan Thánh ở Trung Quốc là rằm tháng 02 âm lịch, và 13 tháng 5 âm lịch.⁽¹⁸⁾

Theo [Huỳnh Ngọc Trảng 1993], ở Việt Nam, các hội

⁽¹⁷⁾ [Sơn Nam 1971: 204, 205]

⁽¹⁸⁾ [Werner 1969: 229]

đình có thờ Quan Thánh Đệ Quân đều tổ chức lễ vía (sinh nhật) vào ngày 13 tháng Giêng âm lịch.

Theo [Ngoại truyện I, 1993: 14] Quan Vũ sinh ngày 19 tháng 7 âm lịch.

Lễ kỷ niệm ngày Quan Vũ quy thiên tổ chức vào ngày 24 tháng 6 âm lịch. Thí dụ:

- Đình Nghĩa Hòa (chùa Dọn Bàn, chùa Ông), số 124, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1.

- Đình Nghĩa Nhuận (chùa Nghĩa Nhuận, chùa Quan Thánh), số 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5.

- Một số đình chỉ kỷ niệm sinh nhật. Thí dụ:

- Đình Lý Nhơn (đình Nam Tiến), số 170/4, Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4.

- Đình An Hội (miếu Võ), tổ 34, phường 12, quận Gò Vấp.

- Một số đình chỉ kỷ niệm ngày quy thiên. Thí dụ:

- Đình Bình An, số 242, đường Trần Văn Kiêu, phường 3, quận 6.

- Đình Hòa Thạnh, số 378, hương lộ 14, phường 19, quận Tân Bình.

- Đình Tân Hòa Tây (đình Hòa Tây), tổ dân phố 3, phường 20, quận Tân Bình.

- Một số đình cũng tổ chức lễ ngày 13 tháng 5 âm lịch như Trung Quốc, nhưng lại không nhất quán với nhau đây là ngày gì trong đời Quan Vũ. Thí dụ:

- Đình Nghĩa Nhuận (chùa Nghĩa Nhuận, chùa Quan Thánh), số 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5.

Ngày này được coi là lễ vía (sinh nhật) Quan Bình, con nuôi Quan Vũ.

- Đình Minh Phụng, số 80, đường Hùng Vương, quận 11. Ngày này được coi là lễ vía (sinh nhật) Quan Công.

- Đình Cây Sọ, ấp Cây Sọ, xã Đông Hưng Thuận, huyện Hóc Môn. Ngày này cũng được coi là lễ vía (sinh nhật) Quan Công.

Kinh Quan Đế Minh Thánh cho rằng ngày 13 tháng 5 âm lịch là “vía Thái Tử” tức là Quan Bình.⁽¹⁹⁾ Minh Thánh Kinh cho ngày này là “vía Quan Thánh giáng trần và Thái Tử”.⁽²⁰⁾

• Một số đình chọn thêm những ngày khác, và cách hiểu những ngày này cũng rất khác nhau. Thí dụ:

- Đình Linh Phước, số 852, bên Nguyễn Duy, phường 12, quận 8. Tổ chức lễ vía (sinh nhật) Quan Công vào ngày 29 tháng 3 âm lịch.

- Đình Đông Phú (đình Bình Đông Phú Hội), số 60, Bến Phú Định, phường 16, quận 8. Tổ chức kỷ niệm Quan Vũ nhậm chức (?) vào ngày 11 tháng 5 âm lịch.

- Đình Phong Phú, số 46, đường Phong Phú, phường 12, quận 8. Tổ chức lễ vía (sinh nhật) Quan Công vào ngày 20 tháng 6 âm lịch.

- Đình Hiệp Ân, số 1293, đường Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8. Tổ chức lễ vía (sinh nhật) Quan Công vào ngày 10 tháng 7 âm lịch.

- Đình Nghĩa Nhuận (chùa Nghĩa Nhuận, chùa Quan

⁽¹⁹⁾ [Minh Thánh knxb: 1]

⁽²⁰⁾ [Minh Thánh 1964: 40]

Thánh), số 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5. Tổ chức lễ vía Châu Thương, tùy tướng của Quan Vũ, vào ngày 30 tháng 10 âm lịch.

Nói thêm:

[Minh Thánh knxb: 1] cũng cho rằng ngày 30 tháng 10 âm lịch là vía Châu Thương. Quyển kinh này còn ghi ngày 23 tháng 6 âm lịch là vía Linh Quan, và ngày 23 tháng 11 âm lịch là vía Trương Tiên.⁽²¹⁾

[Minh Thánh 1964: 40] cũng ghi như [Minh Thánh knxb] nhưng không nói gì đến ngày 23 tháng 6 âm lịch.

[Quan Đế knxb: 52] liệt kê năm ngày “bảo đàn” [sinh nhật] nhưng không nói rõ là để kỷ niệm ai. Năm ngày đó là: ngày 13 tháng 5; ngày 24 tháng 6; ngày 27 tháng 6; ngày 30 tháng 10; và ngày 23 tháng 11.

5. Lễ Quan Thánh trong đạo Cao Đài

Khác với các đình miếu trong dân gian, từ Trung Quốc qua Việt Nam, vốn thường cúng mặn (cúng thịt động vật), đạo Cao Đài cúng Đức Quan Thánh luôn luôn là cúng chay, gồm hương, hoa, quả, rượu, trà, nước lã.

Đạo Cao Đài kỷ niệm Đức Quan Thánh ngày 24 tháng 6 âm lịch; thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà⁽²²⁾ tổ chức lễ

⁽²¹⁾ Về Linh Quan (Vương Thiên Quân) và Trương Tiên, xem “Tranh Tượng Quan Thánh”, tr. 72, 76.

⁽²²⁾ Ngọc Điện Huỳnh Hà cất năm 1934, năm 1947 bị giặc Pháp đốt rụi. Năm 1956, một tín đồ là ông Huỳnh Văn Phương (sau làm chánh hội trưởng) hiến nhà riêng để tái thiết thành thánh tịnh trên nền đất ở phường An Khánh. Ngọc Điện Huỳnh Hà nằm trong số một trăm lễ tám thánh tịnh của Hội Thánh Cao

trọng thể vào ngày này.

Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên có bài kinh xưng tán Đức Quan Thánh như sau:

1. *Cúi cầu Quan Thánh Đế Quân*
Thần oai văn võ điển ân dồi dào
Khắp miền âm phủ Thiên Tào
Tam tài, Tam Giáo phú trao quyền hành
5. *Xét soi tam giới chúng sanh*
Trừ gian khử bạo, giúp lành cứu nguy
Văn xoay Phổ Độ Tam Kỳ
Thánh ban chương quản chỉ huy mỗi giềng
Giúp Thầy mở Đạo Nam thiên
10. *Cha lành, con thảo, vợ hiền, tôi ngay*
Mình Kinh Vĩnh Mạng chỉ bày
Đêm đêm dầu dốt, ngày ngày chăm nom
Thế gian khác thể trời hôm
Cậy vừng mình nguyệt, nhờ chòm đầu tinh
15. *Tuần hoàn khảo sát U Minh*
Thường thiện phạt ác, siêu sinh cứu nần
Chúng tôi bề khổ mệnh mang
Cậy Thanh Long kiếm dẹp đảng mê tân
Cúi cầu Quan Thánh Đế Quân
20. *Thần oai văn võ điển ân dồi dào.*

Bài kinh này cho thấy đạo Cao Đài chấp nhận một số những truyền thuyết về Quan Thánh trong lịch sử. Thí dụ:

- Câu 2: Nhắc đến Quan Vũ văn võ song toàn.

Đài Tiên Thiên. Hiện nay thánh tịnh dời về phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TpHCM.

Về văn, Ngài thường đọc kinh Xuân Thu, từ nhỏ đã đọc các sách của Khổng Tử và Mạnh Tử. Kinh Minh Thánh: “*Ngô tổ lâm Xuân Thu, ấu quan Khổng, Mạnh.*”

Về võ, Ngài vốn là anh hùng thời Tam Quốc (xem *Kỷ Tích Quan Vũ*, tr. 25).

- Câu 3-4: Nhắc sự tích Ngài là Phong Đô Đại Đế, cai quản cõi U Minh; cũng là Tam Thiên Môn Đại Nguyên Soái cai quản ba cửa trời phía đông, nam, và tây (xem *Tôn Thánh Tôn Hiệu*, tr. 43).

- Câu 3, 4, và 5 phù hợp với kinh Minh Thánh:

Quyền thống chương Tam Giáo: Nho, Thích, Đạo,
Nắm trong tay tam tài: trời, đất, người.
Trên coi khắp ba mươi sáu cõi trời, tinh tú các sao,
Dưới quản bảy mươi hai quả đất, u minh âm phủ.
(...) Khảo sát chư Phật, chư Thần,
Soi xét quần Tiên, quần chức.⁽²³⁾

- Câu 4, 7, và 9: Nhắc đến phẩm vị mới của Quan Thánh Đế Quân, là Hiệp Thiên Đại Đế khi mở đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) ở Việt Nam.

- Câu 6, và 16: Có lẽ nhắc đến tôn hiệu Phục Ma Đại Đế hay Đại Thánh Phục Ma Đấng Khẩu Cứu Khổ Cứu Nạn

⁽²³⁾ *Chương Nho, Thích, Đạo, Tam Giáo chi quyền, / Quản thiên, địa, nhân, tam tài chi bính. / Thượng tư tam thập lục thiên, tinh thần văn hán, / Hạ hạt thất thập nhị địa, minh lũy u phong. / (...) Khảo sát chư Phật, chư Thần, / Giám chế quần Tiên, quần chức. 掌儒釋道三教之權 / 管天地人三才之柄 / 上司三十六天星 辰雲漢 / 下轄七十二地冥壘幽艷 / (...) 考察諸佛諸神 / 監制群仙群職.*

Đại Thiên Tôn của Quan Thánh (xem *Tôn Thánh Tôn Hiệu*, tr. 49).

- Câu 11: Nhắc đến kinh Minh Thánh, còn gọi kinh Ông, tương truyền do Quan Thánh ban cho ở Trung Quốc, vào đời Thanh, với nội dung vừa thuật lại sự tích Quan Thánh, vừa có mục đích khuyến thiện (khuyến mọi người làm lành lánh dữ, giữ trọn đạo làm người).

- Câu 15-16: Nhắc đến sự tích sau khi Ngài lìa trần, theo kinh Minh Thánh, Ngài được Thượng Đế sắc phong là Phong Đô Đại Đế, có nhiệm vụ giáo hóa các âm hồn cõi U Minh (xem *Tôn Thánh Tôn Hiệu*, tr. 49).

- Câu 17-18: Ý nói chúng sinh sống trong biển khổ; còn ở bên bờ mê muội vì vô minh (mê tâm), họ cần đến oai thần của Quan Thánh, dùng trí huệ làm huệ đao sắc bén như đao Thanh Long (xem *Kỳ Tích Quan Vũ*, đoạn qua năm ải chém sáu tướng, tr. 30) để đoạn lìa những ràng buộc của thân xác và lục dục.

Huỳnh Tịnh Paulus Của giải thích: “*Ăn vía: ăn mùng ngày sinh; Ngày vía: ngày sinh; Mùng chín vía Trời, mùng mười vía Đất: ngày mùng chín mùng mười tháng Giêng, thói tục hay cúng Trời cúng Đất, hiểu là ngày Trời Đất sinh.*”⁽²⁴⁾

Trong việc cúng Đức Quan Thánh, tín đồ Cao Đài hình như không phân biệt đâu là ngày sinh, ngày quy thiên, nên vẫn quen gọi đây là “ngày vía”, mặc dù vía nghĩa là ngày sinh. Phần lớn các đình ở miền Nam cũng quen gọi “vía sanh” (sinh nhật) và “vía tử” (ngày giỗ).⁽²⁵⁾

⁽²⁴⁾ [Huỳnh Tịnh Paulus Của 1896, 551], mục từ *Vía*.

⁽²⁵⁾ [Huỳnh Ngọc Trảng 1993: 217-253]



10. QUAN THÁNH VỚI TÌNH YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT

“Việc thờ phượng ông Quan Công, thờ Phật, việc tin tưởng vào chư Tiên, chư Thánh đã có sẵn từ lâu ở miền Nam...”⁽¹⁾. Do đó, ảnh hưởng của Quan Thánh đối với người miền Nam có lẽ khá quan trọng: *“Quan Vân Trường [Quan Công] hiện thân của ‘trung cang nghĩa khí’, ‘trung nghĩa thiên thu’ đã ăn sâu vào tâm lý mọi người, qua nhiều tuồng hát bội ‘hàng Hồn bắt hàng Tào’, không phản bội, giữ lời thề đào viên kết nghĩa.”*⁽²⁾

Quan Thánh được hiểu như một biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bần cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí, trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng...

Những đức tính đó có tác dụng không nhỏ đối với những người nuôi chí lớn, muốn tự nghĩa để trừ gian, diệt giặc, cứu khốn phò nguy, cứu vớt giang san giữa cơn ly loạn...

Thờ Quan Thánh hiểu cho sâu xa không phải chỉ là sùng bái cá nhân Quan Vũ thời Tam Quốc. *“Nét nổi bật là thờ Quan Công để nhắc nhở việc kết nghĩa, hoạn nạn giúp nhau...”*⁽³⁾

Trong miền Nam, nếu đã có trường hợp vì địa phương không có đình làng, người dân sở tại phải quyền biến, *“lắm*

khí, tạm xem đền thờ Quan Công là đình làng”.⁽⁴⁾

Cũng vậy, khi muốn tránh sự trả thù, đàn áp của thực dân Pháp, người dân vẫn thấy không có gì lấn cấn, băn khoăn trong đời sống tâm linh nên sẵn sàng dựng miếu thờ liệt sĩ chống Pháp qua tấm bình phong là nơi thờ Quan Thánh.

Về hiện tượng này, Sơn Nam cho biết một thí dụ tiêu biểu, đó là *“bốn vị anh hùng chống Pháp ở Cai Lậy (ông Thận, Long, Đức, Rộng) sống mãi trong lòng dân địa phương. Để thực dân không bắt bẻ, gọi chùa Ông (Quan Công) nhưng bài vị bên trong ghi Tứ Vị Thần Hồn”*.⁽⁵⁾

Từ đó, có thể suy luận thêm rằng không phải tự nhiên mà một số nhà ái quốc Việt Nam thời xưa, khi muốn quy tụ đồng bào chống Pháp, đã ít nhiều vận dụng hình tượng Quan Thánh, muốn thỏa mãn phần nào tâm lý quần chúng, nhất là giới bình dân, vốn không phù hợp những lý luận trừu tượng, mà thông thường vẫn có xu hướng dễ chấp nhận những hình ảnh cụ thể, quen thuộc.

Chí sĩ Nguyễn An Ninh (1900-1943) có thể là một thí dụ. Ông là con chí sĩ Nguyễn An Khương, cháu Nguyễn An Cư, quê ở Quán Tre, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Học ở Sài Gòn, qua Pháp du học, hai mươi một tuổi (1921) đậu cử nhân luật. Khoảng đầu năm 1927 lại sang Pháp lần nữa học tiếp để thi lấy tiến sĩ luật.⁽⁶⁾

Ngoài nền học vấn phương Tây phong phú như vậy, ông

⁽⁴⁾ [Sơn Nam 1992: 47-48]

⁽⁵⁾ [Sơn Nam 1993: 197]

⁽⁶⁾ Ông bị thực dân Pháp kết án tù vì “tội hội kín Nguyễn An Ninh”, chết trong ngục tù Côn Đảo.

⁽¹⁾ [Sơn Nam 1971: 45]

⁽²⁾ [Sơn Nam 1993: 100]

⁽³⁾ [Sơn Nam 1993: 116]

lại “có sẵn một căn bản về triết học Đông phương vững chắc, am hiểu đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng”.⁽⁷⁾ Chắc rằng ông cũng hiểu tâm lý quần chúng, cho nên ngoài những cuộc diễn thuyết ở Hội Khuyến Học Nam Kỳ (Sài Gòn), ngoài làm báo *La Cloche fêlée* (Cái chuông rền), ngoài việc viết sách *Tôn Giáo, Trung Nữ Vương*, hay dịch *Dân Ước* (trích sách *Contrat Social* của Jean-Jacques Rousseau), v.v... nhằm hô hào, vận động quần chúng yêu nước chống lại xiềng xích thực dân, nhà ái quốc này đã tìm phương thức tạo ra cho mình một sự gần gũi, đồng cảm ở đồng bào, bằng cách “thờ Quan Công, tụng kinh gõ mõ; hình ảnh của người trí thức trở về nguồn để tìm sinh lực”.

Có thể ông đã thành công trong một chừng mức nhất định, vì lẽ “nhiều người tuy không hiểu rành chánh kiến của ông (...) nhưng vẫn mến mộ ông, xem ông như vị thánh sống”.⁽⁸⁾

Sơn Nam viết: “Nguyễn An Ninh, chiến sĩ yêu nước nhiệt thành không thể làm ngơ trước ảnh hưởng của tôn giáo, ông dùng chuông mõ, tượng Quan Công trưng bày trong nhà...”⁽⁹⁾

Một thí dụ khác là đạo Minh Sư. Ra đời ở Trung Quốc, Minh Sư là một tông phái thờ Tam Giáo, nhưng trọng về Lão, sử dụng cơ bút, tu đơn (nội đơn, thiển của đạo Lão).

Năm 1863, đời vua Tự Đức, tổ thứ mười lăm của Minh Sư là Đông Sơ rời Trung Quốc sang Việt Nam lập ngôi chùa mang tên Quảng Tế Phật Đường 廣濟佛堂 ở tỉnh Hà

⁽⁷⁾ [Sơn Nam 1992a: 159]

⁽⁸⁾ [Sơn Nam 1992a: 161]

⁽⁹⁾ [Sơn Nam 1993: 205]

Tiên. Công quả xây chùa có ông Ngô Cẩm Tuyền, sau tu lên phẩm đại lão sư (pháp danh Ngô Đạo Chương). Năm 1905, ông Ngô lập Ngọc Hoàng Điện ở Đa Kao. Vì thiếu tiền, ông phải nhượng lại ngôi chùa còn dang dở.⁽¹⁰⁾

Khi truyền sang Việt Nam, Minh Sư rất có tiếng ở miền Trung và miền Nam. Ngoài Trung, tại Tam Quan, tỉnh Bình Định có chí sĩ Trần Cao Vân (1866-1916), chính là một đạo sĩ Minh Sư.

Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, còn có tên khác là Trần Cao Đệ, biệt hiệu Hồng Việt, bí danh Chánh Minh, biệt danh là Bạch Sĩ. Ông người làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1916 ông cùng Thái Phiên và Vua Duy Tân⁽¹¹⁾ âm mưu khởi nghĩa kháng Pháp. Việc lớn thất bại, Vua bị đày ra đảo Réunion ở Ấn Độ Dương, còn Trần Cao Vân bị chém.⁽¹²⁾

Đặc điểm của nhà ái quốc họ Trần là mọi hoạt động tuyên truyền, đi lại các nơi để chiêu tập nghĩa binh, thu phục nhân tâm... đều che giấu dưới hình ảnh một đạo sĩ kiêm thầy phong thủy.⁽¹³⁾

Chùa của Minh Sư gọi là Phật Đường. Rất nhiều Phật Đường của Minh Sư là căn cứ bí mật của nghĩa quân chống

⁽¹⁰⁾ Năm 1982 chùa đổi tên là Phước Hải Tự, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nay ở số 73 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TpHCM.

⁽¹¹⁾ Là con Vua Thành Thái, Nguyễn Phước Vĩnh San (sinh năm 1900) tại vị chín năm (1907-1916). Cựu hoàng mất vì tai nạn máy bay ở Cộng Hòa Trung Phi (1945).

⁽¹²⁾ <http://www.xuquang.com/dialinhnkd/danhnhnhan/trancaovan>

⁽¹³⁾ [Huệ Khải 2012a, 12]

Pháp. Tu theo Minh Sư mặc đạo phục đen, giữ trường trai tuyệt dục. Phái nam có Tam Thừa Cửu Phẩm,⁽¹⁴⁾ Phái nữ chỉ tu đến phẩm thứ bảy, ngang phẩm Bảo Ân của phái nam.

Trong nhiều báo cáo, phức trình của thực dân Pháp hay nhắc tới “đạo Phật Đường”, vì đây là đối tượng mật thám Pháp rất lưu tâm theo dõi. “Đạo Phật Đường” chính là đạo Minh Sư.

Có lẽ để tránh tai mắt của thực dân Pháp, để không bị cản trở việc tu hành, một cao đồ của Minh Sư là Thái Lão Sư Lê Đạo Long⁽¹⁵⁾ khi về quê nhà (làng Long An, quận

⁽¹⁴⁾ Nhứt Thừa 一乘 gồm ba phẩm (cấp, bậc): *Nhứt Bộ* 一步, *Nhị Bộ* 二步, *Tam Bộ* 三步. Nhị Thừa 二乘 gồm bốn phẩm: *Thiên Ân* 天恩, *Chứng Ân* 證恩 (đạo hiệu lót chữ *Minh* 明), *Dẫn Ân* 引恩 (đạo hiệu lót chữ *Xương* 昌), và *Bảo Ân* 保恩 (đạo hiệu lót chữ *Vĩnh* 永). Tam Thừa 三乘 gồm hai phẩm: *Đảnh Hàng* 頂航 hay *Lão Sư* 老師 (đạo hiệu lót chữ *Vận* 運) và *Thập Địa* 十地 hay *Đại Lão Sư* 大老師 (đạo hiệu lót chữ *Đạo* 道). Các Lão Sư và Đại Lão Sư công cử một vị làm chương môn, gọi là *Thái Lão Sư* 太老師.

⁽¹⁵⁾ Ông Lê Văn Tiêng sinh ngày 23-10 Quý Mão (14-12-1843) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Năm ba mươi bốn tuổi (Bính Tý 1876), ông được Ngài Di Minh Tử (thể danh Ngô Đạo Chánh) thân nhận làm môn đồ của đạo Minh Sư. Khoảng đầu thập niên 1900, ông tu đến phẩm Đại Lão Sư, đạo danh là *Lê Đạo Long* (Long 隆 nghĩa là to tát, hưng thịnh, dày dặn). Sau đó, ông được sư phụ cho phép trở về quê nhà, tùy cơ duyên thân nhận đệ tử. Năm Mậu Thân (1908), trên mảnh đất nhà rộng trên 9.600 thước vuông, Thái Lão Sư Lê Đạo Long

Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn) lập chùa, đã đặt tên là Vĩnh Nguyên Tự, gọi môn phái của Ngài là Minh Đường. Phái chẳng Minh Đường là nói tắt của Minh Sư Phật Đường 明師佛堂?

Theo Sơn Nam, vào đầu những năm 80 của thế kỷ 19, ở Trà Ngao (giáp ranh với Cần Thơ) đạo Minh Sư rất thịnh. Một ngôi chùa ở Trà Ngao “*về danh nghĩa công khai thì thờ ông Quan Đế nhưng bên trong là chùa của đạo Minh Sư.*”⁽¹⁶⁾

Một số tranh thờ Quan Thánh thường viết phía trên bốn chữ Hán *Trung Nghĩa Thiên Thu* 忠義千秋. Việc kết hợp tín ngưỡng Quan Thánh với tình yêu nước của người Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử đã qua, phải chăng là muốn mượn hình ảnh Quan Thánh thay cho các khẩu hiệu trung nghĩa, để khỏi quá lộ liễu, vừa che mắt kẻ thù ngoại xâm, mà còn ngầm nhắc nhở, khuyên nhau rằng trong cùng tổ chức phải giữ lòng trung nghĩa để mưu đồ việc lớn của nước nhà, giải thoát dân tộc khỏi ách thống trị của ngoại xâm.

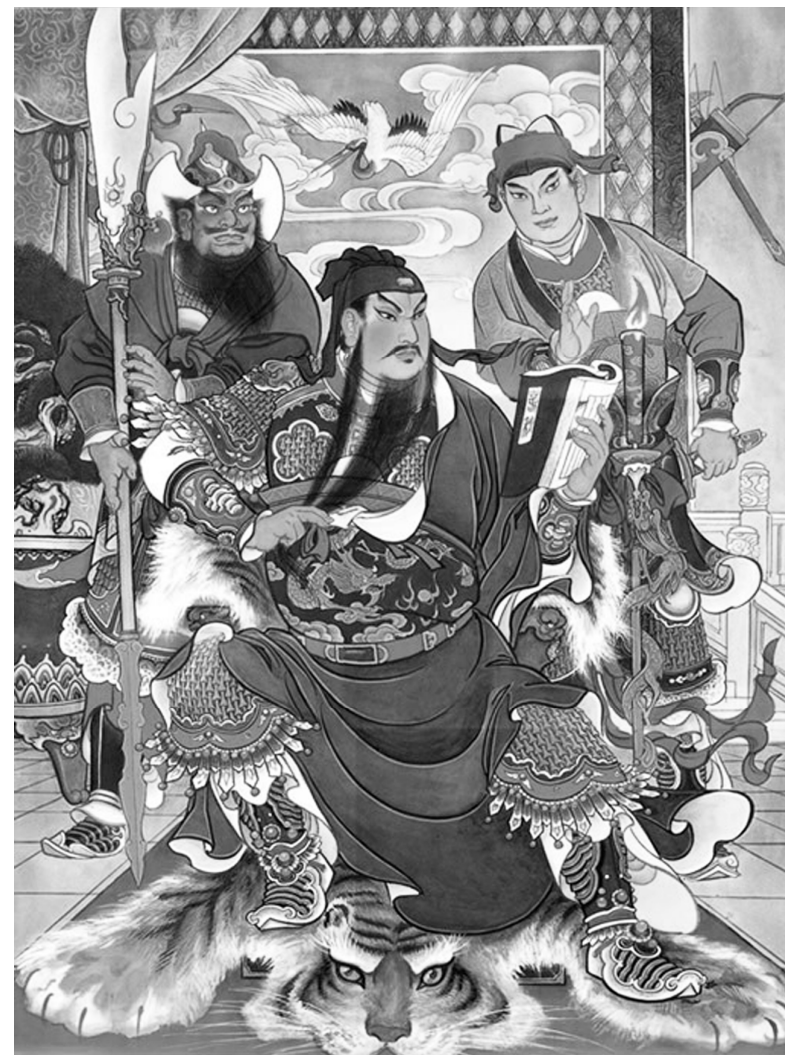
Cũng vậy, thờ Quan Thánh hồi đầu thế kỷ 20 còn gắn liền với đọc kinh Minh Thánh. Trong kinh dạy nhiều về

tạo tác ngôi Vĩnh Nguyên Tự bằng cây, lợp ngói âm dương. Khoảnh ruộng 2,4 mẫu trước mặt chùa là nguồn huê lợi giúp chùa tự túc. Mùng 3 tháng Chạp Quý Sửu (29-12-1913), sau khi công phu giờ Mẹo xong, lúc 6 giờ sáng tại chánh điện, Thái Lão Sư hội các môn đệ và thân tộc lại, dặn dò phải tổ chức đơn giản việc an chung của Ngài. Lúc 7 giờ sáng, Ngài tịnh tọa tại chánh điện và thoát xác. Năm 1926 Vĩnh Nguyên Tự và môn sanh Minh Đường quy hiệp Cao Đài.

⁽¹⁶⁾ [Sơn Nam 1992a: 130]

trung hiếu, liêm tiết (là những giá trị đạo đức cơ bản của con người đối với gia đình, xã hội, nước non). Trong thời còn bị thuộc Pháp, khi tụng kinh Minh Thánh hàng ngày để thấm nhuần những tư tưởng đó, có thể coi là một cách răn mình trước mỗi vinh hoa, bả phú quý mà thực dân và tay sai đem ra câu nhử.

Suy rộng như trên, có thể nghĩ rằng, trong tâm lý người Việt, Quan Thánh với hoàn cảnh như thế có lẽ không còn là hình ảnh một ông tướng nhà Hán cách xa mười mấy thế kỷ; trái lại Quan Thánh trở thành một biểu tượng của trung nghĩa đối với quần chúng bình dân giữa thời nước mất nhà tan. Phải chăng, bằng cách này, người Việt Nam mặc nhiên đã Việt Nam hóa Quan Thánh?



11. HỘI NHỮNG NGƯỜI CÙNG HỌ QUAN

Hiện nay, trong các cộng đồng người Hoa ở một số nước, nhất là châu Á, có lập một hội mang tên *Quan Thị Công Hội Đồng Nhân*,⁽¹⁾ quy tụ những người cùng họ Quan, và những người này rất tự hào được là hậu duệ của Quan Vũ. Một người họ Quan khi đi sang một nước khác, chân ướt chân ráo, có thể sẽ được Hội này (nếu có thành lập ở nước đó) giúp đỡ. Hội những người cùng họ Quan đương nhiên quan tâm tới những sinh hoạt liên quan tới những truyền thuyết và truyền thống tín ngưỡng về Quan Thánh.

Chẳng hạn, Hội này khuyến khích những người mang họ Quan hãy về thăm miếu Quan Thánh ở Vận Thành 運城 (xưa là Giải Huyện), tỉnh Sơn Tây, quê hương của Quan Vũ. Đối với những người cùng họ Quan, thánh miếu ở Vận Thành mới là miếu đầu tiên lập nên để thờ Quan Thánh, cho nên mỗi người mang họ Quan trong đời ít ra phải có một lần về đó chiêm bái, cũng như người đạo Islam hành hương về Mecca.

Hội hay nhắc rất nhiều các kỳ tích, chiến công... của Quan Vũ trong Tam Quốc Chí, và từng viết: *Hễ là cùng thân tộc họ Quan, chúng ta ai mà không hãnh diện về dòng họ của mình. Tổ tiên chúng ta là một bậc anh hùng cái thế, lúc còn sống đã có biết bao kỳ tích...*

⁽¹⁾ 關氏公會同人

Hội cũng muốn gắn liền tín ngưỡng Quan Thánh với truyền thống đạo Khổng, muốn thông qua đạo Khổng mà tìm phương thức hoằng dương phong cách siêu phàm cùng các thần tích anh hùng của Quan Công. Chẳng hạn, Hội cho rằng:

- Từ xưa đến nay Trung Quốc chỉ có hai vị Thánh Nhân: Thánh văn là Đức Khổng Tử; Thánh võ là Đức Quan Thánh.

- Cả hai đều được đời tôn kính sùng bái là thần minh, có khi do triều đình sai lập đền miếu, có khi do dân gian tự ý hiệp nhau xây dựng.

- Nơi gìn giữ di thể của hai vị phải tương xứng và thích đáng. Ở Khúc Phụ, Sơn Đông, có Khổng Lâm để mai táng Khổng Tử; thì ở Lạc Dương, Hà Nam, nơi mai táng Quan Vũ cũng gọi là Quan Lâm.⁽²⁾

- Đã có một nền văn hóa của Thánh văn Khổng Tử, gọi là *Khổng Tử văn hóa* thì cũng có một nền văn hóa của Thánh võ Quan Công, gọi là *Quan Công văn hóa*.

- Nên hiệp nhau lập một học hội để nghiên cứu bộ tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung.

- V.v...

⁽²⁾ Khổng Lâm 孔林; Quan Lâm 關林.

TU HỌC THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC QUAN THÁNH

Những trang chữ và hình ảnh trên đây thật ra chỉ mới trình bày được một số góc cạnh về Quan Thánh *xưa*, từ một Quan Vũ trong sử sách và tiểu thuyết hư cấu, cho đến một Quan Đế trong huyền thoại và tín ngưỡng... Dẫu sao, đó là một Quan Thánh vẫn còn mang ít nhiều màu sắc lịch sử của dân tộc này hay dân tộc khác.

Muốn tìm hiểu một Quan Thánh *nay* – một Quan Thánh vĩnh hằng trong đạo lý muôn thuở muôn phương – chúng ta tìm đến nguồn thánh giáo phong phú của Cao Đài.

Từ buổi khai Đạo, Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, thay mặt cho đạo Nho trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã giảng lâm rất nhiều trên ngọn linh cơ để ban truyền chánh pháp cứu độ của Kỳ Ba đại ân xá. Các Hội Thánh Cao Đài đã xuất bản một số quyển kinh trong đó có nhiều thánh ngôn, thánh giáo của Đức Cối Thiên Cổ Phật.

Trong phần tiếp theo đây, tôi trích lục tám bài thánh giáo của Đức Quan Thánh đã được bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam tiếp nhận từ tháng 02-1965 tới tháng 01-1975. Những chú thích kèm theo là để chúng ta cùng chia sẻ với nhau đôi điều trên đường dài tu học.

HUỆ KHẢI
Tháng 9-2012

1. ĐỨC HY SINH

Thánh thất Tân Định, Tuất thời, 03-01 Ất Ty (04-02-1965)

THI

CHÂU LỖ ⁽¹⁾ còn roi ⁽²⁾ bực trí tài
XƯƠNG minh ⁽³⁾ chánh giáo cỗi trần ai ⁽⁴⁾
TIỂU thừa muốn vượt lên trung, thượng ⁽⁵⁾
THÁNH triết ⁽⁶⁾ kinh luân ⁽⁷⁾ cố sức mài. ⁽⁸⁾

-
- ⁽¹⁾ *Châu Lỗ*: Xem *Phụ Chú* cuối bài thánh giáo này.
⁽²⁾ *Roi (roi dẫu)*: Noi theo, bắt chước theo (*to follow*).
⁽³⁾ *Xương minh* 昌明: Làm cho sáng tỏ nghĩa lý để mọi người thấu hiểu.
⁽⁴⁾ *Trần ai* 塵埃: Trần gian, cỗi trần, cỗi bụi bặm, hồng trần, cỗi bụi hồng (*the dusty world*). *Trần* và *ai* cùng nghĩa là bụi bặm (*dust*).
⁽⁵⁾ *Tam thừa* 三乘: Gồm ba bậc tu như sau: ① *Tiểu thừa* 小乘 hay *hạ thừa* 下乘 là bậc tu hành cho bản thân, giữ gìn quy giới chặt chẽ để sống đúng luân lý, đạo đức. ② *Trung thừa* 中乘 là bậc tu hành biết cố gắng đem đạo lý vào đời, giúp cho người khác cũng biết tu học, hành đạo như mình. ③ *Thượng thừa* 上乘 hay *đại thừa* 大乘 là bậc tu thực hành tâm pháp (thiền, tịnh luyện) để giải thoát luân hồi sinh tử. Như vậy tam thừa bao gồm cả hai phương diện tu hành là thế đạo và thiên đạo.
⁽⁶⁾ *Thánh triết* 聖哲: Hiền thánh, người hiền đức (*sage*).
⁽⁷⁾ *Kinh luân* 經綸: Tài quản trị, cai trị đất nước (*statecraft, statesmanship*).

Tiểu Thánh vâng lệnh cấp báo⁽⁹⁾ đàn tiền.⁽¹⁰⁾ Chư liệt vị thành tâm tiếp Đế Quân ngự bút.⁽¹¹⁾ Tiểu Thánh chào chung tất cả trung đàn.⁽¹²⁾ Lui.

THI

CÁI thể⁽¹³⁾ nhơn gian⁽¹⁴⁾ định miếu từ⁽¹⁵⁾

THIÊN Tào⁽¹⁶⁾ xích diện⁽¹⁷⁾ chiếu Thiên thư⁽¹⁸⁾

⁽⁸⁾ *Thánh triết kinh luân cổ sức mài*: Cổ gắng rèn luyện tài trị nước như các bậc thánh hiền thuở xưa.

⁽⁹⁾ *Cấp báo* 急報: Gấp rút, vội vàng báo tin (*to hurry to inform*).

⁽¹⁰⁾ *Đàn tiền* 壇前: Ở trước đàn cầu cơ.

⁽¹¹⁾ *Ngự bút* 御筆: Giáng cơ dạy đạo. (Chữ *Ngự* dùng khi liên quan đến Thượng Đế, Đế Quân, vua chúa.)

⁽¹²⁾ *Trung đàn* 中壇: Ở trong đàn cầu cơ (*at the spirit evoking séance*).

⁽¹³⁾ *Cái thể* 蓋世: ① Bao trùm thế gian. ② Vô địch, vô song, trên đời không ai sánh bằng, có một không hai (*unrivalled, matchless, peerless*).

⁽¹⁴⁾ *Nhơn gian* 人間: Cõi người ta (*the human world*).

⁽¹⁵⁾ *Cái thể nhơn gian định miếu từ* 蓋世人間定廟祠: Người đời lập ra đền thờ, miếu mạo để thờ Quan Công là đấng anh hùng, đạo đức có một không hai trong thiên hạ.

⁽¹⁶⁾ *Thiên Tào* 天曹: Thiên Đình 天庭 (*the Heaven Court*)

⁽¹⁷⁾ *Xích diện* 赤面: (Quan Công) mặt đỏ, tượng trưng lòng trung trực, khảng khái.

⁽¹⁸⁾ *Thiên thư* 天書: Sách Trời (*the Heaven book*). *Thiên Tào xích diện chiếu Thiên thư* 天曹赤面照天書: Lòng trung tỏ rạng sách Trời trên Thiên Đình.

CỔ vân⁽¹⁹⁾ bình chúc⁽²⁰⁾ sanh công đức⁽²¹⁾

PHẬT giả tâm hê, tâm Phật cư.⁽²²⁾

Bàn Đạo chào chư⁽²³⁾ Thiên mạng⁽²⁴⁾ lưỡng đài.⁽²⁵⁾
Chào chư nhu,⁽²⁶⁾ chư muội.⁽²⁷⁾ Miễn lễ. An tọa.

⁽¹⁹⁾ *Cổ vân* 古云: Người xưa nói (*as told by ancient sages*).

⁽²⁰⁾ *Bình chúc* 秉燭: Cầm đuốc (*to hold a torch*). Tào Tháo lập kế để cả đêm Quan Công ở cùng phòng với hai chị dâu là bà Cam và bà Mi (vợ Lưu Bị), thâm ý muốn cho Quan Công lỗi đạo với anh, không còn mặt mũi nào trở về với Lưu Bị, đành phải ở lại hẳn với Tào Tháo. Quan Công bèn đốt đuốc cầm suốt đêm để tỏ lòng ngay thẳng. Gần sáng, đuốc tắt, Quan Công dùng đao Thanh Long phá vách nhà trọ để khỏi mang tiếng làm việc khuất lấp.

⁽²¹⁾ *Cổ vân bình chúc sanh công đức* 古云秉燭生功德: Người xưa nói Quan Công cầm đuốc giữ gìn tiết tháo nên có công đức.

⁽²²⁾ *Phật giả tâm hê, tâm Phật cư* 佛者心兮心佛居: Phật là tâm, trong tâm có Phật trú ngụ.

⁽²³⁾ *Chư* 諸: Tiếng chỉ số nhiều. Thí dụ: *chư Phật* (các vị Phật).

⁽²⁴⁾ *Thiên mạng* 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽²⁵⁾ *Lưỡng Đài* 兩臺: Hai Đài, gồm Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

⁽²⁶⁾ *Chư nhu* 諸儒: Các học trò (cách Ôn Trên gọi môn đệ Cao Đài).

⁽²⁷⁾ *Chư muội* 諸妹: Các đạo muội, các hiền muội.

Vâng lệnh Tam Giáo Tòa, Bần Đạo giáng đàn khai xuân thánh thất Tân Định và dạy chư nhu, chư muội điều này:

Đời không thiếu chi bậc tài trí, Đạo chẳng thiếu chi người hiền đức. Chỉ tiếc rằng có đức tài nhưng chưa làm nên bậc vĩ nhân quân tử, có hiền đức nhưng còn thiếu cao tiết thanh liêm.⁽²⁸⁾ Vì thế mà người hành đạo đường như sai lạc tôn chỉ của Đạo.

Chư nhu, chư muội!

Phật là đâu? Tiên, Thánh, Thần cùng những bậc vĩ nhân⁽²⁹⁾ là đâu? Không phải tự trên trời rớt xuống, mà chính là trong nhân gian tự xuất.⁽³⁰⁾ Khả dĩ⁽³¹⁾ được như vậy bởi đức hy sinh, lòng bác ái, đạo công bình.

Những bậc ấy đã nhận xét, biết đâu là nhân nghĩa, đâu là tội lỗi, đâu là phải trái, tự khắc phục⁽³²⁾ lấy lòng mình trước mọi sự vật cám dỗ, mọi đỉnh chung⁽³³⁾ tạm bợ, mọi

⁽²⁸⁾ *Cao tiết thanh liêm* 高節清廉: Tiết tháo cao tốt, lòng trong sạch ngay thẳng (*sublime integrity; the sublime quality of being honest and having strong moral principles*).

⁽²⁹⁾ *Vĩ nhân* 偉人: Người có tài đức và sự nghiệp lớn lao (*great person*).

⁽³⁰⁾ *Nhân gian tự xuất* 人間自出: Từ trong cõi người ta mà ra (*to come from the human world*).

⁽³¹⁾ *Khả dĩ* 可以: Có thể (*can, may, be able to, be possible*).

⁽³²⁾ *Khắc phục* 克服: Chế ngự, vượt qua (*to overcome, to conquer*).

⁽³³⁾ *Đỉnh chung* 鼎鐘: Đỉnh là cái vạc để nấu ăn, chung là chuông. Ngày xưa nhà giàu lớn có rất đông người, phải

tình cảm không đúng chỗ, cương quyết định hướng mà đi đến đích toàn thiện. Dầu cam go khổ cực, nghèo túng, sanh tử vẫn xem là thường, chỉ đặt việc lớn là đạo đức hơn nghĩa lên trên hết. Bởi đó nên ngày nay cùng hậu thế⁽³⁴⁾ mãi mãi tôn sùng, kính trọng.

Còn chư nhu, chư muội ngày nay đã chọn cho mình một con đường sáng sủa, bằng phẳng vinh dự, thì hãy noi gương thánh triết, hiền nhân, hậu⁽³⁵⁾ thực hiện cho kỳ được những lời khuyên dụ của các Đấng Thánh Thần. Nếu mỗi người học mà hành y và hành như nhưt,⁽³⁶⁾ thì thế gian này ai ai cũng có thể trở nên Phật Tiên, Thánh Thần cùng vĩ nhân không khó.

THI

Nhân nghĩa người tu phải thuộc lòng
Công bình, bác ái, phải cho thông
Hy sinh hạn chế lòng ham muốn
Dù dẫn cùng nhau đến đại đồng.

THI

Đại đồng tôn giáo tại trần gian
Khoa hội trường thi đến niết bàn

nấu cơm bằng vạc; tới giờ ăn phải đánh chuông để tập hợp mọi người. *Đỉnh chung*: ① Gia đình quyền thế, giàu có, đông người (*wealthy and powerful family*). ② Cuộc sống sang giàu (*luxurious life*).

⁽³⁴⁾ *Hậu thế* 後世: Đời sau (*later generations*).

⁽³⁵⁾ *Hậu*: Ngõ hầu, để (*in order to*).

⁽³⁶⁾ *Hành y*: Làm y theo đó, không sửa đổi. *Hành như nhưt*: Cùng làm theo một khuôn mẫu, đường lối giống nhau.

Hạnh phúc bởi người tha thiết lập
Mới là tế thể ⁽³⁷⁾ với an bang. ⁽³⁸⁾

THI

An bang là việc của hiền nhân
Tế thể người tu phải gánh phần
Vượt mọi khó khăn nơi cõi tạm
Khó chi ngôi vị Phật, Tiên, Thần.

THI BÀI

Tu đã có lòng nhân chưa đủ
Phải gia công ⁽³⁹⁾ kêu rủ nhân sanh
Sớm mau bỏ dữ về lành
Giác người tội lỗi ⁽⁴⁰⁾ cho thành hiền nhân.
Tu trước tập tỉnh thần bác ái
Chạnh thương người hoán cải ⁽⁴¹⁾ thế gian
Từ trong dục vọng ⁽⁴²⁾ dấy loạn ⁽⁴³⁾
Trở nên bình tĩnh, dịu dàng, thương yêu.
Tu phải tập sớm chiều lập chí

⁽³⁷⁾ *Tế thể 濟世*: Giúp đời, cứu đời (*to help the world*).

⁽³⁸⁾ *An bang 安邦*: Làm cho đất nước an bình (*to pacify a country*).

⁽³⁹⁾ *Gia công 加功*: Thêm sức, ráng sức (*to try hard*).

⁽⁴⁰⁾ *Giác người tội lỗi*: Giúp người tội lỗi giác ngộ, cải tà quy chánh (*to awaken sinful people*).

⁽⁴¹⁾ *Hoán cải 悔改*: Đổi từ xấu thành tốt (*to make better*).

⁽⁴²⁾ *Dục vọng 欲望*: Ham muốn, khao khát (*desire, longing, craving*).

⁽⁴³⁾ *Dấy loạn (loạn)*: Nổi loạn (*to rebel*).

Tu phải gìn chung thủy lòng nhân ⁽⁴⁴⁾

Đi xa rồi lại bước gần

Giống chuông cảnh tỉnh hóa nhân ⁽⁴⁵⁾ hội này.

Đức hy sinh thường hay nhắc nhở

Lòng vị tha chớ hờ tâm trung ⁽⁴⁶⁾

Hy sinh thân thể trần hồng

Hy sinh mọi mặt cho lòng an vui.

Cho nhân thể nếm mùi đạo đức

Cho chúng sanh thoát vực trầm kha ⁽⁴⁷⁾

Thấy người mà xét đến ta

Rủ nhau thoát cảnh ái hà ⁽⁴⁸⁾ sông mê. ⁽⁴⁹⁾

⁽⁴⁴⁾ *Chung thủy lòng nhân*: Lòng thương người, thương vật trước sau như một (*unchanged benevolence*).

⁽⁴⁵⁾ *Hóa nhân (nhơn) 化人*: Giáo hóa, hóa độ con người.

⁽⁴⁶⁾ *Lòng vị tha chớ hờ tâm trung*: Đừng để mình mất lòng vị tha, sinh ra thói ích kỷ.

⁽⁴⁷⁾ *Trầm kha 沉痾*: Bệnh nặng lâu ngày (*grave disease, severe illness*).

⁽⁴⁸⁾ *Ái hà 愛河*: Sông yêu thương, sông tình ái (*the river of love*). Tình yêu thương nam nữ làm người ta đắm chìm nên ví như sông sâu biển cả. Có câu *Ái hà thiên xích lãng 愛河千尺浪* (Sông tình ái nổi sóng cao ngàn thước), ngụ ý tình ái như sông nổi sóng dữ làm con người chìm đắm. Chữ *ái* này là một món trong thất tình, làm con người luân hồi. Trái lại, chữ *ái* trong *bác ái*, *ái tha* là tình thương, là đức của Hiền Thánh, là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh vào châu Thượng Đế.

⁽⁴⁹⁾ *Ái hà sông mê*: Sông tình ái là sông mê muội, làm người ta chìm đắm, mù quáng.

THI

Sông mê bể khổ phải mau ra
Trần cấu⁽⁵⁰⁾ đeo đai đến tuổi già
Lặn hụp bao năm trong cảnh tạm
Kiến bờ miệng chầu chẳng đường ra.

Hỡi chư nhu, chư muối!

Thế nào là đức hy sinh? Có phải chẳng hy sinh là bỏ hẳn tất cả cuộc sống đơn giản cần thiết của mình mà đi tìm một phương hướng vô định, một đường lối không tuyệt đích, một phương pháp không tưởng⁽⁵¹⁾ chẳng?

Không phải vậy. Đức hy sinh bao trùm mọi mặt trong sự sống hằng ngày của nhân thế, dầu lớn dầu nhỏ cũng có đức hy sinh.

Thí dụ như chư nhu, chư muối phé⁽⁵²⁾ những cao lương mỹ vị, tìm thú rau tương dưa muối cũng là một đức hy sinh. Hy sinh đó cho bao mạng sống. Dành⁽⁵³⁾ bao ngày giờ thụ hưởng vật chất xa hoa để sưu tầm giáo lý, nghiền ngẫm, tham thiền, tìm lẽ Đạo của đất trời hầu phổ truyền cho sanh chúng, cũng là một đức hy sinh. Nhẫn nhục khoan dung với người tội lỗi, bướng bỉnh, để tìm cách giác ngộ họ cũng một đức hy sinh. Tạm gác những quyền lợi riêng tư cho cá

⁽⁵⁰⁾ *Trần cấu* 塵垢: ① Bụi bặm dơ bẩn (*dirt, grime*). ②

Những điều không tốt lành mà con người tập nhiễm trong cuộc sống thế gian. (*Trần*: bụi bặm; *cấu*: nhờn nhớt.)

⁽⁵¹⁾ *Không tưởng*: Viển vông, không thiết thực (*impractical, unrealistic*).

⁽⁵²⁾ *Phé* 廢: Bỏ đi, từ bỏ (*to abandon, to abolish*).

⁽⁵³⁾ *Dành*: Để dành (*to save*).

nhân, cho gia đình mình, mưu cầu⁽⁵⁴⁾ hạnh phúc cho đa số cũng là một đức hy sinh. Trấn áp, tiêu diệt lòng ham muốn bất chánh, thói hung hăng, vị kỷ⁽⁵⁵⁾ để phục thiện⁽⁵⁶⁾ cũng là một đức hy sinh.

Nhưng không phải hy sinh để phó mặc cho người tội lỗi tự tung tự tác; hy sinh để cầu an hầu dung túng ký sinh trùng⁽⁵⁷⁾ cho xã hội. Đó là lòng hy sinh không đúng chỗ.

Chư nhu, chư muối năm đêm suy xét, thực hành cho đúng để khỏi uổng một kiếp làm người, một diễm phúc mà căn xưa có tu nên ngày nay mới được nhận lãnh một hình hài mang những tánh linh hơn muôn vật.

THI

Có căn mới được kiếp con người
Phải biết mà tu chớ dễ người⁽⁵⁸⁾
Kéo trở lại đời trong thoái hóa
Khó mong gặpặng phúc ân Trời.
Ân Trời khá giữ hộ thân
Tự tu tự giác, độ nhân độ quần⁽⁵⁹⁾

⁽⁵⁴⁾ *Mưu cầu* 謀求: Tìm kiếm, cố sức để đạt được (*to seek, to strive for*).

⁽⁵⁵⁾ *Vị kỷ* 爲己: Vì mình, ích kỷ (*selfish*).

⁽⁵⁶⁾ *Phục thiện* 服善: Nghe theo điều tốt, điều phải (*to listen to reason*).

⁽⁵⁷⁾ *Ký sinh trùng* 寄生蟲: Kẻ ăn bám (*parasite*).

⁽⁵⁸⁾ *Dễ người*: Coi thường, không quý trọng (*to disregard*).

⁽⁵⁹⁾ *Nhân quần* 人群: Nhân loại, loài người (*mankind*). *Độ nhân độ quần*: Độ nhân quần 度人群, cứu độ mọi người.

Mới là hưởng trọn mùa xuân
Xuân này, xuân tới, còn xuân mãi hoài.

(...)

THI

Đã dặn dò rồi mọi trước sau
Xuân năm Ất Tỵ ráng lên nào
Đắp xây cho vững nền Thiên Đạo
Cứu lấy nhân loài buổi khổ đau.

Bần Đạo ban ơn lành tất cả trung đàn. Xin kiêu. Thăng.

*

PHỤ CHÚ

Dân tộc Trung Hoa ngưỡng mộ ba vị đại hiền ở đầu nhà Chu (Tây Chu) và tôn là ba ông Thánh: Chu Văn Vương (tên Cơ Xương), Chu Võ Vương (tên Cơ Phát), và Chu Công (tên Đán, em Võ Vương). Võ Vương diệt Trụ, làm vua bảy năm thì mất. Trật tự trong nước chưa kịp ổn định. Con là Thành Vương nối ngôi còn nhỏ tuổi, các vụ phản loạn xảy ra. Chu Công giúp cháu giữ yên xã tắc, lại có công định ra lễ nghi, phép tắc, chấn hưng đạo đức... nhờ thế nhà Chu hưng thịnh, văn minh rực rỡ.

Sang thời Chu suy (Đông Chu), thiên hạ đại loạn, trong gia đình nhiều kẻ chém giết nhau, dâm loạn; ở triều đình thì bề tôi chuyên quyền lấn ép, bức hiếp chúa... Đức Khổng Tử đã lớn lên trong cảnh nhiều nhương cùng cực ấy, và Ngài đã mơ ước nối chí Chu Công tái lập lại trật tự xã hội cho dân chúng thoát khỏi điêu linh. Ngài từng mong muốn đi qua Lạc Ấp (kinh đô nhà Chu) để khảo cứu và học tập công

ngiệp của Chu Công. Năm ba mươi bốn tuổi được Lỗ Vương trợ giúp phương tiện, Ngài mới toại nguyện du học.

Sau chuyến đi đó, Đức Khổng Tử càng thêm thần phục Chu Công và càng nung nấu hoài bão nối chí Thánh Nhân đời trước lập đức cứu đời, cho nên có lần Ngài nói cùng môn đệ: *Ngô tông Chu*. (Ta theo Chu Công.) Cũng do chỗ đồng thanh khí, đồng hoài bão lớn ấy, Đức Khổng Tử nằm mộng thấy Chu Công hiện về (*Luận Ngữ*, Chương III, 14; Chương IV, 5).⁽⁶⁰⁾

① Theo tích trên, ta hiểu Châu (Chu) là Chu Công 周公. Nước Lỗ 魯 là quê hương Đức Khổng Tử (nay thuộc tỉnh Sơn Đông); ở đây Lỗ ám chỉ Đức Khổng.

Vậy, câu *Châu Lỗ còn roi bọc trí tài* có thể giảng như sau: Những bậc tài trí còn biết noi gương hai vị thánh xưa là Đức Châu Công và Đức Khổng Tử để giúp đời.

② Trong cơ bút Cao Đài, khi các Đấng xưng danh bằng thơ quán thủ nhiều khi mượn tiếng đồng âm dị nghĩa, hoặc đọc trại theo âm phương ngữ Nam Bộ. Ngài Châu Xương xưng danh là *Châu*, nhưng cũng có thể suy ra là *Trâu*.

Nước Trâu 邠 là quê hương Đức Mạnh Tử (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), ở đây ám chỉ Đức Mạnh Tử.

Vậy, câu *Châu Lỗ còn roi bọc trí tài* có thể giảng như sau: Những bậc tài trí còn biết noi gương hai vị thánh xưa là Đức Mạnh Tử và Đức Khổng Tử để giúp đời.

⁽⁶⁰⁾ [Huệ Khải 2012c: 74]

2. XÉT LẠI CHÍNH MÌNH

Huân Cung Đàn, Tuất thời, 14-6 Ất Ty (12-7-1965)

QUAN BÌNH TIỂU THÁNH

Chào chư Thiên mạng.⁽¹⁾ Chào liệt vị⁽²⁾ lưỡng ban.⁽³⁾
Tiểu Thánh vâng lệnh báo đàn. Chư Thiên mạng thành tâm
nghinh tiếp Đức Hiệp Thiên Đại Đế. Tiểu Thánh xuất ngoại
ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

Bản Đạo chào chư hiền đệ, chư hiền muội lưỡng ban.

THI

HIỆP sức mà lo phổ⁽⁴⁾ Đạo Trời
THIÊN lương⁽⁵⁾ có sẵn mỗi con người
ĐẠI công đại đức tày⁽⁶⁾ trời đất
ĐỂ vị⁽⁷⁾ muôn đời mãi sáng soi.

Miễn lễ. Chư hiền đệ muội an tọa.

THI

An tọa mà nghe đạo lý đây
Chung lo há nại⁽⁸⁾ khổ đêm ngày
Chánh tà do bởi nơi tâm **tạo**
Bền chí bền tâm sẽ gặp Thầy.

Giờ nay, Bản Đạo đến đây không phải là sự ngẫu
nhiên,⁽⁹⁾ mà là việc tiền định⁽¹⁰⁾ tự⁽¹¹⁾ Tam Giáo Tòa sắc
ban.

Bản Đạo có nhiệm vụ giúp chư hiền suy nghĩ mà kèm
tâm, rèn chí để thuần thực ra người tu hành, tu công và tu
đức.

Nhớ lại khi còn mang mảnh hình hài tứ đại,⁽¹²⁾ Bản Đạo
không bao giờ chịu nhụt chí trước những chướng ngại vật
trên bước đường tiến thủ. Sau này, nhờ được tâm linh sớm
giác để thành công, đắc quả vị cũng bởi nhờ chí nhẫn kiên,
lòng khoan dung đức độ, chí cương quyết thực hành đường

⁽¹⁾ *Chư Thiên mạng* (mệnh) 諸天命: Các vị nhận lãnh sứ
mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化
(thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽²⁾ *Liệt vị* 列位: Các các vị đang có mặt (*all of you present*).

⁽³⁾ *Lưỡng ban* 兩班: Hai ban chức sắc, chức việc và tín đồ
khi hành lễ trong bữa điện: ① nam (phía bình bông trên
Thiên Bàn) và ② nữ (phía đĩa trái cây trên Thiên Bàn).

⁽⁴⁾ *Phổ* 普: Làm cho rộng khắp (*to universalize*).

⁽⁵⁾ *Thiên lương* 天良: Phần tốt đẹp của con người do Trời
ban cho (*conscience*).

⁽⁶⁾ *Tày*: Ngang bằng (*equal to*).

⁽⁷⁾ *Để vị* 帝位: Ngôi vị Đế Quân (*the position of a god*).

⁽⁸⁾ *Há nại*: Lẽ nào lại ngán ngại, không dám (*there's no
reason to mind doing something*).

⁽⁹⁾ *Ngẫu nhiên* 偶然: Tình cờ, không sắp đặt trước (*by
chance*).

⁽¹⁰⁾ *Tiền định* 前定: Đã sắp đặt sẵn, được định trước
(*predestined*).

⁽¹¹⁾ *Tự* 自: Do, bởi.

⁽¹²⁾ *Tứ đại* 四大: Bốn chất căn bản tạo thành thân xác con
người là đất (da thịt...), nước (máu, các chất lỏng...), gió
(hơi thở), lửa (hơi ấm, thân nhiệt).

lối đã vạch sẵn cho mình.

Chư hiền đệ muội ngày nay rất hữu duyên phúc mà gặp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có Phật Tiên giúp lối, Thần Thánh đưa đường. Khi một lối lầm hoặc sơ suất, liền được từ bi nhắc nhở, xây dựng lại đường chánh đại quang minh. Nhờ đó sự lỗi lầm không đến nỗi phải trầm trọng, trừ phi những ai đang tỉnh giả mê thì đành cam số phận vậy.

Giữa giờ phút tâm trạng đa số hiền đệ muội xao xuyến bất bình, nhưng lòng Bản Đạo vẫn thản nhiên như tờ giấy trải, lặng lẽ như mặt nước hồ thu. Bản Đạo chắc chắn rằng toàn thể chư hiền đệ muội nơi này chưa ai có chí ngang tàng và lòng nóng nảy như Bản Đạo thuở sinh thời. Do đó, Bản Đạo khuyên nhủ chư hiền đệ muội, dầu trước hoàn cảnh nào của thế sự đưa đến, cần phải làm chủ nhơn ông,⁽¹³⁾ làm chủ tâm mình, đừng để ngoại cảnh chi phối. Có như vậy mới giữ tròn hạnh của người tu.

Ngày nay, hậu thế thường ca tụng, sùng bái những bậc vĩ nhân, siêu nhân hoặc Thần Thánh, Tiên Phật. Thật ra, những bậc đó không phải từ trên trời rớt xuống mà nên; chính cũng xuất thân từ chỗ con người, nhưng có khác hơn ở chỗ tâm mình biết chế ngự những ý nghĩ đen tối, tội lỗi cùng những điều bất chánh.

Tâm biết chọn lựa đâu là phải, đâu là chẳng phải, đâu là

⁽¹³⁾ *Chủ nhơn (nhân) ông* 主人翁: Ông chủ, người làm chủ, ông chủ (*master, host, owner*). Chân tâm (真心 *the true mind*) là chủ nhơn ông, thắng được sự sai khiến, cám dỗ của thất tình lục dục. Nếu để thất tình lục dục sai khiến, không còn làm chủ được tâm, tức là mất quyền chủ nhơn ông. Giống như chủ nhà bị người ngoài lọt vào khống chế.

đại sự,⁽¹⁴⁾ đâu là tiểu tiết;⁽¹⁵⁾ việc nào nên làm, điều nào nên tránh; việc nào nên làm trước, điều nào nên làm sau; biết thuận lòng người, hạp lẽ Trời; biết theo vận hành của thiên địa: xuân, hạ, thu, đông.

Những bậc ấy không dụng áo ngự hàn⁽¹⁶⁾ mặc cơn nắng hạ,⁽¹⁷⁾ không dùng thô y⁽¹⁸⁾ mang tiết đông sang,⁽¹⁹⁾ không vì chạp cá tính bởi việc nhỏ mà quên lãng việc lớn, không vì việc thủy mà quên hẳn việc chung.⁽²⁰⁾ Có bấy nhiêu đó mà phân tách được Thánh với phàm, tiểu nhơn cùng quân tử. Đó bởi do tâm tạo.

Chư hiền đệ muội đã đặt mình vào cửa Đạo, đã trải qua bao lúc bỏng trầm, bao hồi hàn nhiệt,⁽²¹⁾ thì luôn luôn phải nhớ đường lối đã định buổi thoát tiên. Dầu nhánh nhóc sông rạch cũng phải trở phăng về cội, về nguồn. Có như vậy mới khỏi mang tiếng là người vong bản.⁽²²⁾

⁽¹⁴⁾ *Đại sự* 大事: Việc lớn (*major matter*).

⁽¹⁵⁾ *Tiểu tiết* 小節: Điều nhỏ nhặt (*minor matter*).

⁽¹⁶⁾ *Ngự hàn* 禦寒: Chế ngự cái lạnh, ngăn che cái lạnh.

Dụng áo ngự hàn: Dùng áo lạnh, áo ấm, áo bông (*wearing warm clothing*).

⁽¹⁷⁾ *Mặc cơn nắng hạ*: Mặc (áo ấm) khi đang nắng nóng mùa hè.

⁽¹⁸⁾ *Thô y* 粗衣: Áo vải mỏng manh, sơ sài (*thin, light clothing*).

⁽¹⁹⁾ *Mang tiết đông sang*: Mang (áo mỏng) lúc trời đã sang mùa đông lạnh lẽo.

⁽²⁰⁾ *Việc thủy*: Việc đầu. *Việc chung*: Việc cuối.

⁽²¹⁾ *Hàn nhiệt* 寒熱: Lạnh và nóng (*cold and hot*).

⁽²²⁾ *Vong bản (bản)* 亡本: Mất gốc (*forgetting one's origin*).

Đại Đạo sơ khai, năm chi bảy phái, rốt rồi cũng trở về một gốc buổi sơ khai. Nếu không thực hành được điều đó thì uông công trình đã dạn dày từ thử.⁽²³⁾

Đặt mình trong cửa đạo, có hai phần cần phải lưu ý:

1. Là hình thức tổ chức tập đoàn phổ độ chúng sanh hướng về một nẻo.

2. Là phần nội tâm cần có phẩm hạnh đạo đức, phong độ người tu, hiểu căn hiểu cội mình từ đâu đến, đến để làm gì rồi sẽ đi đâu?

Khi biết được căn cội, hãy phản bản huồn nguyên,⁽²⁴⁾ trở về căn cội, mà đường lối trở về đó không phải trên trường đời, cũng không phải trên dư đồ⁽²⁵⁾ quốc tế, mà chính ở nội tâm.

Bản Đạo rất may được chỉ định vào hàng Tam Trấn của Đại Đạo, nhờ đó có nhiều dịp gần gũi Phật Tiên, học hỏi thêm nhiều về phương diện giáo lý Đạo.

Thử đặt một tiêu chuẩn để làm thước đo phẩm hạnh cùng công quả của người tu. Tỷ dụ: Muốn được vào hàng Thiên phong giáo phẩm, hãy tự kiểm điểm xem mình đã hiểu luật pháp đạo, phẩm hạnh đạo, công quả phổ độ chúng sanh, chay lạt, nghi thức, lễ bái, cùng trình độ hiểu biết về văn hóa cũng như về giáo lý đạo đã đến đâu, có xứng với hàng giáo phẩm ấy chưa? Nếu xứng, dầu chưa được vào hàng ấy cũng tự vui thú ở nội tâm. Bằng chưa xứng, dầu

được mang lấy danh từ ấy vào, nhưng trước mặt cảm của nhơn sanh và tự tâm mình thâm hiểu, đó là điều khổ vậy.

Đứng trước một hoàn cảnh phũ phàng, bị người bạc đãi, hãy tự kiểm điểm xem mình có tác phong đúng đắn, tư cách nghiêm trang với người đối diện cùng chăng? Nếu có, cũng tự thâm vui, vì sự phũ phàng ấy tự người gán cho mình. Ngược lại, nếu tại bởi mình thiếu sót, thì hãy ôn tồn vui vẻ tu tỉnh cho được đầy đủ xứng đáng hơn.

Tạm giải hai điều đó để chư hiền đệ muội về nhà suy xét, kèm chế tâm trung⁽²⁶⁾ để trở nên người đoan trang phẩm hạnh đạo đức.

Phẩm vị Thần Tiên không khó, danh vị ở đời cũng không khó, chỉ khó là lòng mình, nhân cách mình, tác phong cùng phẩm hạnh chưa xứng đó thôi.

Một buổi hội ngộ đàn nay, có hiền đệ muội cũng phân vân rằng Bản Đạo ngày nay sao quá từ bi. Nhưng Bản Đạo khuyên hiền đệ muội ấy hãy học lấy gương đó để trở nên người thuần đạo hạnh. Nếu chẳng được những đức tính đó thì khó mong đi đến nơi, về đến chốn trên đường thể Thiên hành hóa.

Chư hiền đệ muội hãy nghiêm chỉnh, tiếp diễn từ cõi Thiên Cung đưa đến.⁽²⁷⁾ Bản Đạo xin giã từ và hẹn tái ngộ một đàn khác. Thăng.

⁽²³⁾ *Từ thử (tự thử 自此): Từ ấy (since then, henceforth).*

⁽²⁴⁾ *Phản bản huồn (hoàn) nguyên 反本還源: Trở về nguồn cội (returning to one's origin).*

⁽²⁵⁾ *Dư đồ 輿圖: Bản đồ, địa đồ (map).*

⁽²⁶⁾ *Tâm trung 心中: Nội tâm (innermost feelings).*

⁽²⁷⁾ Tiếp theo phần dạy đạo của Đức Hiệp Thiên Đại Đế có Đức Kim Quang Đồng Tử và Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch lâm đàn.

3. SỐNG LẠI TINH THẦN ĐẠO ĐỨC BẤT BIẾN

Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà
Ngọ thời, 24-6 Ất Tỵ (22-7-1965)

QUAN BÌNH TIỂU THÁNH

Chào liệt vị đẳng đẳng. Thành tâm nghiêm nghị tiếp
Quan Thánh. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. Lui.

TIẾP ĐIỀN

THI

Lòng thành khấn nguyện đến Thiên Cung
Vì xót nhờn sanh buổi cuối cùng
Giáng bút khuyên người noi chánh đạo
Ngàn năm vẹn giữ giống Tiên Rồng.

QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Chào chư Thiên sắc,⁽¹⁾ chư nhu,⁽²⁾ chư muội. Bần Đạo
đến hôm nay để chứng lòng thành của các đạo tâm nam nữ
nơi Ngọc Điện Huỳnh Hà, cũng như chư hiền sứ mạng.
Chư hiền an tọa nghe Bần Đạo phân⁽³⁾ đây.

⁽¹⁾ *Thiên sắc* 天色: Thiên ân chức sắc.

⁽²⁾ *Chư nhu (nhu)* 諸儒: Các học trò (cách Ôn Trên gọi các
môn đệ Cao Đài).

⁽³⁾ *Phân*: Phân giải 分解, phân phó 分付, giảng giải rõ ràng.

Hằng năm đến ngày này, chư hiền đều thiết lễ kỷ niệm
ngày thành lập thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, cũng là
ngày xuất thế⁽⁴⁾ của Bần Đạo.

Ôi! Trải qua biết bao lần tang thương⁽⁵⁾ biến đổi mà
cảnh vật vẫn được những tám can trường thiết thạch đạo
tâm⁽⁶⁾ gìn giữ gầy dựng cho đến ngày nay. Bần Đạo rất
cảm kích và ngợi khen.

Hồi chư nhu, chư muội!

Các Đẳng thiêng liêng chỉ đến với tâm thành của chúng
sanh, chớ không đến với cảnh nguy nga đầy lễ vật, vì thế
nên mới có đàn cơ hôm nay.

⁽⁴⁾ *Xuất thế* 出世: Lìa khỏi thế gian, về trời (*to leave the world*).

⁽⁵⁾ *Tang thương* 桑滄: Nói tắt từ thành ngữ *thương hải [biến vi] tang điền* 滄海[變爲]桑田: Biển xanh biến thành ruộng dâu, ám chỉ biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời; cùng nghĩa với cuộc dâu biển hay biển dâu (*life's vicissitude*).

⁽⁶⁾ *Can trường (tràng)* 肝腸: ① Gan và ruột (*liver and intestines*). ② Lòng dạ, nỗi niềm (*feelings, emotions*). ③ Can đảm, bất khuất (*courageous*).

Can tràng (trường) thiết thạch 肝腸鐵石: Lòng dạ như sắt và đá, tám lòng bền bỉ, cứng cỏi, kiên định, không thể lay chuyển, không chịu khuất phục.

Đạo tâm 道心: Lòng đạo, tâm lòng hướng về việc tu hành (*religious mind*).

Tám can trường thiết thạch đạo tâm: Tám lòng ham tu hành bền bỉ trước mọi thử thách, gian nguy.

Bản Đạo dạy đoạn này gọi là chứng tri⁽⁷⁾ và phủ dụ⁽⁸⁾.

Người sanh trong cõi thế đều có sẵn tánh của Thượng Đế phát ban, nên biết phân tách điều tội phước, biết chọn lựa việc nên hư, biết nhận giả chơn, biết tránh chốn bần nhờ tìm nơi trong sạch, biết sợ chốn tối tăm địa ngục mà mong đến cảnh thiên đàng, thì lương tri, lương năng⁽⁹⁾ là hai kiện tướng⁽¹⁰⁾ của chủ nhơn ông,⁽¹¹⁾ điều khiển một cơ cấu tứ đại.⁽¹²⁾ Nếu cứ thế tuần tự luân chuyển thì trời không thay xác, đất chẳng đổi hình, nhơn loại không lâm vào thảm cảnh trạng huồng như ngày nay.

⁽⁷⁾ *Chứng tri* 證知: Nhận biết cho.

⁽⁸⁾ *Phủ dụ* 撫誘: Vỗ về, an ủi, khuyên bảo, dạy dỗ.

⁽⁹⁾ *Lương* 良: Trời phú cho, thuộc về bản năng sẵn có.

Lương tri 良知: Lương tâm, tánh thiện tự nhiên như bản năng (*conscience, instinctive moral sense*). *Lương năng* 良能: Khả năng bẩm sinh tốt lành (*good innate ability*).

⁽¹⁰⁾ *Kiến tướng* 健將: ① Viên tướng giỏi, thiện chiến. ② Người tài giỏi trong một lãnh vực chuyên môn.

⁽¹¹⁾ *Chủ nhơn (nhon) ông* 主人翁: Ông chủ, người làm chủ, ông chủ (*master, host, owner*). Chân tâm (真心 *the true mind*) là chủ nhơn ông, thắng được sự sai khiến, cám dỗ của thất tình lục dục. Nếu để thất tình lục dục sai khiến, không còn làm chủ được tâm, tức là mất quyền chủ nhơn ông. Giống như chủ nhà bị người ngoài lọt vào khống chế.

⁽¹²⁾ *Tứ đại* 四大: Bốn chất căn bản tạo thành thân xác con người là đất (da thịt...), nước (máu, các chất lỏng...), gió (hơi thở), lửa (hơi ấm, thân nhiệt).

Bản Đạo khuyên toàn đạo⁽¹³⁾ nơi Ngọc Điện Huỳnh Hà hãy hiểu hết lời Bản Đạo dạy hôm nay. Tự mình làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến, hầu⁽¹⁴⁾ ứng phó⁽¹⁵⁾ với mọi viễn cảnh để làm tròn bổn phận tín đồ của Đại Đạo.

THI

Đại Đạo gồm vào một nẻo thôi
Quanh qua lộn lại ắt xa vời
Bước cho vững bước đừng toan chạy
Qua lúc bão bùng vượt bể khơi.

PHÚ

Bể khơi nhiều sóng gió
Chiếc thuyền từ đang lấp ló bến trời Nam.
Hồi khách bốn phương hồ hải chốn sơn lâm
Có lẽ bước kíp⁽¹⁶⁾ quá giang về sớm sớm.
Kìa nhơn loại đang sống cảnh mưu mô ở ồm⁽¹⁷⁾
Nọ thế đồ⁽¹⁸⁾ còn chọn nhộn gót hư danh.⁽¹⁹⁾
Người say mê vật chất đọa cam đành
Kẻ tỉnh giấc tu hành rơi đáng tiếc!

⁽¹³⁾ *Toàn đạo*: Tất cả người đạo (*all Caodaists*).

⁽¹⁴⁾ *Hầu*: Ngõ hầu, để (*in order to*).

⁽¹⁵⁾ *Ứng phó* 應付: Đối phó 對付 (*to deal with*).

⁽¹⁶⁾ *Kíp* (cấp 急): Gấp rút (*to hurry*).

⁽¹⁷⁾ *Ở ồm* (ồm ờ): Không nghiêm túc, không tin được (*unserious and unbelievable*).

⁽¹⁸⁾ *Thế đồ* 世途: Đường đời, cùng nghĩa *thế lộ* 世路 (*wordly path*).

⁽¹⁹⁾ *Hư danh* 虛名: Danh tiếng hão (*false fame*).

Chí sĩ⁽²⁰⁾ ơi!
 Đòi mấy kẻ trung cang⁽²¹⁾ tiết liệt.⁽²²⁾
 Nhân tài ơi!
 Đạo nào ai⁽²³⁾ mẫn triết⁽²⁴⁾ tri hành.⁽²⁵⁾
 Bước hoạn đồ⁽²⁶⁾ còn trực lợi⁽²⁷⁾ cầu danh⁽²⁸⁾
 Vòng cương tỏa⁽²⁹⁾ rấp ranh⁽³⁰⁾ thêm lúng túng.

⁽²⁰⁾ *Chí sĩ* 志士: Người có chí lớn, biết hy sinh lo việc nước, có lý tưởng và tiết tháo (*person of ideals and integrity*).

⁽²¹⁾ *Trung cang* 忠剛: Trung thành và ngay thẳng (*loyal and upright*).

⁽²²⁾ *Tiết liệt* 節烈: Tiết tháo 節操; trong sạch, ngay thẳng, không vì nguy khốn, danh lợi mà thay lòng đổi dạ (*of integrity; honest and having strong moral principles*).

⁽²³⁾ *Đạo nào ai*: Trong cửa đạo có ai, có người nào.

⁽²⁴⁾ *Mẫn triết* 敏哲: Mẫn tiệp và minh triết, thông minh sáng suốt (*smart and wise*).

⁽²⁵⁾ *Tri hành*: (Nói tắt) *tri hành hợp nhất* 知行合一; biết và làm phải đi đôi với nhau.

⁽²⁶⁾ *Hoạn đồ* 宦途: Con đường phục vụ, đường phụng sự (thuật ngữ riêng trong thánh giáo Cao Đài, ngụ ý người Thiên ân sứ mạng nhận lãnh sứ mạng hành đạo nơi Thượng Đế cũng giống như người thế gian làm quan nhận nhiệm vụ vua ban để chăm lo cho dân chúng).

⁽²⁷⁾ *Trực lợi* 逐利: Chạy theo cái lợi (*to pursue benefit*).

⁽²⁸⁾ *Cầu danh* 求名: Tìm kiếm danh tiếng, phẩm vị (*to seek fame and position*).

⁽²⁹⁾ *Cương tỏa* 纏鎖: Bó buộc, trói buộc, ràng buộc (*to be tied to*).

Đòi thống trị dẫu đời cần có nhiều oai dũng
 Đạo huyền vi nếu muốn trọng dụng pháp mầu vi.
 Oai dũng nhiều không đạo đức
 nên đời phải loạn ly.

Dùng thuật pháp⁽³¹⁾ để tu trì
 ắt đạo càng xa chánh đạo.

Hãy sống dậy lương tri⁽³²⁾ và tiết tháo⁽³³⁾

Hãy bùng lên tâm đạo với lương năng⁽³⁴⁾

Hãy thoát vòng nhơn dục⁽³⁵⁾ trói trăn

Và thoát nạn tự tôn⁽³⁶⁾ kiềm tỏa.⁽³⁷⁾

Học tân pháp⁽³⁸⁾ ấy học phép mầu vô giá

Nói quy điều là nói ngả đến Tây Phương.

⁽³⁰⁾ *Rấp ranh*: Bị bít lối, bị ngăn chặn (*to be blocked up*).

⁽³¹⁾ *Thuật pháp*: Pháp thuật 法術, phù phép (*magic*).

⁽³²⁾ *Lương tri* 良知: Lương tâm, tánh thiện tự nhiên như bản năng (*conscience, instinctive moral sense*).

⁽³³⁾ *Tiết tháo* 節操: Trong sạch, ngay thẳng, không vì nguy khốn, danh lợi mà thay lòng đổi dạ (*of integrity; honest and having strong moral principles*).

⁽³⁴⁾ *Lương năng* 良能: Khả năng bẩm sinh tốt lành (*good innate ability*).

⁽³⁵⁾ *Nhơn (nhân) dục* 人欲: Lòng ham muốn của con người (*human desires*).

⁽³⁶⁾ *Tự tôn* 自尊: Tự cao tự đại, cho mình là cao quý, tài ba hơn cả (*self-conceited*).

⁽³⁷⁾ *Kiểm tỏa* 鉗鎖: Ràng buộc, trói trăn (*to be tied to*).

⁽³⁸⁾ *Tân pháp* 新法: ① Phương pháp tu hành Kỳ Ba ân xá. ② Phép tu thiền theo Cao Đài.

Giữ gia phong⁽³⁹⁾ cang kỷ⁽⁴⁰⁾ luân thường⁽⁴¹⁾
Gìn tiết hạnh đài gương soi rức rờ.⁽⁴²⁾
Tập bác ái thôn lân⁽⁴³⁾ cùng giúp đỡ
Quen từ bi rộng mở cửa Huỳnh Hà.⁽⁴⁴⁾
Non sông trời đất bao la
Một phương giữ vững sơn hà⁽⁴⁵⁾ một phương.

THI

Một phương giữ vững thể nhơn hòa⁽⁴⁶⁾
Tu niệm xin đừng vọng cách xa

⁽³⁹⁾ *Gia phong* 家風: Nếp nhà, nề nếp, nền nếp tốt đẹp của gia đình (*family tradition*).

⁽⁴⁰⁾ *Cang kỷ* 綱紀: Kỷ cương 紀綱, giềng mối, khuôn phép, phép tắc (*discipline*).

⁽⁴¹⁾ *Luân thường* 倫常: Đạo lý con người phải luôn noi theo, gồm có ngũ luân 五倫 (năm mối quan hệ giữa: nhà nước và công dân, cha mẹ và con cái, vợ chồng, anh chị em, bạn bè) và ngũ thường 五常 (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).

⁽⁴²⁾ *Tiết hạnh* 節行: Trong sạch về mặt quan hệ xác thịt (*chastity*). *Gìn tiết hạnh đài gương soi rức rờ*: Giữ gìn tiết hạnh làm tấm gương sáng cho mọi người noi theo, làm theo.

⁽⁴³⁾ *Thôn lân* 村鄰: Làng xóm, láng giềng trong thôn xóm (*neighbours*).

⁽⁴⁴⁾ *Cửa Huỳnh Hà*: Cửa thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà.

⁽⁴⁵⁾ *Sơn hà* 山河: Núi và sông; đất nước, quốc gia (*country*).

⁽⁴⁶⁾ *Nhơn (nhân) hòa* 人和: An bình, hòa hợp giữa người với người (*peaceful harmony among human beings*).

Chánh pháp mới nên gìn chánh đạo
Giữ yên cho Ngọc Điện Huỳnh Hà.

(...) Toàn đạo nơi đây hãy an lòng tu niệm.

Noi chánh pháp hầu mở đường chánh đạo
Tìm phương tri hầu bảo vệ thôn lân
Vững niềm tin Thượng Đế thân kết bạn hiền
Tránh nơi mưu kế lợi danh
Xa chốn xiêm gièm lời lẽ
Khoát bức màn the sống lại cảnh nhơn hòa.

Truyền đem bạch thủy.

THI

Ban bố hồng ân⁽⁴⁷⁾ hết nữ nam
Vài chung bạch thủy mát tâm phàm
Nước trong cổ giữ lòng trong trắng
Đừng để bụi trần bợn áo lam.⁽⁴⁸⁾

Bản Đạo ban ơn lành cho tất cả. Thăng.

⁽⁴⁷⁾ *Hồng ân* 洪恩: Ôn lớn (*great favour, great grace*).

⁽⁴⁸⁾ *Áo lam*: Áo đạo, áo người tu. *Đừng để bụi trần bợn áo lam*: Đừng để những tật xấu thói đời làm xáo trộn tâm tu.

4. CHÙA THẤT KHÔNG CÓ NGƯỜI CHƠN TU HÀNH ĐẠO THÌ NHƯ HANG CHỨA RẰN ĐỘC

Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Tam Thôn Hiệp
Tuất thời, 08-12 Ất Tỵ (30-12-1965)

THI

Thừa lệnh Gia Gia⁽¹⁾ đến báo đàn
Nữ nam nghiêm chỉnh tiếp lời ban
Dạy trong thôn ấp đều tu niệm
Thoát khỏi tai nguy buổi thế tàn.⁽²⁾

QUAN BÌNH THÁI TỬ

Ta chào chư Thiên mạng.⁽³⁾ Chào liệt vị⁽⁴⁾ trung đàn.⁽⁵⁾
Thành tâm nghinh tiếp Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Thánh
Đế Quân giáng bút. Ta xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

THI

⁽¹⁾ *Gia Gia* 耶耶 / Da Da 爺爺: Cha (*Father*).

⁽²⁾ *Thế tàn*: Đời tàn; đời cùng cuối, sắp chấm dứt.

⁽³⁾ *Thiên mạng* (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽⁴⁾ *Liệt vị* 列位: Các ngài, các vị.

⁽⁵⁾ *Trung đàn*: Trong đàn cầu cơ (*at the spirit séance*).

Vị⁽⁶⁾ tiếng Chơn Nhơn⁽⁷⁾ thỉnh⁽⁸⁾ xuống trần
Đem lời thánh huấn độ lê dân⁽⁹⁾
Tu hành sớm bỏ điều gian ác
Học đạo chiều buông hết nợ nần
Bãi bạc rượu trà khuyên dứt hẳn
Thiện lương nhơn nghĩa rắng theo lần
Nhược bằng⁽¹⁰⁾ chẳng nhớ lời Ta dạy
Phổ lệnh trùng răn tam vị Thần.⁽¹¹⁾

Ta chào chư Thiên sắc.⁽¹²⁾ Chào chư nhu,⁽¹³⁾ chư muội
lớn nhỏ trung đàn. Nay là đàn phúc trình tam cá nguyệt nơi
Văn Phòng Tam Thôn Hiệp, Ta nhơn danh Tam Trấn Oai

⁽⁶⁾ *Vị* 爲: Bởi vì, do bởi (*Due to, because of*).

⁽⁷⁾ *Chơn Nhơn*: Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Cuối đàn cơ giờ Ngọ, ngày 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965) tại Vĩnh Nguyên Tự (xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An), Đức Chơn Nhơn có truyền sắc lệnh của Đức Giáo Tông Đại Đạo cùng Đức Đông Phương Chưởng Quán dạy lập đàn cơ tại Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Tam Thôn Hiệp vào giờ Tuất đêm mùng 8 rạng mùng 9 tháng Chạp Ất Tỵ.

⁽⁸⁾ *Thỉnh* 請: Mời (*to invite*).

⁽⁹⁾ *Lê dân* 黎民: Dân chúng, thường dân, dân đen (*people, masses*; lê: màu đen); cũng gọi là *lê thứ* 黎庶, *kiềm lê* 黔黎. Tản Thủy Hoàng gọi dân chúng là *kiềm thủ* 黔首 (đầu đen) vì dân thường không đội mũ như các quan.

⁽¹⁰⁾ *Nhược bằng*: Nếu như, nếu mà.

⁽¹¹⁾ *Phổ lệnh trùng răn tam vị Thần*: Ra lệnh cho ba vị Thần đến trùng phạt để răn dạy (xem thêm *Phụ Chú* cuối bài này).

⁽¹²⁾ *Thiên sắc* 天色: Thiên ân chức sắc.

⁽¹³⁾ *Chư nhu* (nhu) 諸儒: Các học trò (cách Ôn Trên gọi các môn đệ Cao Đài).

Nghiêm Tam Kỳ Đại Đạo đến để xem xét. Vậy, truyền lệnh Chánh Hội Trưởng Văn Phòng đệ phúc trình.

(...)

Tham chiếu phúc trình, Ta đã thấy tất cả tâm đạo trong sự thiệt thòi rất đáng thương. Ta cho phép hiền nhu⁽¹⁴⁾ và tất cả đồng an tọa.

Ban Hành Sự sở tại⁽¹⁵⁾ nghe đây!

Những người đã hy sinh lập chùa thất là một điều đáng khen và nên làm, nhưng còn một việc nên làm và đáng khen, đáng quý hơn nữa là chơn tu hành đạo. Nếu có chùa thất mà không có người chơn tu hành đạo, thì như hang chứa rắn độc. Vậy, Ta khuyên Ban Hành Sự nơi đây ráng học đạo tu hành, rèn tâm sửa tánh, bỏ điều tửu nhục,⁽¹⁶⁾ không nên bạc bài,⁽¹⁷⁾ cong lưỡi,⁽¹⁸⁾ chớ nên nói những lời dâm ô thô bỉ,⁽¹⁹⁾ đừng nên nhúng tay vào những việc phi nghĩa bất nhân,⁽²⁰⁾ chớ sát sanh hại vật,⁽²¹⁾ hãy tìm lành lánh

⁽¹⁴⁾ *Hiền nhu*: Chánh Hội Trưởng Văn Phòng Tam Thôn Hiệp.

⁽¹⁵⁾ *Sở tại* 所在: Chỗ này, nơi này (*this location, this place*).

⁽¹⁶⁾ *Bỏ điều tửu nhục*: Không uống rượu và ăn thịt, không nhậu nhẹt. Đây là giới cấm thứ tư trong ngũ giới cấm (Tứ bất tửu nhục).

⁽¹⁷⁾ *Không nên bạc bài*: Có thể xem là giới cấm thứ hai trong ngũ giới cấm (Nhị bất du đạo).

⁽¹⁸⁾ *Cong lưỡi*: Vọng ngữ 妄語, nói xằng, nói thêu dệt, nói không đúng sự thật...

⁽¹⁹⁾ Cùng với lời răn về *cong lưỡi* thì đây là giới cấm thứ năm trong ngũ giới cấm (Ngũ bất vọng ngữ).

⁽²⁰⁾ *Đừng nên nhúng tay vào những việc phi nghĩa bất nhân*: Có thể xem là giới cấm thứ ba trong ngũ giới cấm (Tam bất tà dâm), mặc dù tà dâm là phi lễ.

dữ, hầu độ dẫn thôn lân,⁽²²⁾ rồi đây Thiêng Liêng sẽ chuyển có người đến đây truyền đạo.

Hiện tại, Ta dạy những điều nên làm:

BÀI

Ban Hành Sự nghe đây:

Về đạo đức sớm hôm tu niệm
Dụng tứ thời kiểm điểm thân tâm
Giữ gìn suốt tháng quanh năm
Chớ lơ chớ lãng,⁽²³⁾ hầu tằm lý chơn.

TIẾP BÀI

Tập tánh lành, thua hơn dứt bỏ
Mặc người đời bàn nọ nói kia
Hễ tu, tâm đạo chớ lìa
Thị phi⁽²⁴⁾ cố tránh, rẽ chia chớ bàn.
Về đạo luật khá toan⁽²⁵⁾ học tập
Các quy điều⁽²⁶⁾ phải sắp nằm lòng

⁽²¹⁾ *Chớ sát sanh hại vật*: Đây là giới cấm thứ nhất trong ngũ giới cấm (Nhứt bất sát sanh).

⁽²²⁾ *Thôn lân* 村鄰: Làng xóm, láng giềng trong thôn xóm (*neighbours*).

⁽²³⁾ *Lơ lãng*: Lơ là, xao lãng, không để tâm, không chú ý (*to neglect*).

⁽²⁴⁾ *Thị phi* 是非: Đúng sai, phải trái (*right and wrong*).

⁽²⁵⁾ *Khá toan*: Nên lo, nên liệu mà làm.

⁽²⁶⁾ *Các quy điều* 規條 (điều quy 條規): Các phép tắc, quy định (*regulations*); ở đây có lẽ ngụ ý nói tới *Tứ đại điều quy* (xem Tân Luật, Điều thứ Hai Mươi Hai).

Lễ nghi niêm thức ⁽²⁷⁾ cho thông
Siêng năng tinh khiết rèn lòng trau thân.

Về Văn Phòng:

Dầu ít học ráng cần ⁽²⁸⁾ mà học
Tập cho quen chăm sóc cho tinh
Đến tam cá nguyệt phúc trình
Hết tâm phục vụ Thần Linh hộ trì.

Về cúng kính:

Trước muốn tập đồng nhi lễ sĩ
Mở lớp hầu dẫn chỉ ⁽²⁹⁾ nét na
Nói năng đạo hạnh dung hòa
Kệ kinh học tập mới ra nhi đồng.
Cúng thì phải một lòng thành kính
Tứ thời đều nghiêm tịnh đoan trang
Chớ nên biếng nhác sở sàng
Đã không đăng phước, tội mang vào mình.

Về sinh hoạt tự túc:

Sanh trong chốn phù sinh ⁽³⁰⁾ thế sự ⁽³¹⁾
Mặc ⁽³²⁾ uống ăn lành dữ đổi thay

⁽²⁷⁾ *Niêm thức* 粘式: Luật lệ, phép tắc.

⁽²⁸⁾ *Cần* 勤: Siêng năng, chăm chỉ (*diligent*).

⁽²⁹⁾ *Hầu dẫn chỉ*: Để chỉ dẫn (*in order to instruct*).

⁽³⁰⁾ *Phù sinh* 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh, tạm bợ (*ephemeral floating life*).

⁽³¹⁾ *Thế sự* 世事: Việc đời, việc trần tục (*worldly affairs*).

⁽³²⁾ *Mặc*: Mặc kệ, không bận lòng.

Người tu giữ phận an bài ⁽³³⁾
Sống trong thanh đạm ⁽³⁴⁾ qua ngày mà thôi.

Luật tiền định ⁽³⁵⁾ có rồi ban phát
Dầu bốn ba ⁽³⁶⁾ mua chác chẳng chi
Sống trong nhơn quả bù chài
Phải làm thì sống, sống thì đức tài. ⁽³⁷⁾

Muốn hợp lại sắp bày tự túc
Trước dẫn lòng hòa mục đệ huynh ⁽³⁸⁾
Cân phân ⁽³⁹⁾ tiền bạc lý tình
Hiểu người cũng phải hiểu mình trước tiên.

Phải tự túc ở yên tu học
Phải siêng năng chăm sóc nghĩa nhơn
Đừng vì tiền bạc rẽ phân
Hễ xa đạo đức ắt gần quỷ ma.

Đất nước này Trời Cha ban bố
Cùng hiệp nhau thi thố tía rồng

⁽³³⁾ *An bài* 安排: Đã được sắp đặt đâu vào đấy (*arranged*).

⁽³⁴⁾ *Thanh đạm* 清淡: (Món ăn) giản dị, không cầu kỳ hay mắc tiền.

⁽³⁵⁾ *Tiền định* 前定: Được an bài, sắp đặt sẵn (*predestined*).

⁽³⁶⁾ *Bốn ba* 奔波: Vất vả đi đó đi đây, vội vã chạy đầu này đầu kia để lo toan công việc (*to rush about, to be constantly on the move*).

⁽³⁷⁾ *Thi đức tài*: Đời là trường thi tiến hóa, người tu hành thi đua về tài đức. Trong kỳ hạ nguơn mặt kiếp, Hội Long Hoa là một cuộc thi tuyển chọn những bậc chân tu tài đức.

⁽³⁸⁾ *Hòa mục đệ huynh* 和睦弟兄: Anh em hòa thuận.

⁽³⁹⁾ *Cân phân* 斤分: Đồng đều, bằng nhau (*equal*).

Giống lành mọc khắp Tam Thôn ⁽⁴⁰⁾
Trái lành dân chúng hưởng đồng an vui.

Về tạo tác:

Nay Văn Phòng có rồi hình thức
Tùy đạo tâm xây cất thêm lên
Hy sinh chứng ở tâm bền
Kẻ công người của dựng nên thánh đường.
Lời Ta dạy canh trường ⁽⁴¹⁾ ghi nhớ
Để dặn lòng khi ở trần gian
Tu tâm học đạo vẹn toàn
Đến ngày liễu tử ⁽⁴²⁾ thiên đàng lần chơn.

Hỡi dân chúng nơi Tam Thôn Hiệp!

Thời chiến loạn nhiều cơn điên đảo
Nạn đao binh phong bão bất kỳ
Vật người, người vật khác chi
Cùng trong kiếp nạn khác gì ai ôi!
Giữ lòng nhân thì Trời ủng hộ
Tập tánh lành Thánh độ Thần che
Khắp trong dân chúng kết bè
Ăn chay học đạo mà nghe việc đời.

Nếu có kẻ trái lời Ta dặn
Dám khinh khi ngạo mạn lời khuyên

⁽⁴⁰⁾ *Tam Thôn*: Tức là xã Tam Thôn Hiệp, nay thuộc huyện Cần Giò, TpHCM.

⁽⁴¹⁾ *Canh trường*: Đêm khuya (canh chầy, canh khuya).

⁽⁴²⁾ *Liễu tử*: Xong rồi. *Tử* 死: Chết.

Tam Thần ⁽⁴³⁾ túc trực bệ tiền
Đều do công luật oai liên trị răn.

Khuyên lớn nhỏ làm ăn thủ phận
Đạo với đời giúp lẫn cho nhau
Thích, Nho, Gia, Lão một màu
Cũng đồng nhưn loại đồng bào mà thôi.

Chớ chia rẽ lắm nơi quý kẻ
Một giống nòi thân thể xé phanh
Đạo là chiếc áo mặc lành
Để người tu học cho thành vĩ nhân.

Người quân tử phải gìn giữ Đạo
Kẻ tiểu nhân hoài bão phách phe
Đạo nào cũng một lối lẽ
Thiên đàng địa ngục hai bề xuống lên.

Từ đây ráng xây nền đắp móng
Cho thôn lân mau chóng thái bình
Tam Thần thừa chỉ ⁽⁴⁴⁾ Thiên Đình
Ăn oai sửa trị luật hình thưởng răn.

Các ban hành sự và đạo tâm nơi Tam Thôn Hiệp hãy học thuộc lời Ta dạy.

Từ đây, Tam Giáo Tòa đã phó ban tam vị Thần túc trực nơi đây để xem xét những điều lành dữ và ủng hộ những người chí tâm mộ Đạo. Chư như, chư muội nên biết rằng

⁽⁴³⁾ *Tam Thần*: Ba vị Thần (xem thêm **Phụ Chú** cuối bài này).

⁽⁴⁴⁾ *Chỉ* 旨: Tức là *thánh chỉ* 聖旨, ngọc chỉ 玉旨, mệnh lệnh của Thượng Đế (*God's decree*).

người đã vào làm môn đệ của Đấng Chí Tôn mà đãi nọa⁽⁴⁵⁾ thân tâm, bất cố⁽⁴⁶⁾ phận sự là tội thứ nhứt, có thể khinh giảm được.

Ngũ giới cấm là tội thứ nhì, tội này có thể răn dạy trừng trị được.

Chỉ có tội thứ ba là khinh mạn Tam Giáo, xúi giục chia rẽ, phân phái nập chi.⁽⁴⁷⁾ Tội đó không thể thuyết giảm hay tha thứ được.

Chư như, chư muội hãy ráng tu hành, sang xuân sẽ được hồng ân ban bố. Hiện giờ, nơi đây cần nên khuếch trương về sinh hoạt tự túc và y tế phước thiện. Chừng nào có một số tín đồ hãy lập thành thánh thất nghe.

(...)

Truyền đem các quả tử,⁽⁴⁸⁾ bạch thủy⁽⁴⁹⁾ để Ta bố phép lành và ban ơn cho trong đạo và dân chúng.

(...) Ta ban ơn lành toàn thể trung đàn. Thăng.

*

PHỤ CHÚ

Theo *Kinh Cảm Ứng*, Chương Hai (Giám Sát), trong

⁽⁴⁵⁾ *Đãi nọa 怠惰*: Lười biếng, đồng nghĩa với *giải đãi 懈怠*.

⁽⁴⁶⁾ *Bất cố 不顧*: Không quan tâm, không màng, không đoái hoài (to ignore, regardless of).

⁽⁴⁷⁾ *Phân phái nập chi*: Chia bè đảng, phân chi phái.

⁽⁴⁸⁾ *Quả tử 果子*: Trái cây (fruit).

⁽⁴⁹⁾ *Bạch thủy 白水*: Nước lã, nước lạnh (water).

thân thể mỗi người có ba vị thần cư ngụ, gọi là *Tam Thi Thần 三尸神*. Thần Tam Thi vào ngày Canh Thân lại bay lên thẳng Thiên Tào (Thiên Đình) báo cáo tội lỗi người trần gian.

Theo đạo Lão, ba vị Thần này là:

① *Thượng Thi Thanh Cô*: Trừng phạt con mắt người ta.

② *Trung Thi Bạch Cô*: Trừng phạt ngũ tạng (tim, gan, lá lách, phổi, thận).

③ *Hạ Thi Huyết Cô*: Trừng phạt bao tử.⁽⁵⁰⁾

⁽⁵⁰⁾ 上尸青姑伐人眼，中尸白姑伐人五臟，下尸伐人胃命。Xem Lê Anh Minh, *Thiện Thư*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, tr. 68, 71. (Quyển 17 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.)

5. GIÁO DÂN VI THIỆN

Thánh thất Nam Thành
Tuất thời, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969)

THI

An bài muôn vật chỉ đôi tay
Khắc kỷ⁽¹⁾ cõi lòng thật khó thay
Thành Phật nhờ tâm làm chủ động
Tiểu nhân, quân tử cũng do đây.

QUAN BÌNH TIÊU TƯỞNG

Ta chào chư Thiên mạng, chư Thiên phong chức sắc.
Chào chư liệt vị đạo đức đàn tiên.

Vâng lệnh Đức Hiệp Thiên Đại Đế đến báo đàn, vậy chư
liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Ta chào chung, xin xuất ngoại
thủ lễ. Thắng.

TIẾP ĐIỀN

THI

Quân tử an dân⁽²⁾ mới gọi là
Người tu quốc chánh⁽³⁾ chẳng xông pha

⁽¹⁾ *Khắc kỷ* 克己: Kiểm chế bản thân, kỷ luật với chính mình (*self-restraint, to subdue one's self*), tức là khắc chế bản ngã, trừ khử lòng tự tư tự lợi.

⁽²⁾ *An dân* 安民: Làm cho dân yên lòng (*to pacify the people*).

⁽³⁾ *Quốc chánh* (chính) 國政: Việc chính trị của quốc gia (*national politic affairs*).

Giáo dân vi thiện⁽⁴⁾ làm căn bản
Nguồn gốc gây nên cảnh thái hòa.⁽⁵⁾

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Nhân danh Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ
Độ, Bần Đạo chào chư hiền đệ, hiền muội tam ban.⁽⁶⁾

Giờ nay Bần Đạo giảng đàn, trước để chứng lễ và chúc
mừng Đại Hội⁽⁷⁾ thành công trong tình tương thân hòa ái,⁽⁸⁾
gây niềm phấn khởi trong niên trình hành đạo; sau có đôi
điều chỉ dạy chư hiền đệ, hiền muội trong nhiệm vụ thế
Thiên hành đạo,⁽⁹⁾ phổ độ nhơn sanh hồi tâm hướng
thiện,⁽¹⁰⁾ để xây dựng cảnh đất Thuần trời Nghiêu,⁽¹¹⁾ thiên

⁽⁴⁾ *Giáo dân vi thiện* 教民爲善: Dạy dân chúng làm lành (*to teach people to do good deeds*).

⁽⁵⁾ *Thái hòa* 太和: Cũng như đại hòa 大和, sự hòa hiệp, hòa thuận rất mực, rất lớn (*grand harmony*).

⁽⁶⁾ *Tam ban* 三班: Ba ban hay ba nhóm chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trong bữa điện: ① Nam (bên phải) và nữ (bên trái) ở chánh giữa nhìn vào Thiên Bàn; ② Nữ ở bên trái nhìn vào bàn thờ Đức Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai; ③ Nam ở bên phải nhìn vào bàn thờ Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

⁽⁷⁾ *Đại Hội*: Đại Hội thường niên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, tổ chức vào hai ngày 14 và 15 tháng 2 âm lịch hàng năm.

⁽⁸⁾ *Tương thân* 相親: Thân mến nhau. *Hòa ái* 和藹: Hòa thuận, nhã nhặn, dễ mến (*amiable*).

⁽⁹⁾ *Thế Thiên hành đạo* 替天行道: Thay Trời mà hành đạo.

⁽¹⁰⁾ *Hồi tâm hướng thiện* 回心向善: Hồi lỗi, quay lại đường ngay

hạ thái hòa, muôn dân cộng lạc ⁽¹²⁾ trong tình hảo sanh của Thượng Đế.

Bần Đạo miễn lễ. Toàn thể đàn trung an tọa.

Chư hiền đệ, hiền muội!

Xuyên qua những tiến triển hoạt động trong hai ngày Đại Hội vừa qua, những phát biểu cảm tưởng, những ý kiến được nêu lên trong hội trường, đã nói lên rất nhiều đến lòng ưu tư của Đại Hội đối với tiền đồ ⁽¹³⁾ Đại Đạo.

Bần Đạo vừa dùng hai tiếng thành công nơi đây, không có nghĩa là chư hiền đệ muội thành công trong việc quy nguyên thống nhất ở mặt hình thức xã giao, mà Bần Đạo muốn nói chư hiền đệ muội đã thành công trong tình huynh đệ đạo đồng, thành công trong sự chân tình muốn xây dựng ngôi nhà thương yêu của Đại Đạo, thành công trong sự phối bầy tất cả những tâm tư chân thành, những khúc chiết ⁽¹⁴⁾ vui buồn trong đời hành đạo. Đó là dấu hiệu tốt giữa người đạo và người đạo với nhau.

Đã hơn hai lần, Tam Trần Oai Nghiêm đã nói mỗi phần

nẻo chánh, hướng về điều thiện.

⁽¹¹⁾ *Nghiêu thiên Thuần địa* 堯天舜地: Thời thanh bình như thời của vua Nghiêu 堯, vua Thuần 舜. Chữ Hán còn nói *Nghiêu thiên Thuần nhật* 堯天舜日 (thời Nghiêu, Thuần), ý nói thanh bình gia vô bế hộ, lộ bất thất di 家無閉戶路不拾遺 (nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai nhặt của rơi).

⁽¹²⁾ *Cộng lạc* 共樂: Cùng nhau vui vẻ.

⁽¹³⁾ *Tiền đồ* 前途: Con đường phía trước, ở trước mặt; tương lai tốt đẹp (*good future, prospects*).

⁽¹⁴⁾ *Khúc chiết* 曲折: Phức tạp (*complicated*).

tử cá nhân của người tín hữu cũng như mỗi tổ chức hành đạo trong các chi phái đạo Cao Đài là mỗi hột cát rất tốt, những hột xi măng rất tốt, nhưng đến ngày nay chưa kết thành một bã hồ tốt đẹp đúng mức cho việc xây cất ngôi nhà Đại Đạo duy nhất, là bởi chưa có một bàn tay người thợ lành nghề biết chế nước dung hòa đúng phân độ tỷ lệ giữa các vật liệu ấy. Nghĩ cũng thương thay!

Trong thời gian hơn ba mươi năm trường, ⁽¹⁵⁾ có biết bao nhiêu những người thợ, nhưng chưa lành nghề, đã nóng lòng vì Đạo, đã pha trộn nhiều lần, nhưng các vật liệu ấy vẫn chưa thành một bã hồ tốt đẹp đúng mức.

Từ việc người thợ hồ lành nghề đến việc người đầu bếp lành nghề cũng tương tự trong trường hợp đó. Dầu người đi chợ đem một giỏ vật liệu thực phẩm đắt giá, nhưng người đầu bếp chưa lành nghề cũng không làm sao hấp dẫn được hàng thực khách, mặc dầu người đầu bếp ấy đã cố hết sức mình.

Thử tìm lại nguyên nhân sự không thành công của người thợ hồ và người đầu bếp. Nếu đã đặt vấn đề là đã thấy được cách giải đáp. Tại không ai chịu khó phóng tầm mắt khách quan nhìn lại cách tổng quát mà chỉ nhìn ở khía cạnh cùng tột.

Chư hiền đệ muội thử nghĩ mà xem, mỗi một người thợ, bất cứ ở ngành nào, không phải họ thành công từ trong bụng mẹ, hoặc ngay từ khi bước chân vào đời. Họ thành công nhờ đức khiêm nhượng, biết phục thiện để học hỏi

⁽¹⁵⁾ *Hơn ba mươi năm trường*: Từ nỗ lực đầu tiên để thống nhất đạo Cao Đài là Liên Hòa Tổng Hội (ra đời năm 1935), tính đến lúc Đức Quan Thánh dạy bài này (1969) là ba mươi bốn năm.

những người bạn thợ khác. Họ thành công trong việc làm, họ thành công trong sự dám can đảm nhìn nhận và biết sửa chữa để cải tiến sau mỗi lần thất bại. Họ thành công trong sự ham học hỏi, biết hy sinh, dẹp tự ái, nhốt tự cao, không chủ quan.

Biết rằng những người thợ đồng nghiệp khác cũng chưa lành nghề, nhưng nhờ sự hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm giữa sự thành công và thất bại để bổ sung cho nhau, đương nhiên sẽ lần hồi hết thất bại, đi đến sự thành công hoàn toàn.

Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí,⁽¹⁶⁾ nhưng còn phải học một trò bé Hạng Thác để biết ở khía cạnh công phu. Xem gương ấy, biết đâu trò Hạng Thác chỉ hơn Khổng Tử có một vấn đề ấy mà đã kém hơn Trọng Ni muôn vàn khía cạnh khác.

Bản Đạo mong rằng những điều vừa đan cử⁽¹⁷⁾ trên đây

⁽¹⁶⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài Luyện Kỷ Tu Thân, 11-8 Bính Tý (1936), dạy: “*Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí. Tánh mạng công phu thử bất minh. Vãng Trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư. Lão tác đồ ti thiếu vi tôn.*” 天生孔子真奇智. 性命功夫始不明. 往陳路遇項橐為師. 老作徒卑少為尊. (Trời sanh Khổng Tử có trí tuệ thật sự phi phàm; nhưng ban đầu chưa hiểu rõ về công phu tu tánh luyện mạng. Trên đường qua nước Trần, Đức Khổng Tử gặp Hạng Thác và bái làm thầy; người lớn tuổi xem đứa nhỏ thấp hèn là cao quý.) Hạng Thác là thần đồng bảy tuổi, hỏi nhiều câu khiến Đức Khổng Tử (Trọng Ni) không trả lời được. *Tam Tự Kinh* 三字經 viết: *Tích Trọng Ni sư Hạng Thác.* 昔仲尼師項橐 (Ngày xưa Trọng Ni xem Hạng Thác là thầy.)

⁽¹⁷⁾ *Đan (đơn) cử* 單舉: Nêu ra.

cũng là những món quà chân tình của Tam Trấn Oai Nghiêm để kỷ niệm chư hiền đệ muội trong kỳ Đại Hội này.

Ngày nay Bản Đạo đã vượt qua khỏi số kiếp của người tướng dùng võ lực để tế thế an bang,⁽¹⁸⁾ trở lại phục vụ Thượng Đế trong việc giáo dục quần sanh⁽¹⁹⁾ buổi Tam Kỳ Phổ Độ này. Tuy nhiên, cũng muốn nhắc lại một vài điểm nhỏ của thời oanh liệt chí khí hiên ngang. Một người tướng lãnh đạo hùng binh, một vị đế vương cai trị một sơn hà, một bậc giáo chủ lãnh đạo tinh thần một tôn giáo, giữa công và tội vẫn ngang nhau. Hậu thế lịch sử chỉ ghi cái thành công, cái thất bại hoặc danh nghĩa tốt đẹp hay xấu xa của ba giới lãnh đạo ấy, là chỉ ghi phần đại cương ở mặt hình thức, ở việc làm mắt thấy tai nghe, chớ lịch sử làm sao ghi được tâm trạng ưu tư hoặc cách xử sự của ba giới ấy. Nhưng đó là điểm rất quan trọng.

Trong khi điều hành phận sự, những người ấy hoặc là tâm tư tan nát, khổ sở vì muôn người hạ thuộc⁽²⁰⁾ chưa toại hưởng mục đích của mình đã vạch, hoặc họ vì một tư ý tư lợi tư danh, chỉ để lộ bên ngoài những lớp sơn khéo léo, chải chuốt nghi trạng⁽²¹⁾ mỹ thuật. Khác nhau là ở chỗ ấy.

Cho đến ngày nay, những hàng sĩ khí⁽²²⁾ còn đâu tá!⁽²³⁾

⁽¹⁸⁾ *Tế thế* 濟世: Giúp đời, cứu đời (*to help the world*). *An bang* 安邦: Làm cho đất nước yên bình (*to pacify a country*).

⁽¹⁹⁾ *Quần sanh (sinh)* 群生: Cũng như *chúng sinh*, con người nói chung (*all living beings, human beings*).

⁽²⁰⁾ *Hạ thuộc* 下屬: Những người dưới quyền (*subordinates*).

⁽²¹⁾ *Nghi trạng* 儀狀: Dáng vẻ bề ngoài (*appearance*).

⁽²²⁾ *Sĩ khí* 士氣: Chí khí của kẻ sĩ, của người có học (*the*

Những bậc sĩ phu ⁽²⁴⁾ ở phương nào?

Nhìn đám sanh linh dân đen thấp cổ bé miệng trông ngóng những ân huệ tận hàng lãnh đạo của mình ban bố trong tuyệt vọng, nghĩ mà thương! Nghĩ mà thương cho đời nhân sanh trong buổi loạn ly này. Tội nghiệp thay cho tập thể dốt nát không đường hướng, không mục đích, mà tự chẳng biết mình, lại luyện đá vá trời, ném hoa lấp biển, được ngày nào hay ngày nấy.

Chư hiền đệ, hiền muội!

Luận về phần con người, mỗi hiền đệ muội là một công dân của đất nước, tất nhiên mỗi người phải có trách vụ thương yêu đất nước dân tộc của mình. Ngoài bốn phận công dân thường nhật, chư hiền đệ muội lại có một vai trò khác nữa là người tu thân hành thiện, hay nói cao hơn nữa là hàng giáo dân vi thiện.

Giáo dân vi thiện là làm gì? Có phải mong cho họ tu hành đắc đạo để thành Phật Tiên, Thánh Thần hầu về toại hưởng thú non bồng nước nhược, bồng lai tiên cảnh chăng?

Hỏi, tất phải trả lời rằng đúng, nhưng chỉ đúng có một phần nửa phần sau mà thôi.

Bản Đạo muốn nhắc lại câu kinh mà Đức Thái Thượng Đạo Tổ đã khảo sát chư hiền đệ vừa qua.⁽²⁵⁾ Đó là: *Khai*

learned's morale).

⁽²³⁾ *Tá*: Từ đặt cuối câu hỏi, cũng như: *hả, hử, hừ?* Bà Huyện Thanh Quan viết: *Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?* (Cảnh cũ còn đây mà người xưa đâu rồi hử?)

⁽²⁴⁾ *Sĩ phu* 士夫: Những người có học thức, giới trí thức của một nước, một xã hội (*the intelligentsia*).

⁽²⁵⁾ Lời dạy trong đàn cơ tại thánh thất Nam Thành, Tuất thời,

nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu; thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung.⁽²⁶⁾ Đổng ngoặc đơn chữ *chúa* [主], gạch phía trên là chữ *quốc* 国. Hiểu được lý nghĩa sâu sắc của câu kinh ấy và thực dụng nó vào trong đời hành đạo của mỗi người tín hữu là đã bắt đầu đứng ở phân nửa phần đầu câu trả lời bên trên.

Như vậy thì người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác. Làm thế nào trong một khoảng thời gian ngắn hoặc dài, hoàn thiện hóa hầu hết dân tộc của chư hiền đệ muội. Đó mới hoàn toàn thành công trong đời tu thân hành đạo.

Nếu trong một quốc gia, từ cấp lãnh đạo đến cùng dân ⁽²⁷⁾ đều hoàn thiện, có bốn phận trên xem dưới như con cháu tay chơn, dưới xem trên như cha anh mắt mũi, thì lo

14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽²⁶⁾ *Khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu; thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung*. 開人心必本於篤親之孝; 壽國脈必先於致主之忠. Giáo dục đạo đức cho con người đặt trên căn bản là hết lòng hiếu kính cha mẹ; giữ lâu bền mạch nước (văn hóa quốc gia, v.v...) thì điều trước tiên tất nhiên là phải hết lòng trung thành với Tổ Quốc.

Hai câu này là một cặp đối rất chỉnh. Câu trước nói chí hiếu (*dốc thân chi hiếu*) là dạy cái đạo làm con trong gia đình. Câu sau nói tận trung (*trí chúa chi trung*) là dạy cái đạo làm dân trong một nước. Có đủ vẹn toàn cả hiếu lẫn trung là vẹn tròn nghĩa vụ với gia đình và quốc gia, là chu toàn cái đạo làm người, hay nhân đạo của nhà Nho.

⁽²⁷⁾ *Cùng dân* 窮民: Những người nghèo khổ (*the poor*).

gì nước nhà không thanh trị, thiên hạ chẳng thái hòa. Đó là tôn chỉ, mục đích chánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở phần nhân sanh thế đạo.

Chư hiền đệ muội đừng bao giờ có ý nghĩ này: Vào đạo để độ thiện kỳ thân,⁽²⁸⁾ đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng trời đẹp loạn.

Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi,⁽²⁹⁾ cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có ý nghĩa gì hết.

Thượng Đế khai Đạo chỗ nào nhân sinh khổ sở, tăm tối điêu linh,⁽³⁰⁾ để kéo dân tộc ấy được ra nơi quang minh xán lạn,⁽³¹⁾ đồng quyền hạnh, ngang nhau với các giống dân khác.

Tình Thượng Đế đối với chúng sinh như tình cha mẹ đối với đàn con. Nếu có đem chia bánh trái, tiền tài, sản nghiệp thì cũng lấy lẽ công bằng, nhưng khác hơn một điểm là cha mẹ luôn luôn nâng đỡ đưa con bị trong đàn bực hiếp. Bàn Đạo mong rằng tất cả mỗi người tín hữu Cao Đài đều phải quan niệm chữ tu như vậy.

Bàn Đạo cũng nhắc trở lại câu “... *tự đóng cửa hoặc vào hang sâu rừng thẳm để mọc cánh, hoá vô hô phong, trừ tà dẹp loạn như những việc ở truyện Tây Du, Phong Thần*”.

⁽²⁸⁾ *Độc thiện kỳ thân* 獨善其身: Tốt đẹp riêng cho bản thân.

⁽²⁹⁾ *Suy vi* 衰微: Sa sút, kém cỏi, lụn bại (*to decline*).

⁽³⁰⁾ *Điêu linh* 凋零: Rơi rụng tan tác, suy bại rồi rã.

⁽³¹⁾ *Xán lạn* 燦爛: Sáng chói, rực rỡ (*brilliant, splendid*).

Nếu thế hệ này mà còn có quan niệm ấy, chư hiền đệ sẽ bị cô lập với chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Dẹp loạn không có nghĩa là giết loạn cho nhiều mà họ không hiểu tại sao bị giết. Không hoá cái⁽³²⁾ tư tưởng, ý thức, hiểu biết của họ thì dù có giết hết ngày này, tháng sau, năm tới và nhiều năm tới nữa cũng không hết loạn. Chỉ có một điều là đem kiến thức đạo lý hoá cái lòng người, tự nơi họ không làm lỗi thì cần gì phải dẹp loạn với phương tiện tàn sát.

Nếu mỗi một tín hữu làm sao độ được mười hai bạn khác hiểu đạo, hành đạo thì Bàn Đạo tin rằng một thời gian không lâu, thánh đường mọc lên như nấm, khám đường dẹp bỏ lần lần, để làm kho dự trữ phẩm vật cứu tế xã hội hoặc làm học đường, hoặc làm cô nhi, dưỡng lão viện.⁽³³⁾ Cười... cười... Thôi, luận về đạo đời với chư hiền bao nhiêu cũng đủ để học rồi.

(. . .)

Bàn Đạo ban ơn chung tất cả. Bàn Đạo xin giã từ. Thăng.

⁽³²⁾ *Hoá cái* 換改: Thay đổi từ xấu thành tốt (*to make better*).

⁽³³⁾ *Cô nhi, dưỡng lão viện* 孤兒院, 養老院: Viện nuôi trẻ mồ côi và người già.

6. ĐỨC TÍNH CỦA NGƯỜI TU

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
Tuất thời, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971)

TIẾP ĐIỀN THI

Tam Kỳ phổ độ cõi Nam thiên⁽¹⁾
Tam Trấn Oai Nghiêm nắm mối giềng
Thay mặt Chí Tôn truyền đạo pháp
Dắt người trở lại cõi tiên thiên.⁽²⁾

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Lão chào mừng chư hiền đệ, hiền muội. Lão miễn lễ.
Đàn trung đồng an tọa.

(...)

Chư hiền đệ muội!

Trong giới tu hành, đức tính khiêm tốn và tinh thần phục thiện⁽³⁾ là hai trong những đức tính cần thiết để giúp đỡ người tu thân lập hạnh, hành đạo độ đời, đi đến nơi đến chốn.

(...)

⁽¹⁾ *Tam Kỳ phổ độ cõi Nam thiên*: Kỳ Ba phổ độ cõi trời Nam.

⁽²⁾ *Cõi tiên thiên*: Cõi trời; khác với cõi hậu thiên là cõi người.

⁽³⁾ *Phục thiện* 服善: Nghe theo điều tốt, điều phải (*to listen to reason*). Đức tính khiêm tốn và tinh thần phục thiện nói gọn là *hư kỷ phục thiện* 虛己服善 (xem cái ta trống rỗng, không có ta; nghe theo lẽ phải).

Chính vì con người còn lỗi lầm, còn gây điều trái đạo, lâm vấp tội ác, gây nên bao nhiêu điều oan khiên nghiệp chướng như nghiệp ý, nghiệp khẩu, nghiệp thân, đó là cái mầm đưa con người đến vòng luân hồi chuyển kiếp để đền báo nghiệp căn. Thế nên Thượng Đế đã và đang dùng mọi hình thức khai đạo độ đời cho người đời biết đâu là chánh đâu là tà, lẽ nào hư điều nào nên, việc nào nên làm nên nói, điều nào nên cứ nên kiêng.

Đạo lý dạy người đời tu thân lập hạnh để hoàn thiện hóa bản thân, trở nên hàng hiền nhân thánh thiện, chớ nếu con người đã hoàn thiện rồi thì Thượng Đế cùng chư Phật Tiên Thánh đâu còn đến thế gian để độ đời nữa.

Thế nên người tu phải làm gì?

Đã là con người giữa sự thiện ác, phải trái, nên hư, phước tội đều lẫn lộn trong nếp sống thường nhật, ví như dòng nước nơi khe suối nương rạch đang cuộn cuộn chảy, đục trong lẫn lộn, cặn cẩu hòa lẫn.

Vào đạo tu thân, trước hết là xem kinh đọc sách đạo, học tập thánh ngôn thánh giáo để thanh lọc tư tưởng, gội rửa tánh xấu, hầu xa lìa những ngôn ngữ tổn đức thất nhân tâm, tránh không làm những điều tội lỗi, tập làm những điều nhân việc thiện. Ban đầu hơi ngỡ ngàng đối với người đã quen tánh cũ, nhưng phải cố gắng bền chí thanh lọc ngày ngày tháng tháng như câu *Nhật tụ nguyệt tăng* hay *Nhật nhu nguyệt nhiễm*.⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ *Nhật (nhật)* 日: Ngày. *Nguyệt (ngoạt)* 月: Tháng. *Tụ* 聚: Tích tụ, gom chứa, tụ tập. *Tăng* 增: Tăng thêm. *Nhu* 濡: Thấm ướt. *Nhiễm* 染: Nhuộm, nhiễm vào, lây, ngấm sâu. *Nhật tụ nguyệt tăng*: Tích tụ lâu ngày dài tháng thì sẽ tăng lên nhiều. *Nhật nhu*

Dòng nước sông, múc vào chậu, để yên sẽ được lắng trong phần trên và thải hồi phần cặn cẩu. Người tu hành siêng năng bền chí thanh lọc trau sửa bản tâm bản tánh lần hồi sẽ trở nên thuần lương thánh thiện.

Phật Tiên Thánh Thần ngày nay ngày xưa được trọn tốt trọn lành đều phải trải qua những giai đoạn thanh lọc ấy. Có nhiều bậc Phật Tiên Thánh Thần trước kia cũng mang thể xác làm người, cũng lâm vấp những thói hư tật xấu như ai, nhờ biết khiêm tốn học hỏi, biết phục thiện để chữa lỗi, chấp nhận lời lành, ý hay, lẽ tốt, để trau sửa bản tâm, rèn luyện bản tánh mới có thể tiến hóa lần từ kiếp người đến hàng Thần Thánh Tiên Phật.

Đức tính khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món bửu bối quý giá vô cùng để giúp người tu thân hành đạo có được những cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhân từ khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện. Đó là tu vậy.

Tu là sửa đổi từ dữ ra hiền, từ hư được nên, sửa đổi từ xấu thành tốt, từ phạm nhân ra thánh nhân. Tu cũng là tu bỏ những chỗ hư hỏng thiếu sót để được hoàn mỹ chí thiện chí nhân⁽⁵⁾ vậy. Nếu không sửa đổi cải thiện, khiêm tốn học hỏi điều lành, phục thiện để nhận những chỗ sai hầu chữa cải, dầu tu trọn đời mãi kiếp thì phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.

ngoạt nhiễm: Thấm ướt lâu ngày dài tháng thì sẽ ngấm vào.

⁽⁵⁾ *Chí 至*: Tột độ, tột bậc. *Chí thiện 至善*: Tốt lành tột bậc (*the most virtuous*). *Chí nhân 至仁*: Lòng thương người thương vật tột bậc (*the most benevolent*).

Chữ tu, thí dụ như việc ăn chay. Nếu việc ăn chay không ý thức được về vệ sinh y học, không ý thức được lòng công bình quý trọng mạng sống loài vật, không ý thức được lòng nhân từ, không ý thức được sự lắng trọc phân thanh, thì ăn chay cũng như ăn kham khổ đối với những người nghèo khó không tiền mua thịt cá tôm tép, chỉ mua rau chấm tương hầm hút thể thôi.

(...)

Chư hiền đệ muội!

Trước hết Lão nói điều này để chư hiền lưu ý mà an lòng hành sự.

Ở thế gian, dầu ai mang danh là đạo đức cao niên cũng vẫn còn trong vòng thế gian. Nhân tình thế thái như vậy: Nếu chư hiền đệ muội nghèo đói dốt nát, không ai để ý ghen tỵ xiêm gièm. Một khi chư hiền đệ muội khá giả học rộng, có được địa vị trong xã hội hoặc trong tôn giáo, thì tức khắc có không biết bao nhiêu sự đố kỵ xiêm gièm chen vào giành giật phá tán.

Đã là hàng hướng đạo, phải xem thường việc ấy, cố gắng lấy đức khiêm tốn, lòng khoan dung, chí nhẫn nại ôn hòa, tùy thời để hành phận sự đến nơi đến chốn. Lão sẽ đến hộ trì chư hiền đệ muội trên việc làm chánh đạo.

(...)

THI

Hướng đạo ngại chi lúc bại thành,⁽⁶⁾
Thuyền ra bể cả⁽⁷⁾ gặp chòng chênh,

⁽⁶⁾ *Lúc bại thành*: Lúc thất bại hay lúc thành công.

Sóng to gió lớn qua giây lát,
Mặt biển phẳng lờ trở lại nhanh.

Chư hiền đệ muội an tọa. Lão chứng cho nổi ưu tư vì đạo của chư hiền đệ muội và cũng nói thêm điều này:

Đạo rộng lớn bao trùm. Hễ lớn thì bao trùm cả vạn vật, nhưng khi nhỏ thì ẩn tàng trong chỗ tế vi. Đừng ai lấy thúng mà úp Đạo. Đừng ai toan lấy bao mà thắt chặt Đạo trong ấy. Cũng đừng ai lấy Đạo làm của riêng tư cho mình, mà phải có bốn phần xương minh ⁽⁸⁾ chánh pháp, đem lý Đạo phổ truyền khắp chốn khắp nơi.

Chùa thất cũng thế. Chí Tôn dạy lập chùa thất là một hữu hình trụ tướng để thể hiện quyền pháp của Trời. Đó là một phần nhỏ. Còn phần trọng đại là làm nơi quy tụ nhơn sanh để hướng dẫn mọi sinh hoạt đạo lý, phổ truyền giáo lý, thức tỉnh người đời. Nơi chùa thất là để chung cho nhơn sanh đến đó nghe đạo, học đạo, để hành đạo, không đặc ân riêng cho một anh lớn, chị lớn hay em nhỏ trong giai cấp nào hết. Chỉ ngại e là có chùa thất rồi mà không người hành đạo, rất thiếu người chăm sóc đốt hương, đánh chuông, thay tam bửu vậy thôi.

Trong nếp sinh hoạt tại chùa thất gồm có hai phần:

- Một phần tu tịnh, để tịnh dưỡng tu đơn, dùng điền lành hỗ trợ cho sự bằng an, sung túc của nơi đó.
- Một phần khác nữa là ngoại giáo công truyền, gồm có giảng đạo, phước thiện xã hội và hành chánh đạo, để cho hệ

thống của guồng máy hành chánh được lưu thông điều hòa.

Nếu không vì những nhu cầu ấy, Chí Tôn đã không dạy lập chùa thất.

Còn nói rằng nơi tu tịnh không được chen vào những sinh hoạt ồn ào, thì Thượng Đế sẽ ngự luôn ở Bạch Ngọc Kinh chứ không vào cõi đời ô trược đầy xấu xa tội lỗi này.

(...)

Chư hiền đệ muội cũng nên nhớ lời này mà Thiêng Liêng hằng dạy: Đừng sợ không có địa vị xứng đáng trong đạo, chỉ sợ e mình thiếu tư cách tác phong đạo hạnh để được nhơn sanh tín nhiệm vào địa vị ấy. Đừng sợ Trời không ban hồng phước ⁽⁹⁾ ân huệ cho mình, chỉ sợ e mình không tu hành để được xứng đáng cho Trời ban ân huệ mà thôi, v.v...

(...)

Lão ban ơn chung tất cả chư hiền đệ muội từ lớn chí nhỏ hiện diện đàn hôm nay. Lão hẹn một dịp khác sẽ giúp giải quyết những tâm nguyện của chư hiền đệ muội.

Lão già từ, lui điên. Thăng.

⁽⁷⁾ *Bể cả*: Biển lớn, đại dương 大洋 (*vast ocean*).

⁽⁸⁾ *Xương minh* 昌明: Làm cho sáng tỏ nghĩa lý để mọi người thấu hiểu.

⁽⁹⁾ *Hồng phước* (*phúc*) 洪福: Phước lớn.

7. MINH ĐỨC ĐỂ QUY NGUYÊN THỐNG NHẤT ĐẠI ĐẠO

Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo, Vĩnh Bình)
Tuất thời, 26-8 Nhâm Tý và Tý thời, 27-8 Nhâm Tý
(03 và 04-10-1972)

TIẾP ĐIỀN
NGÂM

HIỆP hòa nhơn loại đông tây
THIÊN thời, địa lợi, tam tài cộng thông ⁽¹⁾
ĐẠI bi, đại nguyện, đại đồng
ĐỂ vương chi đạo ⁽²⁾ ân hồng cả chan ⁽³⁾
QUAN san hề ⁽⁴⁾ bước quan san ⁽⁵⁾

⁽¹⁾ *Cộng thông* 共通: Chung đồng, cùng chung (*in common*).
Thiên thời, địa lợi, [nhân hòa,] tam tài cộng thông: Ba tài (trời, đất, người) cùng hòa với nhau, tương thông nhau (*the three powers are in common*).

⁽²⁾ *Đế vương chi đạo* 帝王之道: Đạo đế vương, *vuông đạo* 王道 đường lối cai trị dựa trên nhân nghĩa, đạo lý (trái ngược lại là *bá đạo* 霸道: Đường lối thống trị dựa trên bạo lực, áp bức, hình pháp, v.v...).

⁽³⁾ *Ân hồng*: Hồng ân 洪恩, ân to tát. *Cả chan*: Chan rưới thật nhiều.

⁽⁴⁾ *Hề* 兮: Đặt ở giữa câu hay ở cuối câu, tương đương như *Ôi*, biểu thị cảm thán.

⁽⁵⁾ *Quan* 關: Cửa ải (*mountain pass*). *San* (son) 山: Núi non (*mountain*). *Quan san* 關山: Đường sá xa xôi, núi non cách

THÁNH nho hiền sĩ mở đường hóa dân ⁽⁶⁾
ĐỂ cung quân nhứt tâm thân
QUÂN thần tương đắc, quan dân tương hòa.

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐỂ QUAN THÁNH ĐỂ QUÂN

Lão đại hỷ chư Thiên mạng hướng đạo.⁽⁷⁾ Mừng chư hiền đệ, hiền muội đàn trung. Thể theo tôn ý của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh,⁽⁸⁾ Lão Đế Quân giáng đàn giờ này trong ngày kỷ niệm một vị Sư Biểu ⁽⁹⁾ Thánh Đạo trong hàng Tam Giáo.

Lão rất hoan hỷ thấy chư Thiên mạng Giáo Hội Tiên Thiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cùng với sự thành tâm

trở. *Quan san hề bước quan san*: Xa xôi, ôi bước đường xa xôi!

⁽⁶⁾ *Hóa dân* 化民: Giáo hóa dân chúng; dạy dỗ và mở mang văn hóa, đạo đức cho dân chúng.

⁽⁷⁾ *Thiên mạng* (mệnh) 天命: Người tu đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành). *Hướng đạo* 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽⁸⁾ *Văn Tuyên Khổng Thánh* 文宣孔聖: Năm 739 vua Đường Huyền Tông tôn xưng Đức Khổng Tử là Văn Tuyên Vương 文宣王 (vị vương có học văn lỗi lạc: *Prince of Illustrious Learning*).

⁽⁹⁾ *Sư* 師: Bắt chước, noi theo (*to imitate*). *Biểu* 表: Kiểu mẫu (*pattern, example*). Đức Khổng Tử được tôn xưng là Vạn Thế Sư Biểu 萬世師表 (kiểu mẫu để muôn đời noi theo: *the eternal paragon*; vị thầy kiểu mẫu của muôn đời: *the model teacher of every age*).

tổ chức của Ban Trị Sự Minh Đức Nho Giáo sở tại và tinh thần tương đắc của cấp lãnh đạo trung ương, đồng thời Lão cũng không quên chứng lòng thành của toàn thể đạo hữu hay đồng bào đến tham dự ngày lễ này.

Tâm thành ấy, tinh thần cao cả ấy sẽ được Thiêng Liêng ghi nhận và hiện giờ hãy cùng tịnh tâm để nghe Lão bày tỏ một vấn đề liên hệ đến ý nghĩa của ngày kỷ niệm ngỗ hầu làm một món quà đáp lại lòng thành trong toàn thể. Ban ơn đàn trung an tọa.

Này chư hiền đệ, hiền muội!

Cuộc hội ngộ nơi đây dù chư hiền là người trong các phái Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dù là chư hiền trong tôn giáo của các Đấng trọn lành từ xưa tới nay, dù chư hiền là một tổ chức tín ngưỡng có tính cách bảo tồn truyền thống văn hóa đạo đức, hay dù chư hiền là người của một người trong xã hội hiện nay, điều mà Lão muốn trình bày là mình đức⁽¹⁰⁾ trong con người Đại Đạo. Thiết tưởng, hầu hết đều cần lãnh hội để sống cho chính mình, cho chính xã hội thể nhân hay tôn giáo mình được tròn đầy ý nghĩa.

THI

Đức sáng từ lâu đã nhạt mờ
Khiến không còn biết thực hay mơ

⁽¹⁰⁾ *Minh đức* 明德: Đức sáng (*illustrious virtue*). Sách Đại Học nói *minh minh đức* 明明德 là làm sáng cái đức sáng (*to illustrate illustrious virtue*). Cái đức sáng bị khí chất ràng buộc và lòng nhân dục che lấp nên mờ tối, vì thế người tu học cần phải làm sáng cái đức sáng ấy, giống như hạt ngọc bám bụi mà mờ tối, khi được lau sạch bụi thì trở lại sáng rõ như cũ.

Để bao tang tóc gây thương hải⁽¹¹⁾
Mà dốc tâm tư những đợi chờ.

HỰU

Chờ đợi ngày mai ló ánh hồng
Con thuyền cứu rỗi vượt dòng sông
Đem về bỉ ngạn⁽¹²⁾ chân thường⁽¹³⁾ đó
Mới toại bình sinh⁽¹⁴⁾ một tấm lòng.

Hỡi chư hiền đệ, hiền muội!

Trước khi nhìn rõ hơn về mình đức, cũng nên có một cái nhìn sơ qua về Đại Đạo; hơn nữa, con người Đại Đạo.

Đã biết Đạo là cái gì bất khả ngôn bất khả thuyết,⁽¹⁵⁾ nhưng nó hiện hữu mọi nơi, mọi thời mà mang cho quần sinh một sức sống miên trường,⁽¹⁶⁾ không hư mất từ đời này

⁽¹¹⁾ *Thương hải* 蒼海: Biển xanh. Do câu *Thương hải biến vi tang điền* 蒼海變爲桑田 (biển xanh hóa thành ruộng dâu), nói tắt là *thương hải tang điền* hay *tang thương* để nói tới biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời; cùng nghĩa với cuộc dâu biển hay biển dâu (*life's vicissitude*).

⁽¹²⁾ *Bỉ ngạn* 彼岸: Bờ bên kia, bờ giác ngộ, chốn giải thoát (*the other shore*). Bờ bên này là *mê tân* 迷津 (bờ mê). Từ bờ mê vượt qua sông mê thì tới bờ giác ngộ, gọi là *đáo bỉ ngạn* 到彼岸 (tới bờ bên kia, giác ngộ, giải thoát: *paramita*).

⁽¹³⁾ *Chân (chơn) thường* 眞常: Bền vững thực thụ, lâu dài đích thực (*truly permanent*).

⁽¹⁴⁾ *Bình sinh* 平生: Suốt cả cuộc đời (*all one's life*).

⁽¹⁵⁾ *Bất khả ngôn bất khả thuyết* 不可言不可說: Không thể nói được, không thể diễn bày được (*unable to say nor to express*).

⁽¹⁶⁾ *Miên trường* 綿長: Liên tục và dài lâu (*everlasting*).

sang đời nọ, từ nơi này sang nơi khác, để thị hiện cái đức sinh tồn của Tạo Hóa bằng tình thương Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.

Nói một cách khác, nơi đâu cũng có Đạo. Lớn thì như vũ trụ, nhỏ thì như hạt vi trần⁽¹⁷⁾ nguyên tử, không chia phân, không ngăn cách, không bảo thủ, không cố định đến nỗi cứng nhắc, cô đọng một chiều.

Như vậy, tính chất Đạo ấy được phổ vào con người giác ngộ hay con người đã chịu nhận mình là tín đồ trong cái Đạo lớn ấy, và người tu theo Đại Đạo không phải chỉ mang mặc một hình thức, một danh từ cao siêu vô hồn ấy thôi, còn phải nhờ những cố gắng tu tập hành đạo để cái minh đức hay cái đức sáng trong con người được luôn luôn sáng suốt để soi đường dẫn lối cho mình, cho thiên hạ. Đó là điều kiện tất yếu⁽¹⁸⁾ phải có của người tự nhận là tín đồ Đại Đạo.

Chư hiền đệ, hiền muội ôi!

Đã hằng bao thế kỷ rồi, hằng bao tiếng gọi của tình thương khắp cả rồi, đều đã chưa đem lại cho dân tộc này, cho nhân loại này một đời sống hoàn toàn hạnh phúc.

Sự tình ấy không có gì khó hiểu cả. Tất cả do con người chưa làm sáng được cái đức sáng của mình và chưa quy nhứt⁽¹⁹⁾ được tâm linh cân não của mình, để nó mờ mờ mịt

⁽¹⁷⁾ *Vi trần* 微塵: Hạt bụi cực nhỏ.

⁽¹⁸⁾ *Tất yếu* 必要: Rất cần thiết, không thể thiếu được (indispensable).

⁽¹⁹⁾ *Quy nhứt* 歸一: Trở về một (to return to the oneness).

mịt, lâu đời hóa ra sa đọa từ ý thức, từ việc làm sai lẽ đạo mà mình lại tưởng là đúng. Thế rồi, bởi những cái đúng sai biệt⁽²⁰⁾ của từng người va chạm nhau thành một cuộc đời hỗn loạn, thành một bản hòa tấu lộn xộn sai cung lỗi nhịp.

Cho nên, điều quan trọng của người sứ mạng, của người ý thức được sự mất còn của tinh thần nhân loại là việc làm sáng lại cái tâm linh, cái đức sáng hằng hữu hư linh bất muội⁽²¹⁾ nơi mình ngõ hầu thấy được chân lý đích thực trong lẽ Đạo Trời, không hẹp hòi nê chấp⁽²²⁾ từ hình thức, từ chữ nghĩa, từ danh xưng, để mà hòa vào nhịp điệu hằng

⁽²⁰⁾ *Cái đúng sai biệt*: Cái đúng không giống nhau giữa người này với người khác (different truths).

⁽²¹⁾ *Hư linh bất muội* 虛靈不昧: Sáng rõ, không mờ tối vì không bị che lấp (unclouded and illustrious). Cụm từ *hư linh bất muội* bắt nguồn từ chú thích của Chu Hy 朱熹 về từ *minh đức* trong sách *Đại Học*: Đức sáng là cái mà con người có được từ Trời. Nó sáng rõ không mờ tối và có đủ các nguyên lý để ứng với mọi sự. Nhưng cái đức sáng ấy vì bị khí bầm ràng buộc và bị lòng ham muốn của con người che lấp, nên có lúc bị mờ tối. Tuy vậy về sáng của cái bản thể của nó chưa từng bị ngưng lại. Do đó, người tu học nhân lúc cái đức sáng ấy mới phát thì phải làm sáng nó, để trở về sự sáng rõ ban đầu.

(*Minh đức giả, nhân chi sở đắc hồ thiên, nhi hư linh bất muội, dĩ cụ chứng lý nhi ứng vạn sự giả dã. Đãn vi khí bầm sở câu, nhân dục sở tế, tắc hữu thời nhi hôn, nhiên kỳ bản thể chi minh, tắc hữu vị thường tức giả. Cố học giả đương nhân kỳ sở phát nhi toại minh chi, dĩ phục kỳ sơ dã.*)

明德者, 人之所得乎天, 而虛靈不昧, 以具眾理而應萬事者也. 但為氣稟所拘, 人欲所蔽, 則有時而昏. 然其本體之明, 則有未嘗息者. 故學者當因其所發而遂明之, 以復其初也.

⁽²²⁾ *Nê chấp*: Chấp nê 執泥, cố chấp, chấp nhất, câu nệ.

sống của người với người, không tự cho mình là phải một cách tuyệt đối để phủ nhận giá trị của người khác. Ngăn ấy thái độ cũng đã là một tác động quy nguyên thống nhất rồi vậy.

Chư hiền đệ, hiền muội!

Mỗi khi nghe đến ngôn từ quy nguyên hay thống nhất, hãy lưu ý cho là không có nghĩa rằng phải gom về độc khối⁽²³⁾ thể tướng danh từ hay việc làm theo đường lối của từng địa phương, từng hoàn cảnh, vì đó không phải là nguồn gốc. Hễ không phải là nguồn gốc mà cứ lo nâng niu vun tưới thì không bao giờ tươi tốt được. Vậy căn bản của sự thống nhất quy nguyên là tự ở lòng người mà ra.

Chư hiền hãy nhìn xem! Kia ánh sáng ngọn đèn được đúng mức giúp soi sáng một miền trọn vẹn vì nó có sự thống nhất nội tại. Nếu bóng đèn kia không có sự nhất quán hay thống nhất thì tia sáng sẽ chỉ phôi thành muôn ngàn mảnh từ dưới lên trên, từ ngang qua dọc.

Những nhà tu khổ hạnh đạt được thần thông, đi trên cao mà không rớt, nhờ họ có lẽ nhất quán nơi mình. Vì thiếu thống nhất tư tưởng, con người sẽ bị thiên lệch ngửa nghiêng đi.

Hay nhìn ra, thấy sự mênh mông của bề bề, vì trong lúc ấy mọi ba động⁽²⁴⁾ đều tập trung dưới lòng đáy, không còn tản mát đó đây để làm thu hẹp mặt bề. Được vậy là nó nhờ sự thống nhất, sự quy nguyên theo nẻo quy tâm trong luật Đạo tuần hoàn.

⁽²³⁾ *Độc khối* 獨塊: Một khối duy nhất.

⁽²⁴⁾ *Ba* 波: Sóng (wave). *Ba động* 波動: Chuyển động của sóng (wave motion).

Như thế, chư hiền đệ, hiền muội đã có sứ mạng làm người dẫn đạo tinh thần cho nhơn sanh, hãy thường xuyên thực hành sự thống nhất tâm linh để rồi cảm hóa trong xã hội nhơn loài. Vì rằng bao giờ tự thân mỗi người chưa được quy nhất thì xã hội nhân loài cũng vẫn rời rạc chia ly trong mọi chiều hướng, mọi hình thể đối kháng va chạm nhau.

THI

Thái bình nhờ ở luật quy tâm
Đức sáng tung ra khắp cõi trần
Dinh dưỡng muôn loài cùng vạn vật
Nhờ ân không biết đó là ân.

Lão Đế Quân dạy bao nhiêu lời tất yếu trong đàn nay với tinh thần quy nguyên Đại Đạo và, hơn nữa, quy nguyên từ cá nhân tới gia đình ra xã hội, cuối cùng phổ cập⁽²⁵⁾ đến nhơn loại bằng cái nhìn bao dung từ ái của Đức Chí Tôn quảng đại vô biên.

(...)

Lão ban ân toàn cả chư hiền đệ, hiền muội lớn nhỏ đàn tiền. Lão chiếu điển chứng lòng hầu hết. Hãy yên tâm để lãnh giáo Thiêng Liêng. Không nên tư tâm, tùy ý nguyện riêng tư trong lúc mà nhơn sanh đau khổ, trong lúc mà đạo tâm ly tán, tinh thần sụp đổ chính nghiêng, chỉ nhờ những sự xây dựng thiết thực, bàn tay của hàng thiện chí tu thân độ thế.

Chư phạm sự y lệnh thi hành. Lão Đế Quân giã từ đàn nội. Thăng.

⁽²⁵⁾ *Phổ cập* 普及: Làm cho trở thành rộng khắp, đến với rộng rãi quần chúng (to universalize).

8. MÓN QUÀ CUỐI NĂM CHO NGƯỜI HỮU TÂM TÌM ĐẠO

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
Tuất thời, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

TIẾP DIỄN

THI

Thương đời lặn hụp biển trầm luân ⁽¹⁾
Nghiệp chướng trả vay mây thuở ngừng
Đem đạo giáo khuyên nên tỉnh ngộ
Sớm tìm lối thoát, ấy nguyên nhân. ⁽²⁾

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Lão chào mừng chư hiền đệ, hiền muội đàn trung.

Giáp Dần sắp mãn, Ất Mão hầu sang, Lão giáng đàn đề độ rồi hàng thiện căn ⁽³⁾ tìm đường giải thoát cho điểm chơn hồn khỏi mãi lặn hụp nơi trầm luân khổ hải. ⁽⁴⁾ Vậy Lão miễn lễ. Đàn trung đồng an tọa.

⁽¹⁾ *Trầm luân* 沉淪: Chìm đắm (to sink).

⁽²⁾ *Nguyên nhân* 原人: Những chơn linh nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

⁽³⁾ *Thiện căn* 善根: Gốc rễ tốt lành. *Hàng thiện căn*: Những người vốn có gốc lành, những người có tâm đạo.

⁽⁴⁾ *Khổ hải* 苦海: Biển khổ (the sea of suffering).

Chư hiền đệ, hiền muội!

Đã sanh vào cõi vô thường, ⁽⁵⁾ mỗi điểm chơn hồn mang nhục thể ⁽⁶⁾ vào đời đều có mang một sứ mạng để tự tu tự tiến và giúp cho bộ máy Thiên luân ⁽⁷⁾ trong cuộc điều hành vũ trụ. Những điểm chơn hồn đó tuy căn trí có khác nhau từ các hàng đại giác nguyên căn cho đến hàng phàm phu tục lụy, ⁽⁸⁾ nhưng mỗi mỗi đều có sứ mạng và nhiệm vụ của nó giống như từng con ốc, bánh xe, cái chốt trong bộ máy toàn thể. Đừng ai tối tăm nghĩ rằng sự sống đơn phương riêng rẽ của mình không liên hệ gì với sự sống đại thể của muôn loài vạn vật rồi tự đi tìm lối rẽ thụ hưởng riêng tư trong phạm vi nhỏ hẹp, vị kỷ, vị thân. ⁽⁹⁾

Đời nhơn sanh đang khổ lụy cũng vì sự mê nhận ấy. Thế nên lòng từ bi của Đấng Chí Tôn Thượng Đế đã mở Đạo suốt trong ba thời kỳ, cốt ý là để cảnh tỉnh cho thể nhân giác ngộ về cái lý ấy để hầu phụng sự Thiên cơ cho hợp tình hợp Đạo, tự cứu và cứu tha. ⁽¹⁰⁾ Tuy lòng từ ái vô biên của Đấng Đại Từ Phụ thì như thế, nhưng sự cứu rỗi ⁽¹¹⁾ có

⁽⁵⁾ *Cõi vô thường*: Cõi thể gian nay còn mai mất (the impermanent world).

⁽⁶⁾ *Nhục thể* 肉體: Tâm thân xác thịt (physical body).

⁽⁷⁾ *Thiên luân* 天輪: Luân là bánh xe (wheel), sự xoay vắn (rotation). *Thiên luân* là bánh xe Tạo Hóa, ám chỉ sự xoay vắn của trời đất, sự vận chuyển của vũ trụ.

⁽⁸⁾ *Tục lụy* 俗累: Sự ràng buộc ở đời. *Hàng phàm phu tục lụy*: Những kẻ tầm thường bị ràng buộc trong đời.

⁽⁹⁾ *Vị kỷ* 爲己: Vì mình, ích kỷ (selfish). *Vị thân* 爲親: Vì người thân (for one's relatives).

⁽¹⁰⁾ *Cứu tha* 救他: Cứu người khác (to save other people).

⁽¹¹⁾ *Cứu rỗi*: Xem **Phụ Chú** cuối bài thánh giáo này.

được hữu hiệu cùng chẳng là bởi mỗi thể nhân có ý thức và thực hành chơn lý cùng chẳng. Đó là một lẽ khác.

Trên thế gian cha mẹ nào lại không thương con, muốn con được nên văn nên võ, đạo nghiệp thế nghiệp song toàn, trước tự hưởng lấy thân, sau làm vinh quang cho thế tộc.⁽¹²⁾ Thế mà nào phải mỗi đứa con nào cũng đều có ý thức như vậy đâu. Trái lại chúng còn cho rằng kỷ luật gia môn nghiêm khắc, bắt chúng phải làm thế này thế nọ mất cả tự do, nhưng chúng nào biết đâu đó là tự do trong phóng túng, trong hư hỏng, trong sa đọa.

Trong hàng chúng sanh có hơn loại là hàng khôn ngoan tiến bộ hơn hết. Loài người thuộc vào hàng tối linh trong vạn vật. Được tối linh nhờ bởi điểm linh quang tối diệu của Thượng Đế phát ban. Tuy rằng phần nhục thể cũng âm thực, bài tiết, v.v... như vạn loại, nhưng loài người biết sĩ diện, biết phải trái, biết thiện ác, biết hư nên siêu đọa, v.v... là nhờ bởi điểm tối linh tối diệu đó. Nếu loài người biết gìn giữ chơn tâm, phát triển thánh tâm, khai triển thánh đức thì sẽ trở nên hàng thánh thiện, lần hồi tiến đến phẩm vị Phật Tiên; còn trái lại thì cũng không hơn gì các loài chúng sanh trong hàng hạ đẳng. Thế nên muốn thành Thần Thánh Tiên Phật cũng do mình, hoặc hóa loài ngạ quỷ⁽¹³⁾ súc sanh cũng do mình. Dầu lòng từ ái của Đấng Đại Từ Đại Bi vô lượng vô biên cũng không làm sao ấm lòng, cất nhắc lên cho những tâm hồn mê muội, hoặc giả mê giả dốt. Lời thế nhân thường nói, ai ăn nấy no, ai ngủ nấy khỏe, không ai có thể ngủ thay thế cho ai; còn trong đạo thì có câu: Ông tu

⁽¹²⁾ *Thế tộc* 世族: Gia tộc, dòng họ (*clan, family*).

⁽¹³⁾ *Ngạ quỷ* 餓鬼: Quỷ đói (*hungry demons*).

ông đắc, bà tu bà đắc, nào ai tu thế được cho ai.

Như trên đã nói, chúng sanh có nhiều giai tầng căn trí, còn loài người cũng có nhiều giai tầng xã hội, từ phú quý vinh hoa đến bần hàn đói khổ. Từ da trơn thịt liền cho đến tật nguyên khổ thân xấu xí, từ may mắn hữu duyên đến rủi ro bạc phước, đều do căn nghiệp tu phước tu huệ, những quá khứ kiếp của mỗi chơn hồn.

Còn nói qua lãnh vực thiền định công phu, tham thiền tịnh luyện, mỗi hành giả có được tu chứng đến đâu cũng đều do cái lý ấy mà ra. Trong hàng đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiền định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo Phật tác Tiên, thoát thai thần hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phần nửa mà thôi, còn phần nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng.

Thứ nữa là nhờ pháp môn ấy để làm phương tiện chuyển hóa tâm hồn được thuần thành khả ái do không chấp, không câu, không nề,⁽¹⁴⁾ không lự.⁽¹⁵⁾ Hễ lòng người không chấp, câu, nề, lự sẽ được phóng khoáng thuần thành, thơ thới vui tươi, khoan dung từ ái, ôn hòa phúc hậu. Đó là diện mạo của thánh hơn tại tiền.

Lão muốn đề cập thêm một khía cạnh khác nữa, đó là quan niệm thông thường, nhưng đa số trong giới người tu, đó là tu theo tài tử, nghĩa là hành giả bước chậm hoặc mau

⁽¹⁴⁾ *Chấp* 執, *câu* 拘, *nê* (nê) 泥: Cố chấp, câu nê, gò bó vào một điều gì không chịu thay đổi (*rigid, inflexible*).

⁽¹⁵⁾ *Lự* 慮: Lo âu (*anxious*).

trên đường chơn đạo ⁽¹⁶⁾ tùy theo sở hứng, sở thích hoặc vị kỷ, vị danh, hoặc thì giờ nhàn rỗi của mình, nhưng nào hay đâu sự tu thân hành đạo rất cần gắn liền với sự sống theo nhịp thở từng phút từng giây.

Người đời hay sanh bệnh hoạn, mau già mau chết là bởi cái quan niệm ấy. Mầm sống của con người ngoài những phương tiện vật chất thông thường như cơm ăn, nước uống, thuốc trị bệnh, khí trời để nuôi dưỡng phần nhục thể, nhưng phần tâm linh lại cũng cần nuôi dưỡng thiết yếu hơn.

Nhưng người ta lại quên mất nó đi. Hàng ngày chí tới bao nhiêu lo nghĩ ưu tư, tính toán lợi hại, đắc thất, buồn vui, sợ hãi làm những sợi dây buộc ràng cột trói tâm hồn, mấy khi được thanh thản nghỉ ngơi. Tất cả đều hướng ngoại vọng động, tâm thân nhục thể như cái xác không hồn. Bộ máy tuần hoàn châu lưu ⁽¹⁷⁾ huyết quản vận hành khắp đủ châu thân, mỗi giây mỗi phút không ngừng chuyển vận. Những tay thợ máy, những kỹ sư cơ khí, những lao công khuân vác hoạt động âm thầm nhưng náo nhiệt ấy, hỏi ai người có biết có hay? Mỗi ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tính ra bao nhiêu hơi thở ra vào, mấy ai lưu ý tới hơi thở nào là ý thức và hơi thở nào là vô ý thức, nhưng đó là nguồn sanh tử tới cần thiết cho tiểu thiên địa nhơn thân.

Ôi, tuyệt diệu thay! Ôi, mầu nhiệm thay! Ôi, công trình thay cho những bàn tay khéo léo vô danh âm thầm hoạt động đó!

Hỡi ai biết thương thân mình! Hỡi ai muốn đạt được ý nguyện tối thượng là thoát thai thần hóa, siêu sanh tịnh độ!

⁽¹⁶⁾ Chơn (chân) đạo 真道: Pháp môn tịnh luyện, tu thiên.

⁽¹⁷⁾ Châu (chủ) lưu 周流: Chảy khắp nơi (to flow around).

Hãy bình tâm mà suy nghiệm lời này.

(...)

Chư hiền đệ, hiền muội đàn trung!

Những lời Lão vừa phân để làm món quà cuối năm cho người hữu tâm tìm Đạo. Nên lấy đó làm bài học khai tâm bước đầu xuân mới. Một dịp khác, Lão tùy cơ duyên độ rỗi thêm cho.

(...)

Lão ban ơn chư hiền đàn trung lưỡng phái. Lão trở lại thượng giới. Thăng.

*

PHỤ CHÚ

Cứu 救 (từ Hán Việt) được dùng rộng rãi trong kinh sách xưa nay. Ta hay nói các Đấng giáo chủ mở đạo để cứu đời, để cứu thế.

Ta còn nói cứu vớt. Từ này dính dáng tới quan niệm đời là bể khổ, là sông mê. Con người sống trên đời ví như đang bị chìm đắm trong bể khổ, lặn hụp trong sông mê. Thế nên các Đấng đem đạo (tôn giáo) đến để vớt ta lên thuyền, để cứu ta. Ở đây, tôn giáo được ví von là con thuyền.

Vớt lên thuyền rồi không lẽ cứ bập bênh theo dòng nước, mà phải đưa ta vào bờ cho an toàn. Do đó lại nói cứu độ. Chữ độ 度 nghĩa là chở qua sông (mê), đưa qua biển (khổ).

Cứu chuộc là một từ nên nêu thêm. *Chuộc* là đem tiền hay vàng để đánh đổi nhằm lấy lại cái gì đã mất. Anh ấy

tổn hết một triệu đồng chuộc lại cái bóp (ví). Hồ Xuân Hương viết: *Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi*.

Từ *cứu chuộc* có nguồn gốc từ Công Giáo. Mọi người đã phạm tội (Rôma 3:23), và Đức Giêsu đổ máu trên thập giá để *chuộc* tội cho con người. Con người đánh mất linh hồn; Chúa đến giúp ta *chuộc* lại linh hồn đã mất.

Có một từ nữa, quen thuộc trong lời ăn tiếng nói nhiều người, là *cứu rỗi*. Chữ *rỗi* gọi ta nghĩ tới *rỗi rảnh, nhàn rỗi*, nghĩa là thông thả, không bị ràng buộc. Con người sống trên đời bị ràng buộc vào tham muốn, sân hận, si mê (ngu muội), vì thế gây nên tội lỗi rồi bị vướng vào tù ngục thế gian; chết đi linh hồn lại chịu đày đọa nơi địa ngục. Các Đấng giáo chủ đem đạo (tôn giáo) tới để giác ngộ cho ta thoát khỏi tham sân si, khỏi phạm tội; nhờ thế, khi còn sống thì tâm hồn và đời ta được *rỗi*, lúc chết đi thì linh hồn ta cũng được *rỗi*. Tuy nhiên, mỗi khi nói *cứu rỗi* phần đông chúng ta có lẽ chỉ nghĩ tới chữ *cứu* mà bỏ sót ý nghĩa sâu xa của chữ *rỗi*.

Phân tách thì *cứu vớt, cứu độ, cứu chuộc, cứu rỗi* khác nhau chút xíu như trên, chứ không hẳn hoàn toàn đồng nghĩa. Nhưng cần dịch ra tiếng Anh đành phải xóa nhòa chỗ khang khác ấy, chỉ nói gọn là *to save*, là *salvation* mà thôi.

Thánh giáo Cao Đài còn dùng từ *cứu cánh*. Đức Chí Tôn mở đạo là để *cứu cánh* con người. Cần phân biệt hai nghĩa:

① Chúng ta quen hiểu cứu cánh là *mục đích sau cùng (ultimate purpose)*, tương phản với phương tiện. Ta thường nói cứu cánh biện minh cho phương tiện (*the end justifies the means*).

② Kinh Phật dùng từ *paramita*, người Hoa mượn âm viết chữ Hán là 波羅蜜多 (người Việt đọc *ba la mật đa*). Người Hoa dịch nghĩa là *đáo bỉ ngạn* 到彼岸, tức là *sang bờ bên kia*. Thuật ngữ này dính dáng tới quan niệm đời là bể khổ, sông mê; bên này là bến mê lầm (mê tân 迷津), bên kia là bờ giác ngộ (giác ngạn 覺岸).

Kinh Phật lại nói *prajna paramita*, tức là *bát nhã ba la mật đa*, nghĩa là *trí huệ đáo bỉ ngạn*. Ta hiểu, do luyện đạo (tu thiền) mà con người có trí huệ giúp mình vượt sông mê bể khổ để bước lên bờ giác ngộ. Từ quan niệm này, kinh sách ví đạo pháp là *thuyền bát nhã (prajna boat)* để cứu vớt, cứu độ con người.

Paramita (hay *đáo bỉ ngạn*) còn được người Hoa dịch là *cứu cánh* 究竟. Trong chữ Hán, *cánh* là hoàn tất (*complete*); *cứu* 究 là sau cùng (*final*), khác với chữ *cứu* 救 trong cứu độ, cứu rỗi, cứu giúp (*to save*). *Cứu cánh* (danh từ) là thành tựu sau rốt, kết quả trọn vẹn. Nhưng dùng như động từ thì *cứu cánh* nghĩa là *cứu độ*, tức là cứu vớt con người khỏi chìm đắm trong biển khổ tham sân si và đưa lên bờ giác ngộ.

Tóm lại, khi thánh giáo Cao Đài dạy rằng Thượng Đế mở đạo để *cứu cánh* con người, thì ta hiểu cứu cánh là cứu độ, cứu rỗi, cứu vớt.⁽¹⁸⁾

⁽¹⁸⁾ Dũ Lan Lê Anh Dũng, “Chữ Và Nghĩa”, tuần báo *Công Giáo và Dân Tộc* số 1883, ngày 09-11-2012.

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

- [Bình Minh I, 1968]. *Kinh Bình Minh Đệ Nhứt*. Sài Gòn: Giáo Hội Cao Đài Thống Nhứt.
- [Huệ Khải 2012a]. *Cẩm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo.
- [Huệ Khải 2012b]. *Ngô Văn Chiêu - Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo.
- [Huệ Khải 2012c]. *Tìm Hiểu Hai Bài Tiên Thiên Khí Hóa Và Quế Hương Nội Điện*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo.
- [Huệ Lương 1963] (Trần Văn Quế) và Trần Quốc Luyện. *Tiểu Sử Tam Trấn Oai Nghiêm* (ronéo). Sài Gòn: Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo.
- [Huỳnh Tịnh Paulus Của 1896]. *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Sài Gòn: Imprimerie Rey, Curriel & Cie, tome II.
- [Huỳnh Ngọc Trảng 1993], Trương Trọng Tường, và Hồ Tường. *Đình Nam Bộ: Tín Ngưỡng Và Nghi Lễ*.
- [La Quán Trung 1948]. *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (chữ Hán), hai tập. Thượng Hải: Xuân Minh Thư Cục.
- [La Quán Trung I, II, III, 1994]. *Tam Quốc Chí*, ba tập, Phan Kế Bính dịch. Nxb Văn Học và Nxb Mũi Cà Mau.
- [Mayers 1971], William Frederick. *The Chinese Reader's Manual*. Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company.
- [Minh Thánh 1930]. *Quan Đế Minh Thánh Kinh*. Mạnh Quốc Thoại dịch. Sài Gòn: nhà in Xưa Nay.

- [Minh Thánh 1964]. *Minh Thánh Kinh*. Trần Quang Thuận dịch. Gia Định: Ấn Quán Thạnh Mậu.
- [Minh Thánh knxb]. *Kinh Quan Đế Minh Thánh*. Vĩnh Long: Long Hồ Ấn Quán (không năm xuất bản).
- [Ngoại Truyện I, II, 1993]. *Tam Quốc Ngoại Truyện*, hai tập. Nguyễn Trung Hiền và Nguyễn Duy Phú dịch. Hà Nội: Nxb Giáo Dục.
- [Ngô Đức Thọ 1993] chủ biên. *Tự Điển Di Tích Văn Hóa Việt Nam*. Nxb Khoa Học Xã Hội và Nxb Mũi Cà Mau.
- [Quan Đế knxb]. *Quan Đế Đào Viên Minh Thánh Tụng Bản* (chữ Hán, không năm xuất bản).
- [Quan Thánh 1951]. *Quan Thánh Đế Quân Cứu Kiếp Chơn Kinh*. Rạch Giá: Nhà In Kiên Giang.
- [Sơn Nam 1971]. *Miền Nam Đầu Thế Kỷ XX: Thiên Địa Hội Và Cuộc Minh Tân*. Sài Gòn: Nxb Phù Sa.
- [Sơn Nam 1992a]. *Cá Tính Của Miền Nam*. Nxb Văn Hóa.
- [Sơn Nam 1992b]. *Người Sài Gòn*. Nxb Trẻ.
- [Sơn Nam 1993]. *Đồng Bằng Sông Cửu Long: Nét Sinh Hoạt Xưa*. Nxb Thành Phố.
- [Tam Nguơn 1953]. *Tam Nguơn Giác Thế Kinh*. Cần Thơ: Chiêu Minh Đoàn.
- Trương Chí Triết 1994]. *Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển*. Giang Tô.
- [Tư Hải 1948]. *Từ Hải*. Nxb Trung Hoa Thư Cục.
- [Văn Bìa I, II 1978]. *Tuyển Tập Văn Bìa Hà Nội*, hai tập. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội.

[Vương Hồng Sển 1969]. *Sài Gòn Năm Xưa*. Sài Gòn: Nxb Khai Trí.

[Vương Hồng Sển 1992]. *Sài Gòn Năm Xưa*. Nxb Thành Phố.

[Vương Hồng Sển 1993]. *Thú Xem Truyện Tàu*. Nxb Thành Phố.

[Werner 1969], Edward Theodore Chalmers. *A Dictionary of Chinese Mythology*. New York: The Julian Press, Inc. Publishers.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc các **điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu).

Kinh sách được ấn tổng để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

BAN ÁN TỔNG

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN**. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG**. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI**. Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN**. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN**. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN**. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ**. Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH**. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965)**. Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG**. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI**. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO**. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ**. Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI**. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG**. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI**. Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG**. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-3. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI**. Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN**. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO**. Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT**. Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH**. Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO**. Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-1. **MỘT ĐỒNG BÁT NHÃ**. Huệ Khải, 2010.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU**. Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP**. Đại Cơ Huân, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ**. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO**. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI**. Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA**. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN**. Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**. Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ**. Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI**. Huệ Khải, 2011.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH**. Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ**. Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**. Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN**. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC**. Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI**. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-2. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA**. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần.
- 52-1. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ**. Huệ Khải, 2012.
- 53-1. **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950)**. Huệ Khải, 2012.
- 54-1. **BẮC CẦU TÂM LINH**. Huệ Khải, 2012.
- 55-1. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN**. Huệ Khải, 2012.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ**. Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI**. Thiện Bảo, 2012.
- 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU**. Đạt Đức, 2013.
- 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2013.
- * **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** tập Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I, II, III, IV-2012. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)
- Ghi chú: 57.1 tức là quyển 57, in lần thứ nhất. 24.3 tức là quyển 24, in lần thứ ba.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

HUỆ KHẢI QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Bìa 4: HUỆ KHẢI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **81-2013/CXB/142-04/TG**, ngày 17-01-2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2013.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653